TUẦN 1

ÔN TẬP : KHÁI NIỆM PHÂN SỐ ; TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ ; SO SÁNH HAI PHÂN SỐ. PHÂN SỐ THẬP PHÂN

I. Kiến thức cần ghi nhớ.

- Phân số gồm tử số và mẫu số (khác 0).

Khi đọc phân số ta đọc tử số trước rồi đọc "phần" sau đó đọc tử số.

* Lưu ý :

- Mọi số tự nhiên có thể viết thành phân số với mẫu số là 1 (VD: 15 = $\frac{15}{1} = 15$)

- Số 1 có thể viết thành phân số có tử số và mẫu số bằng nhau và k hác 0

Ví dụ: 1 = $\frac{5}{5}$

Số 0 có thể viết thành phân số có tử số bằng 0 và mẫu số khác 0 (VD: 0 = $\frac{0}{2019}$)

* Lưu ý : Thương của phép chia số tự nhiên cho số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành phân số mà tử số là số bị chia con mẫu số là số chia

Ví dụ : 3 : 5 = $\frac{3}{5}$

2. Các tính chất của phân số:

- Nếu nhân cả tử số và mẫu số của một phân số với cùng một số tự nhiên khác 0 thì được một phân số mới bằng phân số đã cho.

Ví dụ 1: a) $\frac{5}{4} = \frac{5\times5}{4\times5} = \frac{25}{20}$

b) $\frac{3}{7} = \frac{3\times2}{7\times2} = \frac{6}{14}$

- Nếu chia cả tử số và mẫu số của một phân số với cùng một số tự nhiên khác 0 thì được một phân số bằng phân số đã cho.

Ví dụ 2:

$\frac{20}{36} = \frac{20:4}{36:4} = \frac{5}{9}$

$\frac{75}{100} = \frac{75:25}{100:25} = \frac{3}{4}$

-Áp dụng tính chất cơ bản của phân số để:

+ Rút gọn phân số

+ Quy đồng mẫu số các phân số

3. So sánh hai phân số

- So sánh hai phân số có cùng mẫu số: Ta so sánh tử số với tử số.

+ Nếu tử số nào bé hơn thì phân số đó bé hơn.

+ Nếu tử số nào lơn hơn thì phân số đó lơn hơn.

+ Nếu hai tử số bằng nhau thì hai phân số đó bằng nhau.

- So sánh hai phân số khác mẫu: + Quy đồng mẫu số

+ So sánh cùng tử số

- So sánh phân số với 1:

+ Nếu tử số mà bé hơn mẫu số thì phân số đó bằng 1.

+ Nếu tử số lớn hơn mẫu số thi phân số đó lớn hơn 1.

+ Nếu tử số bằng mẫu số thì phân số đó bằng 1.

BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Bài 1. Viết rồi đọc phân số chỉ phần đã tô đậm trong mỗi hình dưới đây :

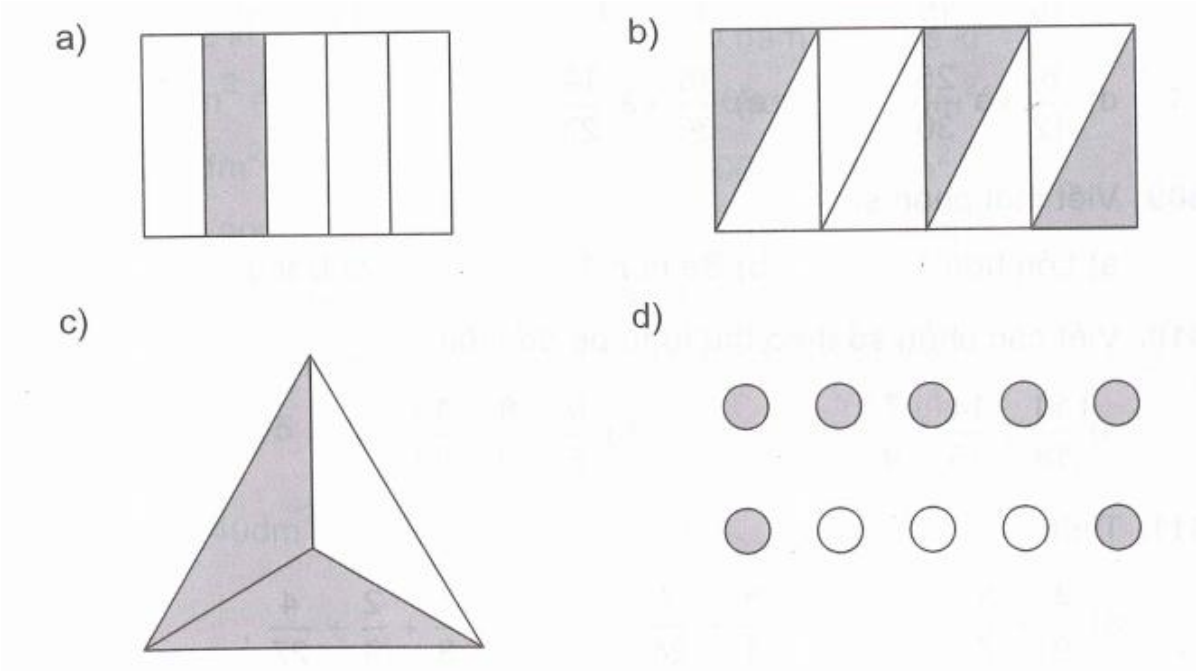

……

……

……

……

Bài 2. Viết vào ô trống theo mẫu:

Viết	Đọc	Tử số	Mẫu số
$\frac{9}{10}$	chín phần mười	9	10
		5	9
$\frac{11}{100}$			
	hai mươi bảy phần mười ba		
	sáu mươi lăm phần một nghìn		
$\frac{8}{21}$			
		30	17

Bài 3:

Viết các thương sau dưới dạng phân số:

8 : 15 = …….. 7 : 3 = ……

45 : 100 = …… 11 : 26 = ……

Bài 4. Cho 2 số 5 và 7. Hãy viết các phân số sau:

a. Nhỏ hơn 1 .....

b. Bằng 1 .....

c. Lớn hơn 1 .....

Bài 5. Phân số nào trong các phân số dưới đây không bằng phân số $\frac{18}{36}$?

A. $\frac{9}{18}$ B. $\frac{6}{12}$ C. $\frac{3}{4}$ D. $\frac{1}{2}$

Bài 6. Bao gạo có 45kg, cửa hàng đã bán 9kg. Hỏi cửa hàng đã bán bao nhiêu phần bao gạo?

A. $\frac{1}{5}$ bao gạo B. $\frac{45}{9}$ bao gạo C. $\frac{36}{9}$ bao gạo D. $\frac{9}{36}$ bao gạo

Bài 7. Rút gọn các phân số sau

a) $\frac{8}{12}$ = …….. b) $\frac{35}{45}$ = …….. c) $\frac{30}{42}$ = ……...

Bài 8. Quy đồng mẫu số các phân số sau:

a) $\frac{2}{3}$ và $\frac{4}{15}$ b) $\frac{5}{6}$ và $\frac{13}{8}$ c) $\frac{4}{15}$ và $\frac{5}{72}$

……

……

……

……

……

……

Bài 9. So sánh các phân số sau:

a) $\frac{27}{31}$ và $\frac{2727}{3131}$ b) $\frac{11}{31}$ và $\frac{111}{311}$

……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 10.

a) Viết tất cả các phân số nhỏ hơn 1 có mẫu số là 212 và tử số lớn hơn 204

b) Viết tất cả các phân số lớn hơn 1 có mẫu số là 315 và tử số lớn hơn 317 nhưng nhỏ hơn 320.

……
……
……
……
……
……
……

Bài 11. Viết các phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn: $\frac{8}{9};\frac{3}{27};\frac{1}{3}$

……
……
……
……

Bài 12. Tìm số tự nhiên x sao cho: $\frac{4}{7}<\frac{x}{10}<\frac{5}{7}$

……
……
……

Bài 13. Viết các phân số sau thành phân số thập phân :

$\frac{13}{2}, \frac{11}{40}, \frac{32}{5}, \frac{21}{250}, \frac{1}{200}$

……
……
……
……
……
……

.....
.....

Bài 14. Hãy viết bốn phân số khác nhau, sao cho mỗi phân số lớn hơn $\frac{5}{6}$ và bé hơn $\frac{6}{7}$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 15. Viết vào chỗ chấm để các phân số sau thành phân số thập phân

a) $\frac{6}{30} = \frac{1\times....}{5\times....} = \frac{....}{10}$

b) $\frac{72}{800} = \frac{72:....}{800:....} = \frac{....}{100}$

c) $\frac{81}{270} = \frac{81:....}{270:....} = \frac{.....}{10}$

d) $\frac{19}{200} = \frac{....}{1000}$

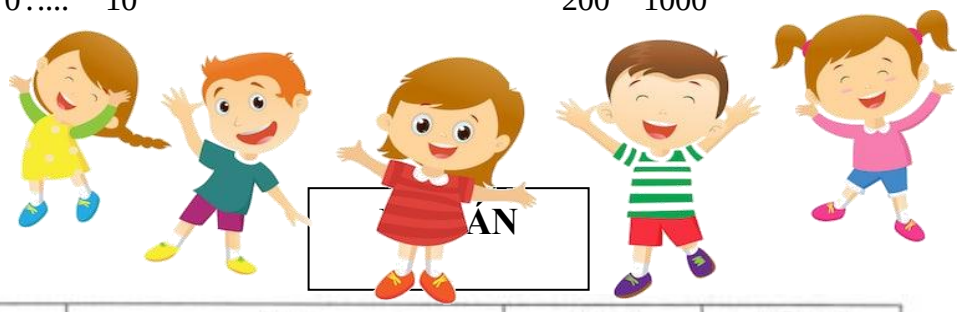

Bài 2.

Viết	Đọc	Tử số	Mẫu số
$\frac{9}{10}$	chín phần mười	9	10
$\frac{5}{9}$	năm phần chín	5	9
$\frac{11}{100}$	mười một phần một trăm	11	100
$\frac{27}{13}$	hai mươi bảy phần mười ba	27	13
$\frac{65}{1000}$	sáu mươi lăm phần một nghìn	65	1000
$\frac{8}{21}$	tám phần hai mươi mốt	8	21
$\frac{30}{17}$	ba mươi phần mười bảy	30	17

Bài 3:

$8 : 15 = \frac{8}{15}$; $7 : 3 = \frac{7}{3}$; $45 : 100 = \frac{45}{100}$; $11 : 26 = \frac{11}{26}$.

Bài 4. **a)** $\frac{2}{5}, \frac{2}{7}$ b) $\frac{2}{2}, \frac{5}{5}, \frac{7}{7}$ c) $\frac{5}{2}, \frac{7}{5}$

Bài 5. D **Bài 6. B**

Bài 7.

a) $\frac{8}{12} = \frac{8:4}{12:4} = \frac{2}{3}$ b) $\frac{35}{45} = \frac{35:5}{45:5} = \frac{7}{9}$ c) $\frac{30}{42} = \frac{30:6}{42:6} = \frac{5}{7}$

Bài 8.

a) $\frac{2}{3}$ và $\frac{4}{15}$

$\frac{2}{3} = \frac{2x5}{3x5} = \frac{10}{15}$

Giữ nguyên phân số $\frac{4}{15}$

b) $\frac{5}{6}$ và $\frac{13}{8}$

$\frac{5}{6} = \frac{5x3}{6x3} = \frac{15}{18}$

Giữ nguyên phân số $\frac{13}{8}$

c) $\frac{4}{15}$ và $\frac{5}{72}$

$\frac{4}{15} = \frac{4x24}{15x24} = \frac{96}{360}$

$\frac{5}{72} = \frac{5x5}{72x5} = \frac{25}{360}$

Bài 9.

a) ta có : $\frac{2727}{3131} = \frac{27x101}{31x101} = \frac{27}{31}$

Vậy $\frac{27}{31} = \frac{2727}{3131}$

b) Ta có : $1 - \frac{11}{31} = \frac{20}{31}$; $1 - \frac{111}{311} = \frac{200}{311}$.

Do : $\frac{20}{31} = \frac{200}{310} > \frac{200}{311}$ suy ra $\frac{111}{311} > \frac{11}{31}$.

Bài 10.

a) Các phân số nhỏ hơn 1 có mẫu số là 212 và tử số lớn hơn 204 là :

$\frac{205}{212}, \frac{206}{212}, \frac{207}{212}, \frac{208}{212}, \frac{209}{212}, \frac{210}{212}$ và $\frac{211}{212}$.

b) Các phân số lớn hơn 1 có mẫu số là 315 và tử số lớn hơn 317 nhưng nhỏ hơn 320 là : $\frac{318}{315}$ và $\frac{319}{315}$.

Bài 11. $\frac{3}{27}; \frac{1}{3}; \frac{8}{9}$

Bài 12. Tìm số tự nhiên a sao cho: $\frac{4}{7} < \frac{a}{10} < \frac{5}{7}$

Ta có : $\frac{4}{7} = \frac{4x10}{7x10} = \frac{40}{70}$ $\frac{5}{7} = \frac{5x10}{7x10} = \frac{50}{70}$ $\frac{a}{10} = \frac{ax7}{10x7} = \frac{ax7}{70}$

Suy ra $\frac{40}{70} < \frac{a\ x7}{70} < \frac{50}{70}$ Hay $40 < a\ x\ 7 < 50$

Suy ra a = 6 hoặc a = 7 là thỏa mãn

Vậy a = 6 hoặc a = 7 thỏa mãn điều kiện $\frac{4}{7} < \frac{a}{10} < \frac{5}{7}$

Bài 13.

$\frac{13}{2}=\frac{13\times 50}{2\times 50}=\frac{650}{100}$; $\frac{11}{40}=\frac{11\times 25}{40\times 25}=\frac{275}{1000}$; $\frac{32}{5}=\frac{32\times 20}{5\times 20}=\frac{640}{100}$;

$\frac{21}{250}=\frac{21\times 4}{250\times 4}=\frac{84}{1000}$; $\frac{1}{200}=\frac{1\times 5}{200\times 5}=\frac{5}{1000}$.

Bài 14.

Ta có $\frac{5}{7}=\frac{5x6}{7x6}=\frac{30}{42}$

Ta có thể chọn 5 phân số lớn hơn $\frac{5}{6}$ và bé hơn $\frac{6}{7}$ là $\frac{31}{42},\frac{32}{42},\frac{33}{42},\frac{34}{42},\frac{35}{42}$

Bài 15. a) $\frac{6}{30}=\frac{1\times....}{5\times....}=\frac{....}{10}$ b) $\frac{72}{800}=\frac{72:8}{800:8}=\frac{9}{100}$

c) $\frac{81}{270}=\frac{81:27}{270:27}=\frac{3}{10}$ d) $\frac{19}{200}=\frac{95}{1000}$

TUẦN 2

ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ, PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA PHÂN SỐ. HỖN SỐ

I. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ

1. phép cộng và phép trừ hai phân số

1.1. Phép cộng hai phân số

a) Phép cộng hai phân số có cùng mẫu số

Quy tắc: Muốn cộng hai phân số có cùng mẫu số, ta cộng hai tử số với nhau và giữ nguyên mẫu số.

Ví dụ : $\frac{3}{7}+\frac{5}{7}=\frac{3+5}{7}=\frac{8}{7}$

b) Phép cộng hai phân số khác mẫu số

Quy tắc: Muốn cộng hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số hai phân số, rồi cộng hai phân số đó.

Ví dụ: $\frac{3}{4}+\frac{2}{3}=\frac{9}{12}+\frac{8}{12}=\frac{9+8}{12}=\frac{17}{12}$

* Chú ý: Khi thực hiện phép cộng hai phân số, nếu phân số thu được chưa tối giản thì ta rút gọn thành phân số tối giản.

c. Tính chất của phép cộng phân số

+) Tính chất giao hoán: Khi đổi chỗ các phân số trongg một tổng thì tổng không thay đổi.

$$(a + b = b + a)$$

+ Tính chất kết hợp: Khi cộng một tổng hai phân số với phân số thứ ba thì ta có thể cộng phân số thứ nhất với tổng của hai phân số còn lại.

$$(a + b) + c = a + (b + c)$$

+ Cộng với số 0: Phân số nào cộng với (0) cũng bằng chính phân số đó.

$$(a + 0 = 0 + a = a)$$

1.2.Phép trừ hai phân số

a) Phép trừ hai phân số có cùng mẫu số

+) Quy tắc: Muốn trừ hai phân số có cùng mẫu số, ta trừ tử số của phân số thứ nhất cho mẫu số của phân số thứ hai và giữ nguyên mẫu số.

b) Phép trừ hai phân số khác mẫu số

+) Quy tắc: Muốn trừ hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số hai phân số, rồi trừ hai phân số đó.

Ví dụ : $\frac{3}{5}-\frac{3}{8}=\frac{24}{40}-\frac{15}{40}=\frac{24-15}{40}=\frac{9}{40}$

* Chú ý: Khi thực hiện phép trừ hai phân số, nếu phân số thu được chưa tối giản thì ta rút gọn thành phân số tối giản.

1.3. Phép nhân hai phân số

Muốn nhân hai phân số ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số.

Ví dụ: $\frac{5}{11}\times\frac{4}{9}=\frac{5\times4}{11\times9}=\frac{20}{99}$

1.4 Phép chia hai phân số

Muốn chia hai phân số cho một phân số ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược:

Ví dụ: $\frac{21}{8}:\frac{11}{9}=\frac{21}{8}\times\frac{9}{11}=\frac{21\times9}{8\times11}=\frac{189}{88}$

2. Hỗn số.

+) Mỗi hỗn số gồm phân nguyên và phần phân số. Phần phân số của hỗn số bao giờ cũng bé hơn đơn vị.

+) Khi đọc (hoặc viết) ta đọc (hoặc viết) phần nguyên rồi đọc (hoặc viết) phần phân số.

+) Có thể viết hỗn số thành phân số có :

. Tử số bằng phần nguyên nhân với mẫu số rồi cộng với tử số ở phần phân số.

* Mẫu số bằng mẫu số ở phần phân số.

BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Bài 1: Tính

a) $\frac{6}{5}+\frac{3}{8}$; b) $\frac{7}{9}-\frac{1}{6}$; c) $\frac{4}{25}+\frac{1}{15}$ d) $\frac{9}{84}+\frac{1}{12}$

……
……
……
……
……
……

Bài 2. Tính

a) 4 + $\frac{5}{11}$ **;** **b) 13 -** $\frac{3}{2}$ **;** **c) 1 - (** $\frac{1}{3}+\frac{1}{2}$ **)**

……
……
……
……
……
……

Bài 3. Tính

a) $\frac{1}{12}$ x $\frac{4}{5}$ b) $\frac{40}{7} \times \frac{21}{5}$ c) $\frac{9}{5} : \frac{4}{7}$ d) $\frac{11}{24} : \frac{44}{3}$

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 4. Tính

a) 15 : $\frac{11}{12}$ b) 4 x $\frac{3}{7}$ c) $\frac{1}{2}$: 5

……
……
……
……
……
……
……

Bài 5. Chuyển các hỗn số sau về phân số

a) $4\frac{2}{3}$ **= ……..** **b)** $\mathbf{6\frac{6}{10}}$**=**

……..

c) $\mathbf{27\frac{11}{12}}$**=** …….. d) $7\frac{2}{5}$

=……

Bài 6. Chuyển các hỗn số sau về phân số rồi tính.

a) $3\frac{3}{4} + 1\frac{1}{3}$ **=**

……

b) $13\frac{1}{2} - 2\frac{1}{4}$**=**

……
……

c) $3\frac{4}{7} \times 1\frac{4}{5}$ **=**

……

d) $11\frac{3}{8}:6\frac{5}{8}$ **=**

……

Bài 7. Tìm y

a) y + $\frac{2}{3}$ **=** $\frac{5}{2}$ **b)** $3\frac{4}{5}-y=\frac{18}{5}$ **c) y -** $4\frac{5}{6}=2\frac{1}{6}+\frac{5}{6}$

……
……
……
……
……
……

Bài 8. Tính giá trị của biểu thức:

a) $\frac{7}{8}\times 3+\frac{5}{12}$ b) $\frac{4}{5}+\frac{7}{10}-\frac{1}{2}$ c) $\frac{6}{9}:(\frac{2}{3}:3)$

……
……
……
……
……
……

Bài 9. Cho phân số $\frac{2}{11}$. Hỏi phải cộng thêm vào tử số và mẫu số của phân số đã cho cùng một số tự nhiên nào đó để được phân số bằng $\frac{4}{7}$.

……
……
……
……
……
……

Bài 10. Điền dấu <; > ; = vào chỗ chấm cho thích hợp

a) $\frac{3}{4}+\frac{5}{2}.....\frac{5}{8}+2\frac{3}{5}$ b) $3\frac{1}{5}-\frac{8}{3}.....\frac{17}{5}-2\frac{12}{5}$

c) $2\frac{4}{9}+\frac{18}{7}.....\frac{22}{9}+2\frac{4}{7}$ **d)** $\frac{1}{31}+\frac{1}{32}+\frac{1}{33}+....+\frac{1}{89}+\frac{1}{90}.....\frac{5}{6}$

Bài 11. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $\frac{7}{19}\times\frac{1}{3}+\frac{7}{19}\times\frac{2}{3}$ **b)** $\frac{2}{5}+\frac{3}{4}+\frac{1}{4}$

……
……
……
……
……
……

Bài 12. Lớp 5A có 35 học sinh, trong đó có $\frac{1}{5}$ số học sinh giỏi Toán, $\frac{1}{7}$ số học sinh giỏi vẽ, $\frac{4}{7}$ số học sinh giỏi Tiếng Việt. Tìm số học sinh giỏi Toán, giỏi Tiếng Việt, giỏi Vẽ của lớp đó?

……
……
……
……
……
……

Bài 13. Mảnh vải thứ nhất dài $8\frac{3}{5}$ m, mảnh vải thứ hai ngắn hơn mảnh vải thứ nhất $1\frac{1}{2}$ m. Hỏi cả hai mảnh vải dài bao nhiêu mét ?

……
……
……
……
……
……

Bài 14. Tam giác ABC có chu vi là $\frac{4}{5}$ m. Cạnh AB có độ dài là $\frac{1}{5}$ m, cạnh BC có độ dài là $\frac{1}{4}$ m. Tìm phân số chỉ độ dài cạnh AC ? Cạnh nào dài nhất, cạnh nào ngắn nhất?

……
……
……
……
……
……

Bài 15. Tính diện tích của hình chữ nhật biết chiều dài là $\frac{12}{10}$ m và chiều rộng là $\frac{9}{10}$ m.

……
……
……
……

Bài 16. Một hình chữ nhật có diện tích là $\frac{10}{21}$ m^2, chiều dài hình chữ nhật là $\frac{5}{7}$ m. Tìm chiều rộng hình chữ nhật đó?

.....
.....
.....
.....

Bài 17. Tính nhanh

a) $15\times\frac{2121}{4343}+15\times\frac{222222}{434343}$ b) $\frac{16\times25+44\times100}{29\times96+142\times48}$ c) $\frac{399\times45+55\times399}{1995\times1996-1991\times1995}$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 18. Tính nhanh

a) $\frac{1}{2}+\frac{1}{4}+\frac{1}{8}+\frac{1}{16}+\frac{1}{32}+\frac{1}{64}$ b) $\frac{1}{2\ x\ 3}+\frac{1}{3x4}+\frac{1}{4x5}+\frac{1}{5x6}$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

BÀI 19. Tính nhanh

a) $\frac{1991}{1990}\times\frac{1992}{1991}\times\frac{1993}{1992}\times\frac{1994}{1993}\times\frac{995}{997}$

b) $\left(1-\frac{3}{4}\right)\times\left(1-\frac{3}{7}\right)\times\left(1-\frac{3}{10}\right)\times\left(1-\frac{1}{13}\right)\times...\times\left(1-\frac{3}{97}\right)\times\left(1-\frac{3}{100}\right)$

.....
.....
.....

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 20. Một cửa hàng bán gạo có 1 tấn gạo. Quầy đó bán ngày đầu được $2\frac{1}{2}$ tạ gạo. Ngày thứ hai bán nhiều hơn ngày thứ nhất $1\frac{3}{4}$ tạ gạo. Hỏi sau 2 ngày bán, cửa hàng đó còn lại bao nhiêu ki - lô - gam gạo?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 21. Dũng có 56 viên bi, Dũng cho Bình $\frac{4}{7}$ số bi, cho Minh $\frac{5}{8}$ số bi còn lại sau khi cho Bình. Hỏi Dũng cho Minh bao nhiêu viên bi ?

……
……
……
……
……
……
……

Bài 22. Bạn An, Bình, Cư chia nhau một số viên bi. An lấy $\frac{1}{8}$ số bi và 12 viên bi, Bình lấy $\frac{1}{9}$ số bi và 18 viên bi, còn lại 25 viên bi thì chia hết cho Cư. Hỏi ba bạn tổng cộng có bao nhiêu viên bi?

……
……
……
……
……
……

Bài 23. Hình chữ nhật có chiều dài $\frac{3}{4}$ dm vaø chiều rộng $\frac{2}{3}$ dm thì dieän tích laø:

A. $\frac{1}{2}$ m^2 B. $\frac{1}{2}$ dm^2 C. $\frac{6}{4}$ dm^2 D. $\frac{3}{12}$ dm^2

Bài 24. Chữ số 5 trong số $58\frac{3}{4}$ có giá trị là :

A . 50 B. 5 C. $\frac{5}{10}$ D. $\frac{5}{100}$

Bài 25. Trong các phân sô $\frac{13}{14}, \frac{15}{13}, \frac{16}{18}, \frac{19}{20}$ phân số nào có thể chuyển thành hỗn số là

A. $\frac{13}{14}$ B. $\frac{15}{13}$ C. $\frac{16}{18}$ D. $\frac{19}{20}$

ĐÁP ÁN

Bài 1:

a) $\frac{6}{5}+\frac{3}{8}=\frac{48}{40}+\frac{15}{40}=\frac{63}{40}$

b) $\frac{7}{9}-\frac{1}{6}=\frac{14}{18}-\frac{3}{18}=\frac{11}{18}$

c) $\frac{4}{25}+\frac{1}{15}=\frac{12}{75}+\frac{5}{75}=\frac{17}{75}$

d) $\frac{9}{84}+\frac{1}{12}=\frac{9}{84}+\frac{7}{84}=\frac{16}{84}=\frac{4}{21}$

Bài 2.

a) $4+\frac{5}{11}=\frac{44}{11}+\frac{5}{11}=\frac{44+5}{11}=\frac{49}{11}$

b) $13-\frac{3}{2}=\frac{26}{2}-\frac{3}{2}=\frac{26-3}{2}=\frac{23}{2}$

c) $1-(\frac{1}{3}+\frac{1}{2})=1-\frac{5}{6}=\frac{6-5}{6}=\frac{1}{6}$

Bài 3.

a) $\frac{1}{12}\times\frac{4}{5}=\frac{1\times4}{12\times5}=\frac{4}{60}=\frac{1}{15}$

b) $\frac{40}{7}\times\frac{21}{5}=\frac{40\times21}{7\times5}=\frac{840}{35}=24$

c) $\frac{9}{5}:\frac{4}{7}=\frac{9}{5}\times\frac{7}{4}=\frac{9\times7}{5\times4}=\frac{63}{20}$

d) $\frac{11}{24}:\frac{44}{3}=\frac{11}{24}\times\frac{3}{44}=\frac{11\times3}{24\times44}=\frac{1}{32}$

Bài 4.

a) $15:\frac{11}{12}=15\times\frac{12}{11}=\frac{15\times12}{11}=\frac{180}{11}$

b) $4\times\frac{3}{7}=\frac{4\times3}{7}=\frac{12}{7}$

c) $\frac{1}{2}:5=\frac{1}{2}\times\frac{1}{5}=\frac{1\times1}{2\times5}=\frac{1}{10}$

Bài 5.

a) $4\frac{2}{3}=\frac{4\times3+2}{3}=\frac{14}{3}$

b) $6\frac{6}{10}=\frac{6\times10+6}{10}=\frac{66}{10}$

c) $27\frac{11}{12}=\frac{27\times12+11}{12}=\frac{335}{12}$

d) $7\frac{2}{5}=\frac{7\times5+2}{5}=\frac{37}{5}$

Bài 6.

a) $3\frac{3}{4}+1\frac{1}{3}=\frac{15}{4}+\frac{4}{3}=\frac{45}{12}+\frac{16}{12}=\frac{61}{12}$

b) $13\frac{1}{2}-2\frac{1}{4}=\frac{27}{2}-\frac{9}{4}=\frac{54}{4}-\frac{9}{4}=\frac{45}{4}$

c) $3\frac{4}{7}\times1\frac{4}{5}=\frac{25}{7}\times\frac{9}{5}=\frac{25}{7}\times\frac{9}{5}=\frac{45}{7}$

d) $11\frac{3}{8}:6\frac{5}{8}=\frac{91}{8}:\frac{53}{8}=\frac{91}{8}\times\frac{8}{53}=\frac{91}{53}$

Bài 7.

a) $y + \frac{2}{3} = \frac{5}{2}$ **b)** $3\frac{4}{5} - y = \frac{18}{5}$ **c)** $y - 4\frac{5}{6} = 2\frac{1}{6} + \frac{5}{6}$

$y = \frac{5}{2} - \frac{2}{3}$ $\frac{19}{5} - y = \frac{18}{5}$ $y - \frac{29}{6} = \frac{18}{6}$

$y = \frac{9}{6}$ $y = \frac{19}{5} - \frac{18}{5}$ $y = \frac{18}{6} + \frac{29}{6}$

$y = \frac{1}{5}$ $y = \frac{47}{6}$

Bài 8. Tính giá trị của biểu thức:

a) $\frac{7}{8} \times 3 + \frac{5}{12} = \frac{21}{8} + \frac{5}{12} = \frac{63}{24} + \frac{10}{24} = \frac{73}{24}$

b) $\frac{4}{5} + \frac{7}{10} - \frac{1}{2} = \frac{15}{10} - \frac{1}{2} = \frac{15}{10} - \frac{5}{10} = \frac{10}{10} = 1$

c) $\frac{6}{9} : (\frac{2}{3} : 3) = \frac{6}{9} : \frac{2}{9} = \frac{6}{9} \times \frac{9}{2} = 3$

Bài 9.

Bài giải

Khi ta cùng cộng thêm vào tử số và mẫu số của 1 phân số với 1 số tự nhiên thì hiệu số giữa mẫu số và tử số luôn không thay đổi

Hiệu mẫu số và tử số của phân số $\frac{2}{11}$ là : 11 - 2 = 9

Ta có tỉ số giữa tử số và mẫu số là $\frac{4}{7}$.

Tử số mới là : 9 : (7 - 4) x 4 = 12

Phân số mới là $\frac{12}{21}$

Vậy số tự nhiên cần cộng thêm vào tử số và mẫu số của phân số $\frac{2}{11}$ là :

12 -2 = 10

Đáp số : 10

Bài 10.

a) $\frac{3}{4} + \frac{5}{2} > \frac{5}{8} + 2\frac{3}{5}$ b) $3\frac{1}{5} - \frac{8}{3} < \frac{17}{5} - 2\frac{12}{5}$

c) $2\frac{4}{9} + \frac{18}{7} = \frac{22}{9} + 2\frac{4}{7}$

d) Ta có $\frac{1}{31}+\frac{1}{32}+\frac{1}{33}+....+\frac{1}{60}+\frac{1}{61}+\frac{1}{62}+....+\frac{1}{90}$

Đặt A = $\frac{1}{31}+\frac{1}{32}+\frac{1}{33}+....+\frac{1}{60}$ (có 30 số hạng)

B = $\frac{1}{60}+\frac{1}{61}+\frac{1}{62}+....+\frac{1}{90}$ (có 30 số hạng)

A > $\frac{1}{60}+\frac{1}{60}+\frac{1}{60}+....+\frac{1}{60}+\frac{1}{60}=\frac{30}{60}=\frac{1}{2}$

B > $\frac{1}{90}+\frac{1}{90}+\frac{1}{90}+....+\frac{1}{90}+\frac{1}{90}=\frac{30}{90}=\frac{1}{3}$

A + B > $\frac{1}{2}+\frac{1}{3}=\frac{5}{6}$

Vậy $\frac{1}{31}+\frac{1}{32}+\frac{1}{33}+....+\frac{1}{89}+\frac{1}{90}>\frac{5}{6}$

Bài 11. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $\frac{7}{19}\times\frac{1}{3}+\frac{7}{19}\times\frac{2}{3}=\frac{7}{19}\times(\frac{1}{3}+\frac{2}{3})=\frac{7}{19}\times1=\frac{7}{19}$

b) $\frac{2}{5}+\frac{3}{4}+\frac{1}{4}=\frac{2}{5}+(\frac{3}{4}+\frac{1}{4})=\frac{2}{5}+1=\frac{7}{5}$

Bài 12.

Bài giải

Số học sinh giỏi Toán là : 35 x $\frac{1}{5}$ = 7 (học sinh)

Số học sinh giỏi Tiếng Việt là : 35 x $\frac{4}{7}$ = 20 (học sinh)

Số học sinh giỏi Vẽ là : 35 x $\frac{1}{7}$ = 5 (học sinh)

Đáp số: giỏi Toán : 7 học sinh

Giỏi Tiếng Việt: 20 học sinh

Giỏi Vẽ : 5 học sinh

Bài 13. Bài giải

Ta có $8\frac{3}{5}=\frac{43}{5}$; $1\frac{1}{2}=\frac{3}{2}$

Mảnh vải thứ hai dài số mét là: $\frac{43}{5}-\frac{3}{2}=\frac{71}{10}$(m)

Cả hai mảnh vải dài số mét là : $\frac{43}{5} + \frac{71}{10} = \frac{157}{10}$(m)

Đáp số : $\frac{157}{10}$ mét

Bài 14.

Bài giải

Phân số chỉ độ dài cạnh AC là :

$\frac{4}{5} - (\frac{1}{5} + \frac{1}{4}) = \frac{7}{20}$(m)

Ta có $\frac{7}{20} > \frac{1}{4} > \frac{1}{5}$ nên cạnh AC là dài nhất, cạnh AB là ngắn nhất.

Đáp số : $\frac{7}{20}$ m

Cạnh AC dài nhất, cạnh AB ngắn nhất.

Bài 15. Bài giải

Diện tích hình chữ nhật là : $\frac{12}{10}$ x $\frac{9}{10} = \frac{108}{100}$($m^2$)

Đáp số: $\frac{108}{100}$(m^2)

Bài 16

Bài giải

Chiều rộng hình chữ nhật là : $\frac{10}{21} : \frac{5}{7} = \frac{2}{3}$(m)

Đáp số: $\frac{2}{3}$(m)

Bài 17.

a) $15\times\frac{2121}{4343}+15\times\frac{222222}{434343} = 15\times(\frac{2121}{4343}+\frac{222222}{434343}) = 15\times(\frac{21}{43}+\frac{22}{43}) = 15\times1 = 15$

b) $\frac{16\times25+44\times100}{29\times96+142\times48} = \frac{4\times100+4\times11\times100}{29\times96+71\times96} = \frac{4\times100\times(1+11)}{96\times(29+71)} = \frac{4\times100\times12}{96\times100} = \frac{48}{96} = \frac{1}{2}$

c) $\frac{399\times45+55\times399}{1995\times1996-1991\times1995} = \frac{399\times(45+55)}{1995\times(1996-1991)} = \frac{399\times100}{1995\times5} = \frac{399\times5\times5\times4}{399\times5\times5} = 4$

Bài 18

a) $\frac{1}{2}+\frac{1}{4}+\frac{1}{8}+\frac{1}{16}+\frac{1}{32}+\frac{1}{64}$

đặt A = $\frac{1}{2}+\frac{1}{4}+\frac{1}{8}+\frac{1}{16}+\frac{1}{32}+\frac{1}{64}$

$\frac{1}{2}=1-\frac{1}{2}$

$\frac{1}{2}+\frac{1}{4}=\frac{3}{4}=1-\frac{1}{4}$

$\frac{1}{2}+\frac{1}{4}+\frac{1}{8}=\frac{7}{8}=1-\frac{1}{8}$

.....

vậy A = $\frac{1}{2}+\frac{1}{4}+\frac{1}{8}+\frac{1}{16}+\frac{1}{32}+\frac{1}{64}$

= 1 - $\frac{1}{64}$ = $\frac{64}{64}-\frac{1}{64}=\frac{63}{64}$

b) $\frac{1}{2\ x\ 3}+\frac{1}{3x4}+\frac{1}{4x5}+\frac{1}{5x6}=\frac{3-2}{2\ x\ 3}+\frac{4-3}{3x4}+\frac{5-4}{4x5}+\frac{6-5}{5x6}$

$=\frac{3}{2\ x\ 3}-\frac{2}{2x3}+\frac{4}{3x4}-\frac{3}{3x4}+\frac{5}{4x5}-\frac{4}{4x5}+\frac{6}{5x6}-\frac{5}{5x6}$

$=\frac{1}{2}-\frac{1}{3}+\frac{1}{3}-\frac{1}{4}+\frac{1}{4}-\frac{1}{5}+\frac{1}{5}-\frac{1}{6}$

$=\frac{1}{2}-\frac{1}{6}=\frac{3}{6}-\frac{1}{6}=\frac{2}{6}=\frac{1}{3}$

Bài 19.

a) $\frac{1991}{1990}\times\frac{1992}{1991}\times\frac{1993}{1992}\times\frac{1994}{1993}\times\frac{995}{997}=\left(\frac{1991}{1990}\times\frac{1992}{1991}\right)\times\left(\frac{1993}{1992}\times\frac{1994}{1993}\right)\times\frac{995}{997}$

$=\left(\frac{1992}{1990}\times\frac{1994}{1992}\right)\times\frac{995}{997}$

$=\frac{1994}{1990}\times\frac{995}{997}$

$=\frac{997}{995}\times\frac{995}{997}=1$

b) $\left(1-\frac{3}{4}\right)\times\left(1-\frac{3}{7}\right)\times\left(1-\frac{3}{10}\right)\times\left(1-\frac{1}{13}\right)\times...\times\left(1-\frac{3}{97}\right)\times\left(1-\frac{3}{100}\right)$

= $\frac{1}{4}\times\frac{4}{7}\times\frac{7}{10}\times\frac{10}{13}\times....\times\frac{94}{97}\times\frac{97}{100}$

= $\frac{1}{100}$

Bài 20.

Bài giải

Đổi 1 tấn = 1000kg

Ta có $2\frac{1}{2}$ tạ $= \frac{5}{2}$ tạ = 250 kg ; $1\frac{3}{4} = \frac{7}{4}$ tạ = 175 kg

Ngày thứ hai bán được số ki -lô- gam gạo là

250 + 175 = 425 (kg)

Cả hai ngày cửa hàng bán được số ki - lô - gam gạo là

250 + 425 = 675 (kg)

Đáp sô : 675 kg

Bài 21.

Bài giải

Dũng cho Bình số viên bi là

56 x $\frac{4}{7}$ = 32 (viên)

Số bi còn lại sau khi cho Bình là

56 - 32 = 24 (viên)

Dũng cho Minh số viên bi là

24 x $\frac{5}{8}$ = 15 (viên)

Đáp số : 15 viên bi

Bài 22.

Bài giải

Nếu An chỉ lấy $\frac{1}{8}$ số bi, Bình chỉ lấy $\frac{1}{9}$ số bi thì số bi còn lại là :

12 + 18 + 25 = 55 (viên bi)

55 viên bi so với tổng số bi thì bằng :

1 - ($\frac{1}{8}$ + $\frac{1}{9}$) = $\frac{55}{72}$ (tổng số bi)

Tổng số bi chia cho 3 bạn là :

55 : $\frac{55}{72}$ = $\frac{55 \times 72}{55}$ = 72 (viên bi)

Đáp số : 72 viên bi

Bài 23. B

Bài 24. A

Bài 25. B

TUẦN 3

I. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ

Để giải bài toán tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó, ta có thể thực hiện các bước sau :

- Bước 1 : Vẽ sơ đồ đoạn thẳng
- Bước 2 : Tìm tổng (hoặc hiệu) số phần bằng nhau
- Bước 3 : Tìm giá trị của một phần
- Bước 4 : Tìm hai số

BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Bài 1.

a) Chuyển $4\frac{2}{3}$ thành PS ta được:

A. $\frac{8}{3}$, B. $\frac{12}{3}$, C. $\frac{14}{3}$, D. $\frac{3}{14}$

b) $\frac{2}{3}$ của 18 là:

A.6m; B. 12m; C. 18m; D. 27m

Bài 2. Rút gọn $\frac{8\times48\times15}{30\times16\times24}$ được kết quả là

A. $\frac{1}{5}$ **B.** $\frac{1}{4}$ **C.** $\frac{1}{3}$ **D.** $\frac{1}{2}$

Bài 3. Viết 3m 45cm thành hỗn số:

A. $3\frac{45}{10}$ m B. $3\frac{45}{100}$ cm C. $3\frac{45}{100}$ m D. $3\frac{100}{45}$m

Bài 4. Tìm kết quả $\frac{2}{5}+\frac{3}{10}+\frac{4}{5}$ **= ?**

A. $\frac{9}{20}$ **B.** $\frac{15}{10}$ **C.** $\frac{24}{250}$ **D.** $\frac{9}{10}$

Bài 5. $\frac{5}{7}$ bao gạo có 35 kg . Hỏi bao gạo nặng bao nhiêu ki - lô - gam?

A. 25 kg B. 49 kg C. 70 kg D. 420 kg

Bài 6. Tính kết quả $2\frac{3}{4}$ x $3\frac{1}{3}$ = ?

A. $\frac{18}{12}$ **B.** $\frac{9}{12}$ **C.** $\frac{110}{12}$ **D.** $\frac{12}{110}$

Bài 7. Tìm y

y x $2\frac{1}{5}$ **=** $\frac{33}{20}$

A. y = $\frac{4}{3}$ **B. y =** $\frac{33}{44}$ **C. y =** $\frac{33}{20}$ **D. y =** $\frac{3}{4}$

Bài 8. Viết tiếp vào chỗ chấm

Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 40m, chiều rộng 30m. Trong mảnh đất dó có một ao hình vuông cạnh 20m và một vườn rau hình chữ nhật có chiều dài 10m, chiều rộng 8m, diện tích còn lại của vườn cây ăn quả.

Diện tích trồng cây ăn quả là ……..

Bài 9. Điền dấu < ; > ; =

a) $5\frac{1}{7}$.....$2\frac{6}{7}$; b) $3\frac{2}{7}$.....$3\frac{5}{7}$ c) $8\frac{6}{10}$.....$8\frac{3}{5}$; d) $4\frac{7}{12}$.....$5\frac{7}{8}$

Bài 10. Viết các số đo theo mẫu:

Mẫu : $5m\,7dm = 5m + \frac{7}{10}m = 5\frac{7}{10}m$

a) 8m 5dm b) 4m 75cm. c) 5kg 250g

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 11. Trên bãi cỏ có tất cả 56 con trâu và bò. Số bò bằng $\frac{2}{5}$ số trâu. Hỏi trên bãi cỏ có bao nhiêu con bò? Bao nhiêu con trâu?

A. 15 con bò và 41 con trâu B. 16 con bò và 40 con trâu

D. 17 con bò và 39 con trâu D. 8 con bò và 48 con trâu

Bài 12. Tìm x

a) $\frac{2}{7}$ + x = $\frac{5}{7}$; b) $\frac{7}{13}$: x = $\frac{14}{39}$ c) x × $\frac{3}{5}$ = $\frac{14}{15}$; d) x - $\frac{5}{8}$ = $\frac{3}{4}$

……
……
……
……
……
……

Bài 13. Một tấm lưới hình chữ nhật có chiều dài $\frac{15}{4}$ m, chiều rộng $\frac{2}{3}$ m. Tấm lưới được chia ra thành 5 phần bằng nhau. Tính diện tích mỗi phần?

……
……
……
……
……
……

Bài 14. Hai thùng dầu có 168 lít dầu . Tìm số dầu mỗi thùng biết thùng thứ nhất có nhiều hơn thùng thứ hai là 14 lít.

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 15. Chu vi của một hình chữ nhật là 56 cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Tìm diện tích hình chữ nhật đó ?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 16. Số thứ nhất bằng $\frac{8}{5}$ số thứ hai. Tìm hai số đó biết hiệu của chúng là 84.

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 17. Viết mỗi phân số sau thành tổng của 2 phân số tối giản.

a) $\frac{7}{15}$ =

……

b) $\frac{13}{27}$ =

……

c) $\frac{3}{18}$ =

……

d) $\frac{1}{10}$ =

……

Bài 18. Tìm hai số biết hiệu của chúng là $\frac{3}{15}$ và tỉ số của hai số đó là $\frac{4}{7}$

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 19. Tìm hai số chẵn liên tiếp có tổng bằng 250.

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 20. Hiện nay tổng số tuổi của hai mẹ con là 48 tuổi, biết rằng 5 năm trước mẹ hơn con 24 tuổi. Hỏi hiện nay mẹ bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi?

……
……
……
……
……
……

……
……
……

Bài 21. Nêu bài toán rồi giải bài toán theo sơ đồ sau :

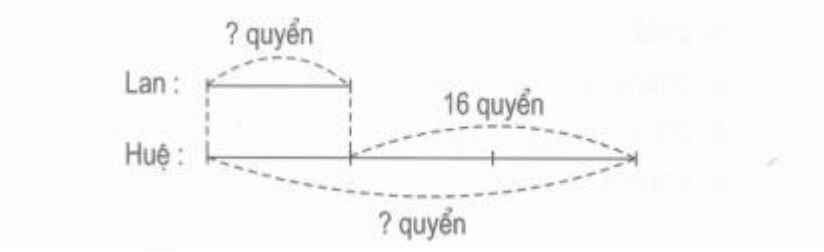

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 22. Hiện nay tuổi của hai bà cháu là 62 tuổi, 5 năm nữa tuổi cháu sẽ bằng $\frac{1}{5}$ tuổi bà. Hỏi hiện nay cháu bao nhiêu tuổi? Bà bao nhiêu tuổi?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 23. Hùng có số bi gấp 4 lần số bi của Dũng, biết rằng nếu Hùng cho Dũng 6 viên bi thì hai bạn có số bi bằng nhau. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 24. Khối lớp 5 có 256 học sinh, biết $\frac{1}{3}$ số học sinh nữ bằng $\frac{1}{5}$ số học sinh nam. Hỏi khối lớp 5 có bao nhiêu học sinh nam? Bao nhiêu học sinh nữ?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 25. Lúc đầu Lan nhiều hơn Huệ 6 quyển truyện nhi đồng, sau đó Lan mua thêm 4 quyển nữa thì tổng số quyển truyện nhi đồng của hai bạn là 60 quyển. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu quyển truyện?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

ĐẤP ÁN

Bài 1.

a) C. $\frac{14}{3}$

b) B. 12m

Bài 2. D. $\frac{1}{2}$

Bài 3. C. $3\frac{45}{100}$ m

Bài 4. B. $\frac{15}{10}$

Bài 5. B. 49 kg

Bài 6. C. $\frac{110}{12}$

Bài 7. D. y = $\frac{3}{4}$

Bài 8. Diện tích trồng cây ăn quả là 720 $m^{2.}$

Bài 9.

a) $5\frac{1}{7} > 2\frac{6}{7}$; b) $3\frac{2}{7} < 3\frac{5}{7}$ c) $8\frac{6}{10} = 8\frac{3}{5}$; d) $4\frac{7}{12} < 5\frac{7}{8}$

Bài 10. Viết các số đo theo mẫu:

Mẫu : $5m\,7dm = 5m + \frac{7}{10}m = 5\frac{7}{10}m$

a) 8m 5dm = $8m + \frac{5}{10}m = 8\frac{5}{10}m$

b) 4m 75cm = $4m + \frac{75}{100}m = 4\frac{75}{100}m$

c) 5kg 250g = $5kg + \frac{250}{1000}kg = 8\frac{5}{1000}kg$

Bài 11. B. 16 con bò và 40 con trâu.

Bài 12. a) $\frac{2}{7}$ + x = $\frac{5}{7}$ b) $\frac{7}{13}$: x = $\frac{14}{39}$

x = $\frac{5}{7}$ - $\frac{2}{7}$ x = $\frac{7}{13} : \frac{14}{39}$

x = $\frac{3}{7}$ x = $\frac{3}{2}$

c) x $\times \frac{3}{5} = \frac{14}{15}$;

x = $\frac{14}{15} : \frac{3}{5}$

x = 14

d) x - $\frac{5}{8} = \frac{3}{4}$

x = $\frac{3}{4} + \frac{5}{8}$

x = $\frac{11}{8}$

Bài 13. **Bài giải**

Diện tích hình chữ nhật là **:** $\frac{15}{4}$ x $\frac{2}{3} = \frac{5}{2}$ (m^2)

Diện tích mỗi phần tấm bìa là : $\frac{5}{2}$: 5 = $\frac{1}{2}$ (m^2)

Đáp số : $\frac{1}{2}$ m^2

Bài 14.

Bài giải

Số lít dầu ở thùng thứ hai là : (168 - 14) : 2 = 77(l)

Số lít dầu ở thùng thứ nhất là : = 168 - 77 = 91(l)

Đáp số: thùng thứ nhất : 91 lít

Thùng thứ 2 là : 77 lít

B**ài 15.**

Bài giải

Nửa chu vi hình chữ nhật là :

56 : 2 = 28 (cm)

Chiều rộng hình chũ nhật là:

28 : (1 +3) x 1 = 7 (cm)

Chiều dài Hình chữ nhật là :

28 - 7 = 21 (cm)

Diện tích HCN là :

21 x 7 = 147 (cm^2)

Đáp số : 147 cm^2

Bài 16. **Bài giải**

Nếu coi số thứ nhất là 8 phần thì số thứ hai là 5 phần như thế.

Hiệu số phần bằng nhau là : 8 - 5 = 3 (phần)

Số thứ nhất là : 84 : 3 x 8 = 224

Số thứ hai là : 224 - 84 = 140

Đáp số : 224 và 140

Bài 17. Viết mỗi phân số sau thành tổng của 2 phân số tối giản.

a) $\frac{7}{15} = \frac{4}{15} + \frac{1}{5}$

b) $\frac{13}{27} = \frac{1}{27} + \frac{4}{9}$

c) $\frac{3}{18} = \frac{1}{18} + \frac{1}{9}$

d) $\frac{1}{10} = \frac{1}{20} + \frac{1}{20}$

Bài 18.

Bài giải

Nếu coi số thứ bé là 4 phần thì số thứ lớn là 7 phần như thế.

Hiệu số phần bằng nhau là :

Số bé là : $\frac{3}{15}$: 3 x 4 = $\frac{4}{15}$

Số lớn là : $\frac{4}{15} + \frac{3}{15} = \frac{7}{15}$

Đáp số : $\frac{4}{15}$ và $\frac{7}{15}$

Bài 19.

Bài giải

Ta có hai số chẵn liên tiếp thì hơn kém nhau 2 đơn vị.

Số bé là : (250 - 2) : 2 = 124

Số lớn là : 124 + 2 = 126

Đáp số : 124 và 126

Bài 20.

Bài giải

Ta thấy mẹ thêm 1 tuổi thì con cũng thêm 1 tuổi nên hiệu số tuổi của hai mẹ con không thay đổi theo thời gian. Nên hiệu số tuổi của hai mẹ con hiện nay là 24 tuổi.

Số tuổi của con hiện nay là : (48 - 24) : 2 = 12 (tuổi)

Số tuổi của mẹ hiện nay là : 12 + 24 = 36 (tuổi)

Đáp số : Con: 12 tuổi ; mẹ : 36 tuổi

Bài 21.

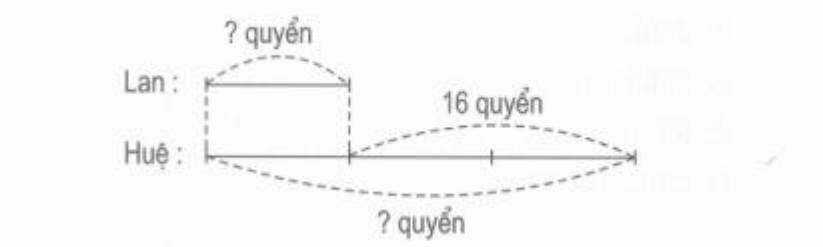

Bài toán: Huệ có số sách gấp 3 lần số sác của Lan. Tìm số sách của mỗi bạn biết số sách của Lan ít hơn số sách của Huệ 16 quyển sách?

Bài giải

Số sách của Lan là : 16 : (3 - 1) x 1 = 8 (quyển)

Số sách của Huệ là : 16 + 8 = 24 (quyển)

Đáp số: Lan : 8 quyển sách

Huệ : 24 quển sách

Bài 22.

Bài giải

Tổng số tuổi của hai bà cháu sau 5 năm nữa là :

62 + 5 + 5 = 72 (tuổi)

Nếu coi số tuổi của cháu sau 5 năm nữa là 1 phần thì số tuổi của bà sau 5 năm nữa là 5 phần như thế.

Số tuổi của cháu sau 5 năm nữa là : 72 : (1 + 5) x 1 = 12(tuổi)

Tuổi của cháu hiện nay là : 12 - 5 = 7 (tuổi)

Tuổi bà hiện nay là : 62 - 7 = 55 (tuổi)

Đáp số : 7 tuổi và 55 tuổi

Bài 23.

Bài giải

Vì Hùng cho Dũng 6 viên bi thì số bi của hai bạn bằng nhau

Nên Hùng nhiều hơn Dũng số bi là :

6 +6 = 12 (viên)

Coi số bi của Dũng là 1 phần thì số bi của Hùng là 4 phần như thế.

Hiệu số phần bằng nhau là :

4 - 1 = 3 (phần)

Số bi của Dũng là

12 : 3 x 1 = 4 (viên)

Số bi của Hùng là :

4 + 12 = 16 (viên)

Đáp số : Hùng 16 viên bi ; Dũng 4 viên bi

Bài 24. Bài giải

Vì $\frac{1}{3}$ số học sinh nữ bằng $\frac{1}{5}$ số học sinh nam

Nên nếu coi số học sinh nữ là 3 phần bằng nhau thì số học sinh nam là 5 phần như thế.

Tổng số phần bằng nhau là :

3 + 5 = 8 (phần)

Số học sinh nữ là :

256 : 8 x 3 = 96 (học sinh)

Số học sinh nam là :

256 - 96 = 160 (học sinh)

Đáp số : 96 học sinh nữ

160 học sinh nam

Bài 25.

Bài giải

Lúc đầu tổng số truyển của hai bạn là :

60 - 4 = 56 (quyển)

Số truyện nhi đồng của Huệ lúc đầu là :

(56 - 6) : 2 = 25 (quyển)

Số truyện nhi đồng của Lan lúc đầu là :

56 - 25 = 31 (quyển)

Đáp số : Lan 31 quyển ; Huệ 25 quyển

TUẦN 4

I. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ

1. Giải bài toán bằng phương pháp rút về đơn vị

a) Phương pháp giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị bằng phép tính nhân, chia(kiểu 1)

Các bài toán liên quan rút về đơn vị thường được giải bừng 2 bước như sau:

+) Bước 1 : Tìm giá trị một đơn vị (giá trị một phần trong các phần bằng nhau). Thực hiện phép chia.

+) Bước 2 : Tìm giá trị của nhiều đơn vị cùng loại (giá trị của nhiều phần bằng nhau). Thực hiện phép nhân.

Ví dụ 1 : Có 8 hộp bút như nhau có 96 cái bút. Hỏi có 6 hộp bút như thế có bao nhiêu cái bút?

Tóm tắt : 8 hộp : 92 cái bút

6 hộp : …. Cái bút ?

Bài giải

1 hộp bút có số cái bút là :

96 : 8 = 12 (cái)

6 hộp bút như thế có số cái bút là :

12 x 6 = 72 (cái)

Đáp số : 72 cái bút

b) Phương pháp giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị bằng phép tính nhân, chia(kiểu 2)

+) Bước 1 : Tìm giá trị một đơn vị (giá trị 1 phần - đây là bước rút về đơn vị , thực hiện phép chia)

+) Tìm số phần (số đơn vị - thực hiện phép nhân)

Ví dụ 2 : Có 72 kg gạo chia đều trong 8 bao. Hỏi có 54 kg gạo chia đều trong bao nhiêu bao như thế?

Tóm tắt:

72 kg gạo : 8 bao

54 kg gạo : … bao?

Bài giải

1 bao đựng được số ki - lô - gam gạo là.

72 : 8 = 9 (kg)

Số bao để chưa hết 54kg gạo là

54 : 9 = 6 (bao)

Đáp số : 6 bao gạo

***** *Lưu ý : Học sinh hay nhầm bước 2 của cả 2 kiểu bài. Chú ý phân biệt như sau:*

+) Bước 1 : Rút về đơn vị

+) Bước 2 : So sanh đơn vị ở bước 1 và đơn vị phải tìm

- Nếu đơn vị ở bước 1 và đơn vị phải tìm khác nhau thì làm phép nhân.

- Nếu đơn vị ở bước 1 và đơn vị phải tìm giống nhau thì làm phé chia

2. Khi giaûi baøi toaùn baèng phöông phaùp tæ soá ta tieán haønh caùc böôùc sau:

Bước 1: Tìm tỉ số: Ta xác định trong hai giá trị đã biết của đại lượng thứ nhất thì giá trị này gấp (hoặc kém) giá trị kia mấy lần.

Bước 2: Tìm giá trị chưa biết của đại lượng thứ hai.

Ví dụ 3 : Mua 12 quyển vở hết 60 000 đồng. Nếu mua 36 quyển vở như thế thì hết bao nhiêu tiền?

Tóm tắt :

12 quyển vở : 60 000 đồng

36 quyển vở : … đồng ?

Bài giải

36 quyển vở gấp 12 quyển vở số lần là

36 : 12 = 3 (lần)

Mua 36 quyển vở như thế hết số tiền là

60 000 x 3 = 180 000 (đồng)

Đáp số : 180 000 đồng

Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng hoặc câu trả lời đúng

Bài 1. Một xe máy trong 3 giờ đi được 84 km. Hỏi trong 5 giờ đi được bao nhiêu ki - lô - mét?

A. 120 km B. 130km C. 140km D. 150km

Bài 2. Đàn gà có 315 con, trong đó số gà mái bằng $\frac{3}{2}$ số gà trống. Hỏi đàn gà có bao nhiêu con gà mái?

A. 210 con B. 189 con C. 126 con D. 63 con

Bài 3. Có 3 bao gạo đựng tất cả 170 kg gạo. Hỏi 9 bao gạo như thế đựng tất cả bao nhiêu ki - lô - gam gạo?

A. 540 kg B. 530kg C. 520kg D. 510kg

Bài 4. Cuộn vải xanh dài 150m và dài hơn cuộn vải trắng 30m. Hỏi trung bình mỗi cuộn dài bao nhiêu mét?

A. 135m B. 90m C. 165m D. 120m

Bài 5. Hai đội công nhân cùng đào một đoạn đường dài 900m, đội thứ nhất đào được ít hơn đội thứ hai là 164m. Hỏi mỗi đội đào được bao nhiêu mét đường?

A. 204m và 368m B. 532m và 696m

C. 386m và 523m D. 368m và 532 m

Bài 6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Một tổ gồm 5 người đắp xong một đoạn đường trong 20 ngày. Hỏi nếu tổ đó chỉ có 4 người thì đắp xong đoạn đừng đó trong bao nhiêu ngày?(mức làm của mỗi người là như nhau)

Đáp số: ……

Bài 7. Lúc đầu có 5 xe tải chở tổng cộng 210 bao đường vào kho, sau đó có thêm 3 xe nữa chở đường vào kho. Hỏi có tất cả bao nhiêu bao đường được chở vào kho? (Biết các xe tải chở số bao đường bằng nhau).

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 8. Một phân xưởng có 24 máy dệt, mỗi ngày dệt được 264 cái áo. Nếu phân xưởng đó có thêm 12 máy nữa thì mỗi ngày dệt được tát cả bao nhiêu cái áo? (Năng suất mỗi máy là như nhau)

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 9. Một xe lửa chuyển động đều cứ 4 phút đi được 3km. Hỏi xe lửa chuyển động như vậy trong 24km hết bao nhiêu phút?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 10. Có một lượng gạo đủ ăn cho 5 người ăn trong 14 ngày nhưng có thêm 2 người đến thêm. Hỏi số gạo dữ trữ đó đủ ăn trong bao nhiêu ngày?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 11. Để nát nền 1 căn phòng hình chữ nhật, người ta dùng những viên gạch hình vuông cạnh 30cm. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch để lát kín căn phòng đó? Biết rằng căn phòng đó có chiều rộng 5m, chiều dài 9m.

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 12. Một tổ gồm 12 người đắp xong đoạn đường trong 6 ngày. Hỏi muốn đắp xong đoạn đường đó trong 3 ngày thì cần có bao nhiêu người?(sức làm của mỗi người là như nhau).

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 12. Một đội công nhân gồm 40 người đã làm xong đoạn đường dài 1600m hết 10 ngày. Nay công ty cử thêm 60 người nữa xuống làm tiếp đoạn đường dài 3200m thì hoàn thành công việc trong bao lâu? (biết năng suất lao động của mỗi người là như nhau).

……
……
……
……
……
……

Bài 13. Một đơn vị thanh niên xung phong chuẩn bị một số gạo đủ cho đơn vị ăn trong 30 ngày. Sau 10 ngày, đơn vị nhận thêm 10 người nữa. Hỏi số gạo đơn vị đã chuẩn bị đủ ăn trong bao nhiêu ngày? Biết ban đầu đơn vị có 90 người.

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 14. Một cửa hàng nhập về 168 bao đường và chia đều vào 3 kho, sau đó lại nhập thêm vào mỗi kho 16 bao đường và bán hết trong 2 kho. Hỏi cửa hàng đã bán bao nhiêu bao đường?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 15. Có 5 bạn nam và 6 bạn nữ. Biết rằng 1 bạn nam trồng được ít hơn 1 bạn nữ 5 cây hoa và 6 bạn nữ trồng được tất cả 222 cây hoa. Hỏi 5 bạn nam trồng được tất cả bao nhiêu cây hoa?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 16. Nga và Thu cùng đi mua một loại vở, cả hai bạn trả hết 36 000 đồng. Biết Nga mua 7 quyển vở và trả nhiều hơn Thu 6000 đồng. Hỏi Thu mua bao nhiêu quyển vở?

……
……
……

……
……
……
……
……
……

Bài 18. Đóng 2 cái bàn hết 9 công thợ. Hỏi đóng 6 cái bàn như thế hết bao nhiêu công thợ nếu năng suất làm việc không đổi?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 19. Có 72 viên kẹo đựng đều trong 8 bao. Nếu lấy đi 27 viên kẹo thì số bao nguyên còn lại là bao nhiêu?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 20. Đem nước mắm đựng đầy trong một số can 10 lít rót đầy vào các can 2 lít thì số can 10 lít ít hơn số can 2 lít là 12 can. Hỏi tất cả có bao nhiêu lít nước mắm?

……
……
……
……
……
……

ĐÁP ÁN

Bài 1 C. 140km

Bài 2. B. 189 con

Bài 3. D. 510kg

Bài 4. A. 135m

Bài 5. D. 368m và 532 m

Bài 6. Đáp số: 25 ngày

Bài 7.

Bài giải

Mỗi xe chở được số bao đường là :

210 : 5 = 42 (bao)

Số xe chở đường vào kho là

5 + 3 = 8 (xe)

Số bao đường chở vào kho là :

42 x 8 = 336 (bao)

Đap số : 336 bao đường

Bài 8.

Bài giải

Số cái áo 1 máy dệt trong 1 ngày là :

264 : 24 = 11 (cái)

Số máy sau khi thêm là :

24 + 12 = 36 (máy)

Số áo mà 36 máy dệt được trong một ngày là

11 x 36 = 396 (cái)

Đáp số : 396 cái áo

Bài 9.

Tóm tắt

Đi 3km : 4 phút

24km : … phút ?

Bài giải

24km gấp 3 km số lần là :

24 : 3 = 8 (lần)

Đi 24km hết số thời gian là :

4 x 8 = 32 (phút)

Đáp số : 32 (phút)

Bài 10.

Bài giải

Nếu 1 người ăn hết số gạo đó trong số ngày là :

14 x 5 = 70 (ngày)

Số người sau khi thêm là :

5 + 2 = 7 (người)

7 người ăn số gạo đó trong số ngày là :

70 : 7 = 10 (ngày)

Đáp số : 10 ngày

Bài 11.

Bài giải

Diện tích một viên gạch là :

30 x 30 = 900 (cm^2)

Diện tích căn phòng là :

9 x 5 = 45 (m^2)

Đổi 45 m^2 = 450 000 cm^2

Cần số viên gạch để lát kín căn phòng là :

450 000 : 900 = 500 (viên)

Đáp số : 500 viên gạch

Bài 12. Tóm tắt:

6 ngày : 12 người

3 ngày : . .người?

Bài giải

Nếu đắp xong đoạn đường đó trong 1 ngày thì cần số người là :

6 x 12 = 72 (người)

Để đắp xong đoạn đường trong 3 ngày thì cần số người là :

72 : 3 = 24 (người)

Đáp số : 24 người

Bài 12. Bài giải

Ta có 3200m gấp 1600m số lần là :

3200 : 1600 = 2 (lần)

Nếu 40 người làm xong đoạn đường 3200m thì hết số ngày là :

10 x 2 = 20 (ngày)

1 người làm xong 3200m đường hết số ngày là

20 x 40 = 800 (ngày)

Nếu có thêm 60 người thì làm xong đoạn đường 3200mm hết số ngày là :

800 : (40 +60) = 8 (ngày)

Đáp số : 8 ngày

Bài 13. Bài giải

Sau 10 ngày ăn thì số gạo đủ ăn cho 90 người trong số ngày còn lại là :

30 - 10 = 20 (ngày)

Nếu 1 người ăn hết số gạo còn lại trong số ngày là :

20 x 90 = 1800 (ngày)

10 người đến thêm thì đơn vị có số người là :

90 + 10 = 100 (người)

100 người ăn số gạo còn lại đó trong số ngày là :

1800 : 100 = 18 (ngày)

Đáp sô : 18 ngày

Bài 14. Bài giải

1 kho ban đầu có số bao đường là :

168 : 3 = 56 (bao)

Số bao đường trong mỗi kho sau khi nhập thêm vào 16 bao vào mỗi kho là :

56 + 16 = 72 (bao)

Số bao đường cửa hàng đã bán là :

72 x 2 = 144 (bao)

Đáp số : 144 bao

Bài 15.

Bài giải

1 bạn nữ trong được số cây là :

222 : 6 = 37 (cây)

1 bạn nam trồng được số cây là :

37 - 5 = 32 (cây)

5 bạn nam trồng được số cây là :

32 x 5 = 160 (cây)

Đáp số : 160 cây hoa

Bài 16. Bài giải

Số tiền Nga mua vở là :

(36 000 + 6000) : 2 = 21000 (đồng)

Số tiền 1 quyển vở là :

21000 : 7 = 3000 (đồng)

Thu mua vở hết số tiền là :

21000 - 6000 = 15 000(đồng)

Thi mua số quyển vở là :

15000 : 3000 = 5 (quyển)

Đáp số : 5 quyển vở

Bài 18. Tóm tắt:

2 cái bàn : 9 công thợ

6 cái bàn : … công thợ ?

Bài giải

6 cái bàn gấp 2 cái bàn số lần là

6 : 2 = 3 (lần)

Đóng 6 cái bàn như thế hết số công thợ là :

9 x 3 = 27 (công)

Đáp số : 27 công thợ

Bài 19. Bài giải

Số viên kẹo đựng trong 1 bao là :

72 : 8 = 9 (viên)

27 viên kẹo chưa trong số bao là :

27 : 9 = 3 (bao)

Số bao nguyên còn lại là :

8 - 3 = 5 (bao)

Đáp số : 5 bao kẹo

Bài 20.

Nếu bớt đi 12 can 2 lít thì số can 2 lít bằng số can 10 lít.

Số lít sữa bớt đi là:

2 x 12 = 24 (lít)

Khi đó số nước mắm trong số can 10 lít nhiều hơn số nước mắm trong số can 2 lít là 24 lít/

Mỗi can 10 lít nhiều hơn mỗi can 2 lít số lít là :

10 - 2 = 8 (l)

Số can 10 lít là

24 : 8 = 3 (can)

Số lít nước mắm ban đầu là

10 x 3 = 30 (l)

Đáp số : 30 lít nước mắm

TUẦN 5

ÔN TẬP : BẢNG ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI; BẢNG ĐƠN VỊ ĐO KHỐI LƯỢNG ; ĐỀ - CA - MÉT VUÔNG ; HÉC - TÔ - MÉT VUÔNG ; MI - LI - MÉT VUÔNG;
BẢNG ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH.

I. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ

- Trong bảng đơn vị đo độ dài hai đơn vị đo độ dài liền kề nhau : đơn vị lớn gấp 10 lần đơn vị bé ; đơn vị bé bằng $\frac{1}{10}$ đơn vị lớn.

- Trong bảng đơn vị đo khối lượng hai đơn vị đo độ dài liền kề nhau : đơn vị lớn gấp 10 lần đơn vị bé ; đơn vị bé bằng $\frac{1}{10}$ đơn vị lớn.

- Trong bảng đơn vị đo diện tích hai đơn vị đo độ dài liền kề nhau : đơn vị lớn gấp 100 lần đơn vị bé ; đơn vị bé bằng $\frac{1}{100}$ đơn vị lớn hơn tiếp liền.

BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Bài 1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

1km = ...hm	1mm = ...cm
1hm =.....dm	1dm = ...m
1km = ...m	1mm = ...m
204m = ...dm	36dm =.....m
148dm =.....cm	70hm =.....dm
4000mm = ...m	742km = ...hm
1800cm =.....m	950cm =.....dm

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

5km 27m = ...m	8m14cm =.....cm
246dm = ...m.....dm	3127cm =..... m .....cm
7304 m =.....km .....m	36 hm = ... m

Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

47 tấn = ... kg	$\frac{1}{5}$ tấn = ...kg
1 hg = ... tấn	7kg 5g = ...g
5hg 68g = ...g	2070kg = ...tấn.....kg
5500g = ...kg	640 tạ = ...kg

$\frac{1}{5}$ tạ = ... kg 1kg =..... tấn

3kg25g = ...g 9 tạ 3kg = ...kg

8760kg =.....tạ.....kg 7080g = ...kg.....g

Bài 4. Viết số hoặc phân số thích hợp vào chỗ chấm:

$14dam^2$ =..... m^2 $1700m^2$ =..... dam^2

$16dam^2 10m^2$ =..... m^2 $37dam^2$ $9m^2$ = ...m^2

$1m^2$ =.....dam^2 $8dam^2$ =.....hm^2

$26m^2$ =.....dam^2 $42dam^2$ =.....hm^2

$15m^2$ =.....cm^2 $7dam^2$ =.....dm^2

Bài 5. Viết số hoặc phân số thích hợp vào chỗ chấm:

$1cm^2$ =.....dm^2 $21mm^2$ =.....m^2

$17cm^2$ =.....mm^2 $7km^2$ $5hm^2$ =.....dam^2

$2100mm^2$ =.....cm^2 $2m^2$ $12cm^2$ =.....cm^2

$45cm^2$ =.....dm^2 $34dm^2$ =.....m^2

Bài 6. Điền dấu (>; <; =) thích hợp vào chỗ chấm:

9m 50cm ..... 905cm 4km 6m 40hm

5m 500m..... 5km 5dam 3km

5m 56cm ..... 556cm 5km 7m 57hm

Bài 7. Điền dấu (>; <; =) thích hợp vào chỗ chấm:

5 tấn 2 tạ ..... 52 tạ 23kg605g ..... 236hg4 g

3050 kg ..... 4 tấn 5 yến $\frac{1}{2}$ tạ ..... 60 kg

Bài 8. Điền dấu (>; <; =) thích hợp vào chỗ chấm:

$850cm^2$ ..... $12dm^2$ $302mm^2$ ..... $3dm^2$ $2mm^2$

$3m^2$ $92dm^2$ ..... $4m^2$ $51km^2$ ..... $510hm^2$

$2015m^2$ .....$2hm^2 15m^2$ $32km^2$ $45m^2$ ..... $3200hm^2$

67 m^2 ..... 6700 cm^2 27 dm^2 34 cm^2 ..... $2734cm^2$

573 hm^2 ..... $57km^2$ $34dm^2$ $34mm^2$ ..... $3434cm^2$

Bài 9. Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) 12km 8m = 12800m ☐ b) 4234kg = 4 tấn 234 kg ☐

c) 75 tấn 4kg = 75004kg ☐ d) 2032m = 20km 32m ☐

e) 180m5cm = 18050cm ☐ g) 457kg = 4 tạ 57 kg ☐

Bài 10. Nối hai số đo độ dài bằng nhau

230hm	203 hm	230km	2030hm

2300 dam

203km

2300m

20300m

Bài 11. Viết tiếp vào chỗ chấm**:**

Một xe chở 12 tạ gạo tẻ và 80 yến gạo nếp. Khối lượng gạo xe đó chở được là : …….

Bài 12. Viết theo mẫu

Mẫu : $7m^2 36dm^2 = 7m^2 + \frac{36}{100}m^2 = 7\frac{36}{100}m^2$

Viết số đo dưới dạng :

a) Bằng mét vuông

$3m^2 45dm^2$ = ……

$2m^2 3dm^2$ = ……

$47dm^2$ = ……

$5dm^2$ = ……

b) Bằng ki - lô -mét

$2km^2\ 13hm^2$ = ……

$1km^2\ 1hm^2$ = ……

$83hm^2$ = ……

$8hm^2$ = ……

Bài 13. Ông Tư mua một khu đất hình chữ nhật dài 48m, rộng 25m. Ông thuê rào chung quanh bằng lưới giá 2500 đồng/dm. Hỏi ông tốn tất cả bao nhiêu tiền, biết lúc rào ông có chừa lối đi rộng 2m.

……
……
……
……
……
……

Bài 14. Có hai sợi dây, sợi thứ nhất dài hơn sợi thứ hai 54m. Nếu cắt đi 1200cm ở mỗi sợi thì phần còn lại của sợi thứ nhất gấp 4 lần phần còn lại của sợi thứ hai. Hỏi mỗi sợi dây dài bao nhiêu m?

……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 15. Bác Tư trồng lúa mì trên hai mảnh đất, cuối năm thu được 5795kg. Mảnh đất thứ hai thu kém mảnh đất thứ nhất 1125kg. Hỏi mảnh đất thứ hai thu được bao nhiêu yến lúa mì?

……
……

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 16. Một thửa ruộng hình chữ nhật có nửa chu vi là 160m, chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Trung bình cứ 500m^2 thì thu được 250kg lúa. Hỏi người ta thu được bao nhiêu tấn lúa trên thửa ruộng?

……
……
……
……
……
……

Bài 17. Trên một khu đất rộng 2dam^{2}60m^2, người ta dùng $\frac{2}{5}$ diện tích để làm nhà, $\frac{1}{3}$ diện tích đất còn lại trồng rau. Phần đất cuối cùng làm chuồng trại chăn nuôi. Tính diện tích đất làm chuồng trại theo đơn vị là m^2.

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 18. Một người đến cửa hàng vải mua $\frac{1}{10}$ tấm vải. Nếu người đó mua thêm 4m nữa thì số vải bây giờ sẽ bằng $\frac{1}{9}$ tấm vải. Hỏi tấm vải dài bao nhiêu mét ?

……
……
……
……
……
……

……
……
……

Bài 19. May 4 áo cỡ nhỏ hết 4m 20cm vải. May 4 áo cỡ lớn như nhau hết 5m vải. hỏi trung bình mỗi áo may hết mấy mét vải?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 20. Một hình vuông có chu vi bằng 20cm. Người ta chia hình vuông đó thành hai hình chữ nhật. Tính tổng chu vi của hai hình chữ nhật đó?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

ĐÁP ÁN

Bài 1.

1km = 10hm

1hm =1000dm

1km = 1000m

204m = 2040dm

148dm = 1480cm

4000mm = 4m

1800cm = 18m

1mm = $\frac{1}{10}$cm

1dm = $\frac{1}{10}$m

1mm = $\frac{1}{1000}$m

36dm = $\frac{36}{10}$m

70hm = 70000dm

742km = 7420hm

950cm = 95dm

Bài 2.

5km 27m = 5027m

246dm = 24m 6dm

7304 m = 7km 304m

8m14cm = 814cm

3127cm = 31m 27cm

36 hm = 3600 m

Bài 3.

47 tấn = 47000 kg

1 hg = $\frac{1}{10000}$tấn

5hg 68g = 568g

5500g = $\frac{55}{10}$kg

$\frac{1}{5}$ tạ = 20 kg

3kg25g = 3025g

8760kg = 87 tạ 60kg

$\frac{1}{5}$tấn = 200kg

7kg 5g = 7005g

2070kg = 2 tấn 70kg

640 tạ = 64000kg

1kg = $\frac{1}{1000}$ tấn

9 tạ 3kg = 903kg

7080g = 7 kg 80g

Bài 4.

$14dam^2 = 1400m^2$

$16dam^2 10m^2 = 1610\ m^2$

$1m^2 = \frac{1}{100}dam^2$

$1700m^2 = 17dam^2$

$37dam^2\ 9m^2 = 3709m^2$

$8dam^2 = \frac{8}{100}hm^2$

$26m^2 = \frac{26}{100} dam^2$ $42dam^2 = \frac{42}{100} hm^2$

$15m^2 = 150000cm^2$ $7dam^2 = 70000dm^2$

Bài 5.

$1cm^2 = \frac{1}{100} dm^2$ $21mm^2 = \frac{21}{10000} m^2$

$17cm^2 = 1700mm^2$ $7km^2\ 5hm^2 = 70500dam^2$

$2100mm^2 = 21cm^2$ $2m^2\ 12cm^2 = 20012cm^2$

$45cm^2 = \frac{45}{100} dm^2$ $34dm^2 = \frac{34}{100} m^2$

Bài 6.

9m 50cm > 905cm 4km 6m > 40hm

5m 500m > 5km 5dam < 3km

5m 56cm = 556cm 5km 7m < 57hm

Bài 7.

5 tấn 2 tạ = 52 tạ 23kg605g > 236hg4 g

3050 kg < 4 tấn 5 yến $\frac{1}{2}$ tạ < 60 kg

Bài 8.

$850cm^2 < 12dm^2$ $302mm^2 < 3dm^2\ 2mm^2$

$3m^2\ 92dm^2 < 4m^2$ $51km^2 > 510hm^2$

$2015m^2 < 2hm^2 15m^2$ $32km^2\ 45m^2 > 3200hm^2$

$67\ m^2 > 6700\ cm^2$ $27\ dm^2\ 34\ cm^2 = 2734cm^2$

$573\ hm^2 < 57km^2$ $34dm^2\ 34mm^2 < 3434cm^2$

Bài 9.

a) 12km 8m = 12800m b) 4234kg = 4 tấn 234 kg

c) 75 tấn 4kg = 75004kg d) 2032m = 20km 32m

e) 180m5cm = 18050cm g) 457kg = 4 tạ 57 kg

S
Đ
S

Đ
S
Đ

Bài 10.

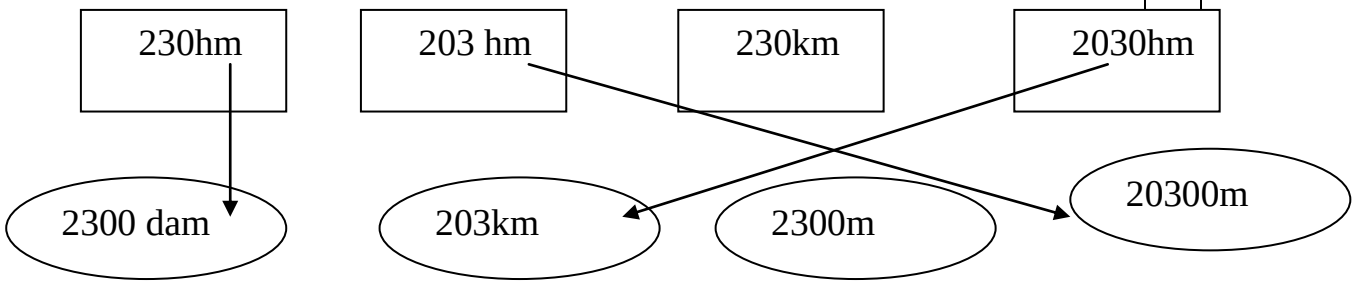

Bài 11.

Một xe chở 12 tạ gạo tẻ và 80 yến gạo nếp. Khối lượng gạo xe đó chở được là : 20 tạ

Bài 12. Viết theo mẫu

Mẫu : $7m^2 36dm^2 = 7m^2 + \frac{36}{100} m^2 = 7\frac{36}{100} m^2$

Viết số đo dưới dạng :

a) Bằng mét vuông b) Bằng ki - lô -mét

$3m^2\ 45dm^2 = 4m^2 + \frac{45}{100}m^2 = 4\frac{45}{100}m^2$ $2km^2\ 13hm^2 = 2km^2 + \frac{13}{100}km^2 = 2\frac{13}{100}km^2$

$2m^2\ 3dm^2 = 2m^2 + \frac{3}{100}m^2 = 2\frac{3}{100}m^2$ $1km^2\ 1hm^2 = 1km^2 + \frac{1}{100}km^2 = 1\frac{1}{100}km^2$

$47dm^2 = \frac{47}{100}m^2$ $83hm^2 = \frac{83}{100}km^2$

$5dm^2 = \frac{5}{100}m^2$ $8hm^2 = \frac{8}{100}km^2$

Bài 13. Bài giải

Chu vi khu đất là : (48 + 25) x 2 = 146 (m)

Chiều dài khu dất cần rào là : 146 - 2 = 144 (m)

Đổi 144m = 1440dm

Số tiền thuê rào hết khu đất là : 1440 x 2500 = 3 600 000(đồng)

Đáp số : 3 600 000 đồng

Bài 14.

Bài giải

Vì khi cùng cắt đi ở mỗi sợi dây là 1200cm thì hiệu độ dài hai sợi dây là không đổi.

Nếu ta coi độ dài sợi dây thứ hai sau khi cắt là 1 phần thì độ dài sợi dây thứ nhất sau khi cắt sẽ là 4 phần như thế.

Độ dài sợi dây thứ hai sau khi cắt là : 54 : (4 - 1) x 1 = 18 (m)

Đổi 1200cm = 12m

Đội dài sợi dây thứ hai trước khi cắt là : 18 + 12 = 30 (m)

Độ dài sợi dây thứ nhất trước khi cắt là : 30 + 54 = 84 (m)

Đáp số : Sợi dây thứ nhất : 84m

sợi dây thứ hai : 30m

Bài 15. Bài giải

Mảnh đất thứ hai thu được số lúa mì là :

5795 - 1125 = 4670 (kg)

Đổi 4670 kg = 467 yến

Đáp số : 467 yến

Bài 16.

Bài giải

Chiều rộng thửa ruộng là :

160 : (3 + 5) x 3 = 60 (m)

Chiều dài thửa ruộng là :

160 - 60 = 100 (m)

Diện tích thửa ruộng là :

100 x 60 = 6000(m^2)

Số thóc thu được trên thửa ruộng đó là :

6000 : 500 x 250 = 3000 (kg)

Đổi 3000kg = 3 tấn

Đáp số : 3 tấn

Bài 17.

Bài giải

Đổi 2$dam^2$60m^2 = 260 m^2

Diện tích làm nhà là : 260 x $\frac{2}{5}$ = 104 (m^2)

Diện tích còn lại sau khi làm nhà là :

260 - 104 = 156 (m^2)

Diện tích để trồng rau là :

156 x $\frac{1}{3}$ = 52 (m^2)

Diện tích là chuồng trại là :

156 - 52 = 104 (m^2)

Đáp số : 104m^2

Bài 18. **Bài giải**

4 mét vải ứng với số phần tấm vải là :

$\frac{1}{9}$ - $\frac{1}{10}$ = $\frac{1}{90}$ (tấm vải)

Chiều dài tấm vải là :

4 : $\frac{1}{90}$ = 360 (m)

Đáp số : 360 mét

Bài 19. Bài giải

Đổi 4m 20cm = 420cm

Đổi 5m = 500cm

Tổng số mét vải để may áo hai loại là :

420 + 500 = 920 (cm)

Trung bình mỗi áo may hết số mét vải là :

920 : (4 + 4) = 115 (cm)

Đổi 115cm = 1m 15 cm

Đổi : 1m 15cm

Bài 20.

Bài giải

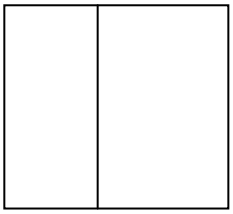

Cạnh của hình vuông là : 20 : 4 = 5 (cm)

Theo hình vẽ ta thấy tổng chu vi hai hình chữ nhật bằng tổng Chu vi của hình vuông ban đầu với 2 lần cạnh của hình vuông.

Tổng chu vi hai hình chữ nhật là :

20 + 5 x 2 = 30 (cm)

Đáp số : 30cm

TUẦN 6.

HÉC - TA. LUYỆN TẬP CHUNG

I. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ

Thông thường, khi đo diện tích người ta còn dùng đơn vị héc - ta.

Héc - ta viết tắt là ha.

$1ha = 1hm;\quad 1ha = 10000m^2$

BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng

Bài 1. Số đo $25m^2\ 3dm^2$ được viết dưới dạng số đốc đơn vị là mét vuông là :

A. $25\frac{5}{10}m^2$ B. $25\frac{5}{100}m^2$ C. $25\frac{50}{10}m^2$ D. $25\frac{5}{1000}m^2$

Bài 2. Kết quả phép tính $\frac{7}{19}\times\frac{1}{3}+\frac{7}{19}\times\frac{2}{3}$ = ?

A. $\frac{14}{21}$ B. $\frac{21}{19}$ C. $\frac{14}{57}$ D. $\frac{7}{19}$

Bài 3. Kết quả nào đúng?

A. $1ha = \frac{1}{100}km^2$ B. $1ha = \frac{1}{10}km^2$ C. $1ha = 1hm^2$ D. $1ha = 100m^2$

Bài 4. Một hợp tác xã dự định trồng rau sạch trên diện tích là $1ha\ 422m^2$. Người ta đã trồng được $\frac{4}{9}$ diện tích đó. Hỏi hợp tác xã còn lại bao nhiêu mét vuông chưa trồng rau?

A. $5970m^2$ B. $9057m^2$ C. $5790m^2$ D. $7950m^2$

Bài 5. Cho một hình thoi có tổng độ dài hai đường chéo là 28m, độ dài đường chéo thứ nhất bằng $\frac{3}{4}$ độ dài đường chéo thứ hai. Diện tích hình thoi đo là :

A. $129m^2$ B. $192m^2$ C. $96m^2$ D. $219m^2$

Bài 6. Một mảnh vườn hình chữ nhật được vẽ trên bản đồ với tỉ lệ 1 : 500 có chiều dài là 6cm, chiều rộng 4cm. Diện tích mảnh vườn là :

A. $6dam^2$ B. $60m^2$ C. $600m^2$ D. 6ha

Bài 7. Người ta lát sàn một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài 6m, chiều rộng 4m bằng những mảnh gỗ hình chữ nhật có chiều dài 1m 20cm, chiều rộng 20cm. Như vậy, để lát kín sàn căn phòng đó người ta cần …….. mảnh gỗ.

A. 10000 B. 1000 C. 100 D. 10

Bài 8. Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) $74km^2 > 7400ha$ ☐

b) $15\ ha < 10\ 000m^2$ ☐

c) 3ha 12dam^2 = $3\frac{12}{100}$ dam^2 ☐

Bài 9. Điền <; >; =

15ha 3 dam^2 ..... 1530dam^2 $5\frac{12}{100}$ ha ..... 5ha 12dam^2

3km^2 9ha ..... 309ha $2\frac{1}{2}$ ha ..... 2ha 12dam^2

90150m^2 .....9ha15m^2 32km^2 4ha ..... $32\frac{4}{10}$ km^2

Bài 10. Viết các số đo sau dưới dạng đơn vị ha (theo mẫu)

Mẫu : *2ha 24dam^2 = 2 ha + $\frac{24}{100}$ ha = $2\frac{24}{100}$ ha*

a) 9ha 19*dam^2* = ……

b) 40ha 25dam^2 = ……..

c) 3km^2 4dam^2 = ……**.....**

Bài 11. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1000 có hình vẽ một khu đất hình chữ nhật với chiều dài 6cm và chiều rộng 4cm. Tính diện tích khu đất đó bằng đơn vị ha.

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 12. Một hình bình hành ABCD có độ dài đáy DC là $\frac{1}{4}$ m, chiều cao AH là 2dm 4cm. Tính diện tích hình đó theo đơn vị đề - xi - mét vuông.

……
……
……

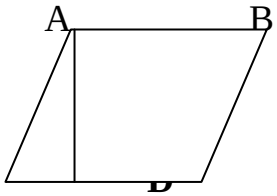

H C

Bài 13. Tìm y

a) $\frac{5}{y} = \frac{1}{2}$ b) $\frac{42}{25} : \frac{y}{5} = \frac{6}{5}$

……
……
……

……
……
……

Bài 14. Tính

a) $\frac{4}{5}+\frac{1}{4}\times\frac{2}{5}$ **b)** $\frac{7}{12}+\frac{3}{4}:\frac{3}{8}-\frac{1}{4}$

……
……
……
……
……
……

Bài 15. Nhà bếp dự trữ đủ lượng gạo cho 45 người ăn trong 6 ngày. Nếu có 54 người ăn số gạo đó thì số ngày ăn sẽ giảm đi bao nhiêu ngày (biết rằng suất ăn của mỗi người là như nhau).

……
……
……
……
……
……

Bài 16. Có một cái bể nước và 3 chiếc vòi. Hai vòi đầu chảy vào bể còn vòi thứ ba tháo nước từ bể ra. Nếu bể cạn mà chỉ mở vòi I thì sau 3 giờ đầy bể. Nếu bể cạn mà chỉ mở vòi II thì sau 4 giờ đầy bể. Nếu bể đầy mà chỉ mở vòi III thì sau 6 giờ bể cạn. Hỏi nếu $\frac{3}{5}$ bể đang có nước mà mở 3 vòi cùng một lúc thì sau bao lâu sẽ đầy bể?

……
……
……
……
……
……

Bài 17. Một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài là 10m, chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Người ta lát kín căn phòng bằng các viên gạch hoa hình vuông cạnh 4dm. Biết mỗi viên gạch giá 20 000 đồng. Hỏi phải tốn phải bao nhiêu tiền để mua gạch đủ lát kín căn phòng đó?

……
……
……
……
……
……

……

Bài 18. Một máy cày ngày thứ nhất cày được $\frac{1}{4}$ cánh đồng ; ngày thứ hai cày được $\frac{1}{3}$ cánh đồng ; ngày thứ ba cày được $\frac{1}{6}$ cánh đồng. Hỏi trung bình mỗi ngày máy cày được bao nhiêu phần cánh đồng?

……
……
……
……
……
……
……

Bài 19. Người ta dự định đào một cái ao hình chữ nhật dài 75m, chiều rộng 44m. Với diện tích đó nếu người ta tăng chiều rộng thêm 6m thì chiều dài phải bớt đi bao nhiêu mét?

……
……
……
……
……
……

Bài 20. Nhà trường tổ chức cho học sinh khối 5 đi thăm quan. Nếu xếp 40 học sinh một xe thì cần 14 xe ô tô. Hỏi nếu xếp 35 học sinh thì cần bao nhiêu xe? (sức chở của mỗi xe là như nhau ?

……
……
……
……
……
……

ĐÁP ÁN

BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Bài 1. B. $25\frac{5}{100}\text{m}^2$

Bài 2. D. $\frac{7}{19}$

Bài 3. A. 1ha = $\frac{1}{100}\text{km}^2$ C. 1ha =1hm^2

Bài 4. C. 5790m^2

Bài 5. C. 96m^2

Bài 6. A. 6dam^2

Bài 7. C. 100

Bài 8. Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) 74km^2 > 7400ha S

b) 15 ha < 10 000m^2 S

c) 3ha 12dam^2 = $3\frac{12}{100}\text{dam}^2$ Đ

Bài 9.

15ha 3 dam^2 < 1530dam^2 $5\frac{12}{100}$ha = 5ha 12dam^2

3km^2 9ha = 309ha $2\frac{1}{2}$ha > 2ha 12dam^2

90150m^2 > 9ha15m^2 32km^2 4ha < $32\frac{4}{10}\text{km}^2$

Bài 10

Mẫu : *2ha 24dam^2 = 2 ha + $\frac{24}{100}$ha = $2\frac{24}{100}$ha*

a) 9ha 19dam^2 = 9 ha + $\frac{19}{100}$ha = $2\frac{19}{100}$ha

b) 40ha 25dam^2 = $40ha+\frac{25}{100}ha=40\frac{25}{100}$ha

c) 3km^2 4dam^2 = $300ha+\frac{4}{100}ha=300\frac{4}{100}$ha

Bài 11.

Bài giải

Chiều dài thực của khu đất là :

6 x 1000 = 6000(cm)

Chiều rộng thực của khu đất là :

4 x 1000 = 4000(cm)

Diện tích khu đất là :

6000 x 4000 = 24 000 000(cm^2)

Đổi 24 000 000cm^2 = 24 ha

Đáp số : 24ha

Bài 12.

Bài giải

Đổi 2dm 4cm = 24cm ; $\frac{1}{4}$ m = 50cm

Diện tích hình bình hành ABCD là :

50 x 24 = 1200 (cm^2)

Đổi 1200cm^2 = 12dm^2

Đáp số : 12dm^2

Bài 13. Tìm y

a) $\frac{5}{y} = \frac{1}{2}$

$\frac{5 \times y}{y} = \frac{1 \times y}{2}$

$5 = \frac{y}{2}$

$\frac{y}{2} = 5$

$\frac{y}{2} = \frac{10}{2}$

y = 10

b) $\frac{42}{25} : \frac{y}{5} = \frac{6}{5}$

$\frac{y}{5} = \frac{42}{25} : \frac{6}{5}$

$\frac{y}{5} = \frac{7}{5}$

y = 7

Bài 14. Tính

a) $\frac{4}{5} + \frac{1}{4} \times \frac{2}{5}$

$= \frac{4}{5} + \frac{1}{10}$

$= \frac{9}{10}$

b) $\frac{7}{12} + \frac{3}{4} : \frac{3}{8} - \frac{1}{4}$

$= \frac{7}{12} + 2 - \frac{1}{4}$

$= \frac{31}{12} - \frac{1}{4}$

$= \frac{28}{12} = \frac{7}{3}$

Bài 15.

Bài giải

1 người ăn số gạo đó trong số ngày là :

45 x 6 = 270 (ngày)

54 người ăn thì số gạo đó ăn trong số ngày là :

270 : 54 = 5 (ngày)

Số ngày giảm đi khi có 54 người ăn là :

6 - 5 = 1 (ngày)

Đáp số : 1 ngày

Bài 16. **Bài giải**

Nếu vòi 1 chảy một mình thì được số phần bể là :

$$1 : 3 = \frac{1}{3} \text{ (bể)}$$

Nếu vòi 2 chảy một mình thì được số phần bể là :

$$1 : 4 = \frac{1}{4} \text{(bể)}$$

Nếu vòi 3 chảy một mình thì chảy được số phần bể là :

$$1 : 6 = \frac{1}{6} \text{(bể)}$$

Nếu cả ba vòi cùng chảy thì được số phần bể là :

$$\frac{1}{3} + \frac{1}{4} - \frac{1}{6} = \frac{5}{12} \text{(bể)}$$

Nếu bể cạn thì mở cả ba vòi thì sau số giờ sẽ đầy bể là :

$$1 : \frac{5}{12} = \frac{12}{5} \text{ (giờ)}$$

Đáp số : $\frac{12}{5}$ giờ

Bài 17

Bài giải

Chiều rộng căn phòng là :

$$10 : 5 \times 3 = 6 \text{ (m)}$$

Diện tích căn phòng là :

$$10 \times 6 = 60 \text{ (} m^2\text{)}$$

Đổi $60m^2 = 6000dm^2$

Diện tích 1 viên gạch là :

$$4 \times 4 = 16 \text{ } (dm^2)$$

Số viên gạch cần dùng để lát ín căn phòng là

$$6000 : 16 = 375 \text{ (viên)}$$

Số tiền cần mua đủ số gạch để lát kín căn phòng là :

$$375 \times 20000 = 7\,500\,000\text{(đồng)}$$

Đáp số : 7 500 000 đồng

Bài 18. Bài giải

Trung bình mỗi ngày máy cày cày được số phần cánh đồng là :

$$(\frac{1}{4} + \frac{1}{3} + \frac{1}{6}) : 3 = \frac{1}{4} \text{ (cánh đồng)}$$

Đáp số : $\frac{1}{4}$ cánh đồng

Bài 19.

Bài giải

Diện tích ao ban đầu là :

$$75 \times 44 = 3\,300(m^2)$$

Chiều rộng mảnh đất sau khi tăng là :

$$44 + 6 = 50 \text{ (m)}$$

Với diện tích là $3300m^2$ thì chiều dài mảnh đất là :

$$3300 : 50 = 66 \text{ } (m^2)$$

Vậy chiều dài cần phải giảm số mét là :

75 - 66 = 9 (m)

Đáp số : 9m

Bài 20.

Bài giải

Số học sinh đi tham quan là :

40 x 14 = 560 (học sinh)

Nếu mỗi xe chở 35 học sinh thì cần số xe là :

560 : 35 = 16 (xe)

Đáp số : 16 xe

TUẦN 7

KHÁI NIỆM SỐ THẬP PHÂN. HÀNG CỦA SỐ THẬP PHÂN. ĐỌC, VIẾT SỐ THẬP PHÂN

I. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ

1. Khái niệm số thập phân

+ Mỗi số thập phân gồm hai phần : phần nguyên và phần thập phân, chúng được phân cách với nhau bởi dấu phẩy.

+ Những chữ số ở bên trái dấu phẩy thuộc về phần nguyên, những chữ số ở bên phải dấu phẩy thuộc về phần thập phân.

2. Đọc, viết số thập phân

+ Muốn đọc số thập phân, ta đọc lần lượt từ hàng cao đến hàng thấp : trước hết đọc phần nguyên, đọc dấu "phẩy", sau đó đọc phần thập phân.

+ Muốn viết số thập phân, ta viết lần lượt từ hàng cao đến hàng thấp : trước hết viết phần nguyên, viết dấu "phẩy", sau đó viết phần thập phân.

BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Khoanh vào chữ cái đắt trước đáp án đúng :

Bài 1. Trong các số sau đây, số nào là số thập phân : 18; 3,5 ; $\frac{1}{6}$; $2\frac{4}{5}$

A. 18 B. 3,5 C. $\frac{1}{6}$ D. $2\frac{4}{5}$

Bài 2. Số thập phân thích hợp điền vào chôc chấm : 5cm = $\frac{5}{100}$ m = … m

A. 0,005 B. 0,05 C. 0,5 D. 5,0

Bài 3. Phân số $\frac{24056}{1000}$ được viết thành số thập phân là :

A. 24,56 B. 24,056 C. 24, 0056 D. 2,4056

Bài 4. Số thập phân 0,018 được viết thành phân số thập phân là :

A. $\frac{18}{10}$ B. $\frac{18}{100}$ C. $\frac{18}{1000}$ D. $\frac{18}{10000}$

Bài 5. Chữ số 7 trong số thập phân 134,57 thuộc hàng nào?

A. Hàng đơn vị B. Hàng phần mười

C. Hàng trăm D. Hàng phần trăm

Bài 6. Đọc số thập phân ; nêu phần nguyên, phần thập phân và giá trị theo vị trí của mỗi chữ số ở từng hàng :

a) 3,85 ; b) 86,254 ; c) 120,08 ; d) 0,005.

Bài 7. Viết vào ô trống cho phù hợp

Viết số thập phân	*Đọc số thập phân*
35, 73	
10,067	
2009,09	
	Hai trăm mười lăm phẩy ba
	Không phẩy bốn trăm bảy mươi sáu
	Bốn mươi phẩy hai nghìn không trăm linh chín

Bài 8. Điền giá trị của các chữ số vào bảng sau:

Số / Giá trị của	**3,752**	**37,52**	**375,2**	**3752**
Chữ số 3				
Chữ số 7				
Chữ số 5				
Chữ số 2				

Bài 9. Viết các phân số thập phân sau dưới dạng số thập phân:

a)

$\frac{1}{10}$ $\frac{1}{100}$ $\frac{1}{1000}$ $\frac{1}{10000}$

……
……
……

b)

$\frac{84}{10}$ $\frac{225}{100}$ $\frac{6453}{1000}$ $\frac{25789}{10000}$

……
……
……
……

Bài 10. Viết các hỗn số sau dưới dạng số thập phân:

a) $1\frac{9}{10} = ...$ $2\frac{66}{100} = ...$

$3\frac{72}{1000} = ...$ $4\frac{99}{1000} = ...$

b)

$8\frac{2}{10}$; $36\frac{23}{100}$; $54\frac{7}{100}$; $12\frac{254}{1000}$

……
……
……
……

Bài 11. Chuyển phân số thành phân số thập phân:

a) $\frac{9}{4}$ = ……. b) $\frac{15}{5}$ = …….

c) $\frac{18}{30}$ = ……..... d) $\frac{4}{400}$ = …….

Bài 12. Viết các số thập phân sau thành phân số thập phân

a) 0,2 = ……. b) 0,03 = …….

c) 0,001 = ……..... d) 0,087 = …….

Bài 13. Viết số thập phân

Số gồm	Viết số
Sáu đơn vị, tám phần mười	
Bốn mươi ba đơn vị, bốn phần mười,bảy phần trăm(tức bốn mươi ba đơn vị, bốn mươi bảy phần trăm)	
Ba nghìn không trăm linh hai đơn vị sáu phần nghìn.	
Bốn mươi bốn đơn vị, bốn phần mười, bốn phần trăm, bốn phần nghìn(tức bốn mươi bốn đơn vị, bốn trăm bốn mươi bốn phần nghìn).	
Không đơn vị, bảy phần trăm	

Bài 14. Viết vào chỗ chấm cho thích hợp (theo mẫu)

Mẫu : 5dm = $\frac{5}{10}$m = 0,5m

a) 75g = …… kg = …….kg b) 5cm = …….m = ……m

c) 75 kg = ……tấn = …….tấn d) 7mm = …….cm = ……cm

Bài 15. Viết vào chỗ chấm cho thích hợp (theo mẫu)

a) Mẫu : 3m 5dm = 3m + 5dm = $3\frac{5}{10}$m = 3,5m

7m25cm = ……..

15tấn 9kg = ……..

b) Mẫu: $30\frac{51}{1000}$km = 30, 051km

$6\frac{15}{100}$ km = ……..…

$\frac{49}{100}$ tạ = ……..……

Bài 16. Viết mỗi chữ số của một số thập phân vào một ô trống ở "hàng" thích hợp (theo mẫu):

Số thập phân	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị	Hàng phần mười	Hàng phần trăm	Hàng phần nghìn
62,568			6	2	5	6	8
197,34							
85,206							
1954,112							
2006,304							
931,08							

Bài 17. Có một công việc nếu Phương làm một mình thì sau 5 giờ xong, còn nếu Minh làm một mình thì sau 6 giờ xong. Hai bạn cùng làm việc đó trong 2 giờ sau đó Phương bận việc khác không làm nữa. Hỏi Minh tiếp tục làm xong công việc còn lại sau bao lâu sẽ xong?

……
……
……
……
……

Bài 18. Một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài 8m, chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài. Để lát nền căn phòng đó, người ta dùng loại gạch men hình vuông cạnh 4dm.

a. Hỏi để lát kín căn phòng cần bao nhiêu viên gạch đó?

b. Biết rằng để lát $1m^2$ gạch men hết 75000 đồng. Vậy để lát hết căn phòng đó thì hết bao nhiêu tiền?

……
……
……
……
……

Bài 19. Viết phép chia một tích cho một số rồi tính bằng hai cách theo mẫu) :

Mẫu : **72** $\times 27 : 24$ **=**

Cách 1 : $\frac{72 \times 27}{24}$ **=** $\frac{1944}{24} = 81$

Cách 2 : $\frac{72 \times 27}{24}$ **=** *3* x *27 = 81*

a)54 x 13 : 18 = ……

……

b)96 x 7 : 24 = ……

……

c)19 x 91 : 13 = ……

……

Bài 20. Tính bằng cách thuận tiện

$$A = \frac{2017}{2018} \times \frac{7}{8} + \frac{2017}{2018} \times \frac{3}{8} - \frac{2017}{2018} \times \frac{1}{4}$$

……
……
……
……

ĐÁP ÁN

Bài 1. B. 3,5

Bài 2. B. 0,05

Bài 3. B. 24,056

Bài 4. C. $\frac{18}{1000}$

Bài 5. B. Hàng phần mười

Bài 6.

Bài 7.

Viết số thập phân	***Đọc số thập phân***
35, 73	Ba mươi năm phẩy bảy mươi ba
10,067	Mười phẩy phẩy không trăm sáu mươi bảy
2009,09	Hai nghìn không trăm linh chín phẩy không chín
215,3	Hai trăm mười lăm phẩy ba
0,476	Không phẩy bốn trăm bảy mươi sáu
40,2009	Bốn mươi phẩy hai nghìn không trăm linh chín

Bài 8.

Số / Giá trị của	3,752	37,52	375,2	3752
Chữ số 3	3	30	300	3000
Chữ số 7	$\frac{7}{10}$	7	70	700
Chữ số 5	$\frac{5}{100}$	$\frac{5}{10}$	5	50
Chữ số 2	$\frac{2}{1000}$	$\frac{2}{100}$	$\frac{2}{10}$	2

Bài 9.

a) $\frac{1}{10}=0,1$ $\frac{1}{100}=0,01$ $\frac{1}{1000}=0,001$ $\frac{1}{10000}=0,0001$

b)

$\frac{84}{10}=8,4$ $\frac{225}{100}=2,25$ $\frac{6453}{1000}=6,453$ $\frac{25789}{10000}=2,5789$

Bài 10.

$1\frac{9}{10}=1,9$ $2\frac{66}{100}=2,66$ $3\frac{72}{1000}=3,072$ $4\frac{99}{1000}=4,099$

b) $8\frac{2}{10}=8,2$ $36\frac{23}{100}=36,23$ $54\frac{7}{100}=54,07$ $12\frac{254}{1000}=12,254$

Bài 11.

a) $\frac{9}{4}=\frac{9\times25}{4\times25}=\frac{225}{100}$ b) $\frac{15}{5}=\frac{15\times2}{5\times2}=\frac{30}{10}$

c) $\frac{18}{30} = \frac{18:3}{30:3} = \frac{6}{10}$ d) $\frac{4}{400} = \frac{4:4}{400:4} = \frac{1}{100}$

Bài 12.

a) 0,2 = $\frac{2}{10}$ b) 0,03 = $\frac{3}{100}$

c) 0,001 = $\frac{1}{1000}$ d) 0,087 = $\frac{87}{1000}$

Bài 13.

Số gồm	Viết số
Sáu đơn vị, tám phần mười	6, 8
Bốn mươi ba đơn vị, bốn phần mười,bảy phần trăm(tức bốn mươi ba đơn vị, bốn mươi bảy phần trăm)	43, 47
Ba nghìn không trăm linh hai đơn vị sáu phần nghìn.	3002,006
Bốn mươi bốn đơn vị, bốn phần mười, bốn phần trăm, bốn phần nghìn(tức bốn mươi bốn đơn vị, bốn trăm bốn mươi bốn phần nghìn).	44,444
Không đơn vị, bảy phần trăm	0,07

Bài 14. **Mẫu : 5dm =** $\frac{5}{10}$ m = 0,5m

a) 75g = $\frac{75}{1000}$ kg = 0,075kg b) 5cm = $\frac{5}{100}$ m = 0,05m

c) 75 kg = $\frac{75}{1000}$ tấn = 0,075tấn d) 7mm = $\frac{7}{10}$ cm = 0,7cm

Bài 15.

a)

7m25cm = 7m + 25cm = 7m + $\frac{25}{100}$ m = $7\frac{25}{100}$ m = 7,25m

15tấn 9kg = 15 tấn + 9kg = 15 tấn + $\frac{9}{1000}$ tấn = 15,009 tấn

b)

$6\frac{15}{100}$ km = 6,15km

$\frac{49}{100}$ tạ = 0,49 tạ

Bài 16.

Số thập phân	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị	Hàng phần mười	Hàng phần trăm	Hàng phần nghìn
62,568			6	2	5	6	8
197,34		1	9	7	3	4	
85,206			8	5	2	0	6
1954,112	1	9	5	4	1	1	2
2006,304	2	0	0	6	3	0	4
931,08		9	3	1	0	8	

Bài 17.

Bài giải

Phương làm 1 giờ được số phần công việc là

$1 : 5 = \frac{1}{5}$ (công việc)

Minh làm 1 giờ được số phần công việc là

$1 : 6 = \frac{1}{6}$ (công việc)

Hai bạn làm trong 2 giờ được số phần công việc là :

$2 \times (\frac{1}{5} + \frac{1}{6}) = \frac{11}{15}$ (công việc)

Số phần công việc còn lại là :

$1 - \frac{11}{15} = \frac{4}{15}$ (công việc)

Minh làm một mình số phần công việc còn lại hết số thời gian là

$\frac{4}{15} : \frac{1}{6} = \frac{24}{15}$ (giờ) = 1giờ 36 phút

Đáp số : 1 giờ 36 phút

Bài 18.

Bài giải

Chiều rộng căn phòng là

8 : 4 x 3 = 6 (m)

Diện tích căn phòng là :

8 x 6 = 48 (m^2)

Diện tích một viên gạch là

4 x 4 = 16 (dm^2)

Đổi 48 m^2 = 4800dm^2

a) Số viên gạch cần dùng để lát kín căn phòng là :

4800 : 16 = 300(viên gạch)

b) Để lát kín căn phòng đó cần mua gạch hết số tiền là :

75000 x 48 = 3 600 000(đồng)

Đáp số : a) 300 viên gạch

b) 3600 000 đồng

Bài 19.

a) Cách 1: 54 x 13 : 18 = $\frac{54\times13}{18}$ = $\frac{702}{18}=39$

Cách 2 : 54 x 13 : 18 = $\frac{54\times13}{18}$ = 3 x 13 = 39

b) Cách 1: 96 x 7 : 24 = $\frac{96\times7}{24}$ = $\frac{672}{24}=28$

Cách 2 : 96 x 7 : 24 = $\frac{96\times7}{24}$ = 4 x 7 = 28

c) Cách 1 19 x 91 : 13 = $\frac{19\times91}{13}=\frac{1729}{13}=133$

Cách 2 19 x 91 : 13 = $\frac{19\times91}{13}$ = 19 x 7 = 133

Bài 20.

$A=\frac{2017}{2018}\times\frac{7}{8}+\frac{2017}{2018}\times\frac{3}{8}-\frac{2017}{2018}\times\frac{1}{4}=\frac{2017}{2018}\times\left(\frac{7}{8}+\frac{3}{8}-\frac{1}{4}\right)$

$A=\frac{2017}{2018}\times\left(\frac{7}{8}+\frac{3}{8}-\frac{1}{4}\right)=\frac{2017}{2018}\times1$

A = $\frac{2017}{2018}$

TUẦN 8

SỐ THẬP PHÂN BẰNG NHAU. SO SÁNH SỐ THẬP PHÂN VIẾT CÁC SỐ ĐO ĐỘ DÀI DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN

I. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ

1. Số thập phân bằng nhau

- Nếu viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của một số thập phân thì được một số thập phân bằng nó.

Ví dụ : 2,3 = 2,30 = 2,300 = 2,3000…..

Lưu ý : mỗi số thự nhiên a đều có thể viết thành số thập phân với phần thập phân là những chữ số 0.

- Nếu một số thập phân có chữ số 0 tận cùng bên phải phần thập phân thì khi bỏ chữ số 0 đó đi, ta được số thập phân bằng nhau.

Ví dụ : 45,7000 = 45,700 = 45, 70 = 45,7

2. So sánh hai số thập phân.

- So sánh các phần nguyên của hai số đó như so sánh hai số tự nhiên, số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.

- Nếu phần nguyên của hai số đó bằng nhau thì ta so sánh phần thập phân, lần lượt từ hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn...đến cùng một hàng nào đó, số thập phân nào có chữ số ở hàng tương ứng lớn hơn thì số đó lớn hơn.

- Nếu phần nguyên và phần thập phân của hai số đó bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.

Ví dụ : 2018,1 > 2015,99 (vì 2018 > 2015).

85,135 < 85,2 (vì phần nguyên bằng nhau, ở hàng phần mười có 1 < 2).

156,47 > 156,426 (vì phần nguyên bằng nhau, hàng phần mười bằng nhau, ở hàng phần trăm có 4 > 2).

BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu đáp án đúng.

Bài 1. Số thập phân **50,050** được viết dưới dạng gọn nhất là **:**

A. 5,5 B. 50,5 C. 50, 05 D. 50,005

Bài 2. Số thập phân 0,300 được viết dưới dạng phân số thập phân là :

A. $\frac{3}{10}$ B. $\frac{30}{100}$ C. $\frac{300}{1000}$ D. cả 3 đều đúng

Bài 3. Trong các số thập phân 86,42; 86,422; 686,42; 86,642. Số thập phân lớn nhất là :

A. 86,42 B. 86,422 C. 686,42 D. 86,642

Bài 4. Cho các số thập phân sau: 95,6; 95,31; 941,5 ; 9,631. Số nhỏ nhất trong dãy số trên là:

A. 95,6 B. 95,31 C. 941,5 D. 9,631

Bài 5. Cho các số: 1,604; 25,57; 12,32; 68,46; 77,62. Hãy chọn đáp số đúng trong các đáp số sau:

A. 68,46 < 12,32 < 25,57 < 1,604 < 77,62

B. 1,604 < 68,46 < 25,57 < 12,32 < 77,62

C. 1,604 < 12,32 < 68,46 < 25,57 < 77,62

D. 1,604 < 12,32 < 25,57 < 68,46 < 77,62

Bài 6. Tìm số tự nhiên x, biết : 38,46 < x < 39, 08

A. 38 B. 39 C. 40 D. 41

Bài 7. Các số sau đây được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là :

5,017 ; 5, 1 ; 5,028 ; 5,018 ; 5,039 ; 5,029

A. 5,017 ; 5,018 ; 5, 1 ; 5,028 ; 5,039 ; 5,029

B. 5,017 ; 5,018 ; 5,028 ; 5,1 ; 5,039 ; 5,029

C. 5,017 ; 5,018; 5,028 ; 5,029 ; 5, 039 ; 5,1

D. 5,1 ; 5,017 ; 5,018; 5,028 ; 5,029 ; 5, 039

Bài 8. Tìm chữ số a ,biết : 86,718 > 86,7a9

A. a = 3 B. a = 2 C. a = 1 D. a = 0

Bài 9. Đoạn đường từ nhà Nam đến trường dài 895m. Đoạn đường đó dài số ki - lô - mét là :

A. 89,5km B. 8,95km C. 0, 895km D. 0,0895km

Bài 10. Đoạn đường từ nhà Nam đến trường dài $4\frac{3}{100}$ km. Đoạn đường đó dài số mét là :

A. 402m B. 430m C. 4030m D. 2300m

Bài 11. Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) 12,30 = 123 ☐ b) 12,30 = 12,3 ☐

c) 20,08 = 20,080 ☐ d) 20,08 = 200 ☐

Bài 12. Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) $\frac{2}{10} < 0,2$ ☐ b) $\frac{2}{10} = 0,2$ ☐

c) $\frac{152}{100} < 1,52$ ☐ d) $\frac{152}{100} > 1,52$ ☐

e) $1\frac{9}{100} < 1,9$ ☐ g) $1\frac{9}{100} > 1,9$ ☐

Bài 13. Hãy viết các số thập phân bé hơn 1 mà trong mỗi số có ba chữ số khác nhau ở phần thập phân, gồm các chữ số 1 ; 2 ; 3. Xếp các số đó theo thứ tự từ bé đến lớn.

……
……
……
……

Bài 14. Với các chữ số 2 ; 3 ; 4 hãy viết các số thập phân có 3 chữ số khác nhau mà, mà mỗi số có hai chữ số ở phần thập phân. Xếp các số đó theo thứ tự từ bé đến lớn.

……
……
……
……

Bài 15. Hãy viết 5 số thập phân ở giữa 0 và 1. Sắp xếp các số đó theo thứ tự từ bé đến lớn.

……
……
……
……

Bài 16. Tìm chữ số x sao cho: 9,2x8 > 9, 278

……
……
……
……

Bài 17. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm

5m 13cm = ……m
12m 4dm = ……m
4km 203m =……...km
102 m = ……..km
6dm 5cm = ……...dm
5dm 23mm = ……..dm
6km 57m = ……km
7m 7cm = ……m

Bài 18. Viết số thích hợp vào chỗ chấm

21,55m = …….m …….cm
6,54km = ……m
43,76m = …….m …….cm
63,2km = ……m

Bài 19. Viết số đo sau dưới dạng số đo là mét.

6km 123m = ……m
9km 91dam = ……m
4km 2hm =……...m
8,75km = ……...m
0,175km = …….. m
0,09km = ……m

Bài 20. Tính nhanh :

a) $\frac{42\times65}{6\times5}$ b) $\frac{48\times63}{9\times8}$ c) $\frac{9\times71}{213\times189}$

……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 21. Viết đáp số dưới dạng số thập phân.

Mỗi hộp kẹo cân nặng $\frac{75}{100}$ kg, mỗi hộp bánh cân nặng $\frac{5}{10}$. Một người mua 5 hộp kẹo và 7 hộp bánh. Hỏi

a) Người đó mua tất cả bao nhiêu ki - lô- gam kẹo và bánh ?

b) So sánh lượng kẹo và lượng bánh đã mua?

……
……
……
……
……

Bài 22. Tìm chữ số x ; y với x< y < 10, biết : $\frac{1}{x}+\frac{1}{y}=\frac{8}{15}$

……
……
……
……
……

Bài 23. Có hai đoạn dây điện, đoạn thứ nhất dài 14m 5dm, đoạn dây thứ hai đà 18m 35cm. Người ta dùng hết tất cả 25m 3dm. Hỏi còn lại bao nhiêu mét dây?

……
……
……
……
……

Bài 24. Lớp 4A có 42 học sinh. Trong đó có 25 HS giỏi toán, 23 HS giỏi Tiếng Việt và 2 HS không giỏi môn nào. Hỏi có bao nhiêu HS giỏi cả hai môn?

……
……
……
……

Bài 25.

a) Cho biết : 1 < X < 2, X có thể nhận giá trị là số tự nhiên được không ? X có thể nhận giá trị là số thập phân được không ? Nêu ví dụ.

b) Tìm ba giá trị của X là các số thập phân, sao cho 0,6 < X < 0,7.

……

……

……

……

ĐÁP ÁN

Bài 1. C. 50, 05

Bài 2. D. cả 3 đều đúng

Bài 3. C. 686,42

Bài 4. D. 9,631

Bài 5. D. 1,604 < 12,32 < 25,57 < 68,46 < 77,62

Bài 6. B. 39

Bài 7. C. 5,017 ; 5,018; 5,028 ; 5,029 ; 5, 039 ; 5,1

Bài 8. D. a = 0

Bài 9. C. 0, 895km

Bài 10. C. 4030m

Bài 11.

a) S b) Đ

c) Đ d) S

Bài 12.

a) S b) Đ c) S d) S e) Đ g) S

Bài 13. Các số thập phân: 0, 12 ; 0, 13 ; 0,21 ; 0,23; 0,31 ; 0,32

Các số sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn : 0, 12 ; 0, 13 ; 0,21 ; 0,23; 0,31 ; 0,32

Bài 14.

Các số thập phân là : 2,34 ; 2,43 ; 3,24 ; 3,42 ; 4,23 ; 4,32.

Các số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn : 2,34 ; 2,43 ; 3,24 ; 3,42 ; 4,23 ; 4,32.

Bài 15. Các số thập phân ở giữa 0 và 1 là : 0, 01; 0,02; 0,03 ; 0,04 ; 0,05;……

(hoặc có nhiều kết quả khác : 0,001 ; 0,002 ; ……..)

Bài 16. **Vì** 9,2x8 > 9,278 nên x > 7 do đó x = 8 hoặc x =9.

Bài 17.

5m 13cm = 5,13m 6dm 5cm = 6,5dm

12m 4dm = 12,4m 5dm 23mm = 5,23dm

4km 203m = 4,203km 6km 57m = 6,057km

102 m = 0,102km 7m 7cm = 7,07m

Bài 18.

21,55m = 21m 55cm

43,76m = 43m 76cm

6,54km = 6540m

63,2km = 63200m

Bài 19.

6km 123m = 6123m

8,75km = 8750m

9km 91dam = 9910m

0,175km = 175 m

4km 2hm = 4200m

0,09km =90m

Bài 20.

a) $\frac{42\times65}{6\times5}=\frac{6\times7\times5\times13}{6\times5}=91$

b) $\frac{48\times63}{9\times8}=\frac{8\times6\times9\times7}{9\times8}=42$

c) $\frac{9\times71}{213\times189}=\frac{9\times71}{71\times3\times21\times9}=\frac{1}{63}$

Bài 21.

Bài giải

5 hộp kẹo có cân nặng là :

$$\frac{75}{100}\times5=\frac{15}{4}(kg)$$

7 hộp bánh cân nặng là :

$$\frac{5}{10}\times7=\frac{35}{10}(kg)$$

Người đó mua tất cả số ki - lô - gam kẹo và bánh là :

$$\frac{15}{4}+\frac{35}{10}=\frac{145}{20}(kg)$$

Đổi $\frac{145}{20}=7,25(kg)$

b) Ta thấy : $\frac{15}{4}>\frac{35}{10}$ nên số kẹo mua nặng hơn số bánh đã mua.

Đáp số : a) 7,25kg

b) kẹo nhiều hơn bánh.

Bài 22.

Ta có : $\frac{8}{15}=\frac{1}{3}+\frac{1}{5}$ hay $\frac{1}{3}+\frac{1}{5}=\frac{8}{15}$

Vì $x < y$ nên $x = 3$; $y = 5$

Bài 23.

Bài giải

Đổi : 14m 5dm = 1450cm

18m 35cm = 1835cm

25m 3dm = 2530 cm

Cả hai đoạn dây điện dài số mét là :

1450 + 1835 =3285 (cm)

Còn lại số mét dây là :

3285 - 2530 = 755(cm)

Đổi 755cm = 7,55m

Đáp số : 7,55m

Bài 24.

Bài giải

Tổng số học sinh giỏi tóa và Tiếng Việt là :

42 - 2 = 40

Giả sử không có học sinh nào giỏi cả hai môn thì số học sinh giỏi Toán và Tiếng việt là : 25 + 23 = 48 (học sinh)

Số học sinh giỏi cả hai môn là :

48 - 40 = 8 (học sinh)

Đáp số : 8 học sinh

Bài 25.

Bài giải

a) Ta có : 0 < X < 1, nên sẽ không có số tự nhiên nào phù hợp ở giữa hai số 0 và 1 nên X chỉ nhận giá trị là số thập phân.

X nhận nhiều giá trị là số thập phân khác nhau

Ví dụ : X = 0,001 hoặc X= 0,002 hoặc X = 0,01; …….

b) 0,6 < X < 0,7 thì X cũng nhận nhiều giá trị khác nhau

chẳng hạn : X = 0,61 ; X = 0,62 ; X = 0,63 ; ……..

TUẦN 9

VIẾT SỐ ĐO KHỐI LƯỢNG, SỐ ĐO DIỆN TÍCH DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN. LUYỆN TẬP

I. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ

1. Viết số đô khối lượng dưới dạng số thập phân.

Ví dụ : 4 tấn 345kg = ….. tấn

Cách làm : 4 tấn 345kg = $4\frac{345}{1000}$ tấn = 4,345 tấn.

Vậy 4 tấn 345kg = 3, 345 tấn.

2. Viết số đo diện tích dưới dạng số thập phân

***Ví dụ* :** $56m^2$ $14dm^2$ = ….. m^2

Cách làm : $56m^2$ $14dm^2$ = $56\frac{14}{100}m^2$= $56,14m^2$

Vậy $56m^2$ $14dm^2$ = $56,14m^2$.

II. BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng.

Bài 1. Số thích hợp điền vào chỗ chấm 3km 5m = ….. km là

A. 3,5 B. 3,05 C. 3,005 D.3,0005

Bài 2. Số thích hợp điền vào chỗ chấm 4 tạ 5kg = …. tạ là:

A. 40,5 B. 4,5 C. 4,05 D. 4,005

Bài 3. Số thích hợp điền vào chỗ chấm $2345m^2$ = ….ha là

A. 0, 02345 B. 0, 2345 C. 2,345 D. 23,45

Bài 4. Một khu đất hình vuông có chu vi là 0,34km. Diện tích khu đất rộng bao nhiêu héc - ta?

A. 0,7225ha B. 7,225ha C. 72,25ha D. 722,5ha

Bài 5. Có 3 xe chở hàng lên miền núi, mỗi xe chở được 4320kg hàng. Hỏi cả 3 xe chở được bao nhiêu tấn hàng?

A. 1,296 tấn B. 12,96 tấn C. 129,6 tấn D. 1296 tấn

Bài 6. Một cái hồ chứa nước hình chữ nhật có chu vi 0,4km. Chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Hỏi cái hồ đó rộng bao nhiêu héc - ta?

A. 0,96ha B. 9,6ha C. 96ha D. 960ha

Bài 7. Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) 47m 92cm = 47,92m ☐ b) $9dam^2$ $3m^2$ > 9,3 dam^2 ☐

c) 24kg 127g = 241,27kg ☐ d) 8 tấn 34kg < 8,34 tấn ☐

Bài 8. Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) 135kg = 1,35 tạ ☐ b) 16782kg = 1,6782 tấn ☐

c) 400kg = 4 tấn ☐ d) 6,84kg = 6840g ☐

Bài 9. Nối hai số đo khối lượng bằng nhau :

4 tấn 500kg	4 tấn 5kg	4 tấn 50kg	450kg	45kg

0,45 tấn	0,045 tấn	0,405 tấn	4,5 tấn	4,005 tấn

Bài 10. Nối hai số đo khối lượng bằng nhau :

$0,75m^2$	$0,075m^2$	$0,0075m^2$	$0,00075m^2$

$0,75dm^2$	$750cm^2$	$75dm^2$	$7,5dm^2$	$0,075dm^2$	$7,5cm^2$

Bài 11. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

1,105kg = ….g 5,6 kg =….g

9,05 kg = ….g 0,01kg =….g

0,003 kg =….g 0,078kg =….g

Bài 12. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1 kg 725g = …...kg 3kg 45g = …...kg 12kg 5g =…….kg

b) 6528g =…….kg 789g = ..….kg 64g =……..kg

c) 7 tấn 125 kg = ….. tấn 2 tấn 64 kg = ..…. tấn 177 kg = ……. tấn

d) 1 tấn 3 tạ = …. tấn 4 tạ = …. tấn 4 yến = ……..tấn

Bài 13. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 8,56 dm^2= ……..cm^2 0,42 m^2= ……dm^2 1,8 ha = ……...m^2

b) 0,001 ha = ……...m^2 63,9 m^2 = ….m^2….dm^2 2,7dm^2 = ….dm^2 …cm^2

Bài 14. Viết các số đo sau dưới dạng số đo có đơn vị là mét vuông:

a) 2,5km^2 = ……. b) 10,4 ha = ……. c) 0,03ha = ……..

d) 800dm^2 = …….. e) 80dm^2 = ……. g) 917dm^2 = ……...

Bài 15. Điền dấu > < = thích hợp vào chỗ chấm:

a) 4kg 20g ….4,2kg b) 500g …. 0,5kg

c) 1,8 tấn …. 1 tấn 8 kg d) 0,165 tấn ….16, 5 tạ

Bài 16. Một khu đất hình chữ nhật có chu vi là 0,45km. Chiều rộng bằng $\frac{4}{5}$ chiều dài. Tính diện tích khu đất với đơn vị đo là mét vuông, héc - ta.

……
……
……
……
……

Bài 17. Mỗi bao gạo cân nặng 50kg ; mỗi bao ngô cân nặng 40kg. Một ô tô chở 20 bao gạo và 25 bao ngô. Hỏi xe đó chở bao nhiêu tấn gạo và ngô?

……
……
……
……
……

Bài 18. Một máy gặt trong 2 ngày gặt xong một khu ruộng. Ngày đầu máy gặt được $\frac{1}{2}$ khu ruộng và 1ha. Ngày thứ hai gặt được $\frac{1}{2}$ phần còn lại và 2 ha. Tính diện tích khu ruộng đó.

……
……
……
……
……
……

Bài 19. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều rộng 80m và chiều dài bằng $\frac{5}{4}$ chiều rộng. Người ta mở rộng thửa ruộng đó theo chiều dài được thêm 25m thành một hìn chữ nhật mới và cấy lúa, cứ 100m^2 đạt năng suất 50kg. Tính sản lượng thóc thu được ở thửa ruộng đó với đơn vị là tấn?

……
……
……
……
……
……
……

……

Bài 20. Một quầy hàng lương thực nhập về một số gạo. Buổi sáng bán được $\frac{1}{3}$ số gạo và 20kg. Buổi chiều quầy hàng bán được $\frac{2}{3}$ số gạo còn lại và 10kg nữa thì còn lại 2 tạ 50kg. Hỏi cửa hàng đã nhập về bao nhiêu ki - lô- gam?

……
……
……
……
……
……
……

ĐÁP ÁN

Bài 1. C. 3,005

Bài 2. C. 4,05

Bài 3. B. 0, 2345

Bài 4. A. 0,7225ha

Bài 5. B. 12,96 tấn

Bài 6. A. 0,96ha

Bài 7.

a) Đ b) S

c) S d) Đ

Bài 8.

a) Đ b)S

c) S d)Đ

Bài 9.

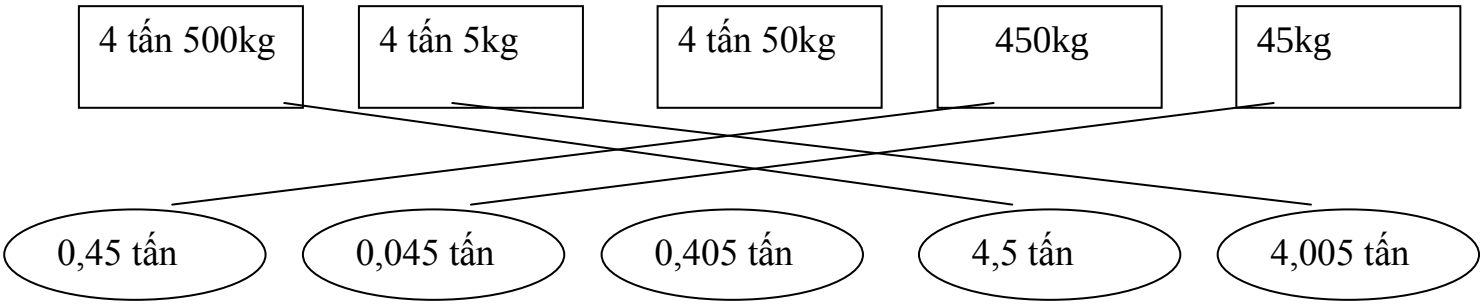

Bài 10.

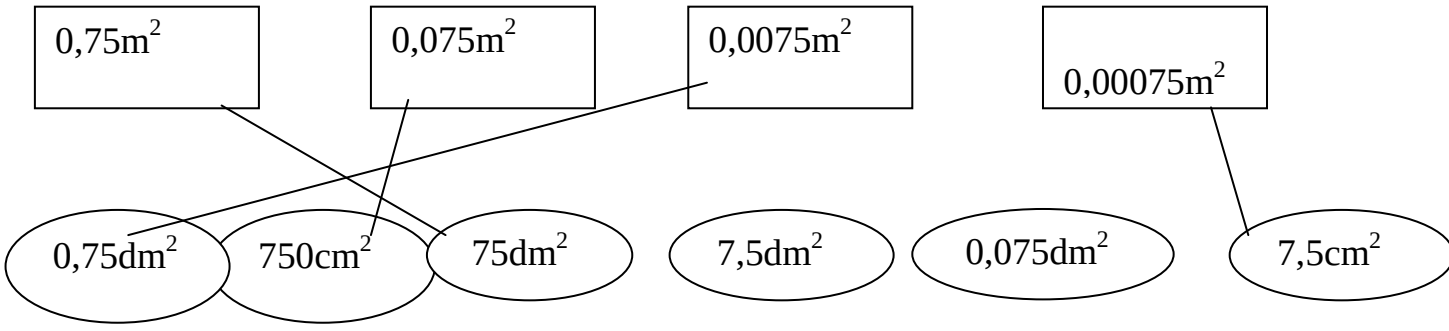

Bài 11. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

1,105kg = 1105g 5,6 kg = 5600g

9,05 kg = 9050g 0,01kg = 10g

0,003 kg = 3g 0,078kg = 78g

Bài 12.

a)1 kg 725g = 1,725 kg 3kg 45g = 3,045 kg 12kg 5g = 12,005 kg

b) 6528g = 6,528 kg 789g = 0,789 kg 64g = 0,064 kg

c) 7 tấn 125 kg = 7,125 tấn 2 tấn 64 kg = 2,064 tấn 177 kg = 0,177 tấn

d) 1 tấn 3 tạ = 1,3 tấn 4 tạ = 0,4tấn 4 yến = 0,04 tấn

Bài 13.

a) 8,56 dm^2 = 85600cm^2 0,42 m^2 = 42dm^2 1,8 ha = 18000m^2

b) 0,001 ha = 1m^2 63,9 m^2 = 63m^2 90dm^2 2,7dm^2 = 2dm^2 70cm^2

Bài 14.

a) 2,5km^2 = 2500000m^2 b) 10,4 ha = 104000m^2 c) 0,03ha = 300m^2

d) 800dm^2 = 8m^2 e) 80dm^2 = 0,8m^2 g) 917dm^2 = 9,17m^2

Bài 15.

a) 4kg 20g < 4,2kg b) 500g = 0,5kg

c) 1,8 tấn > 1 tấn 8 kg d) 0,165 tấn < 16, 5 tạ

Bài 16.

Bài giải

Đổi 0,45km = 450m

Nửa chu vi khu đất là : 450 : 2 = 225(m)

Chiều rộng khu đất là : 225 : (4 + 5) x 4 = 100(m)

Chiều dài khu đất là : 225 - 100 = 125 (m)

Diện tích khu đất là : 125 x 100 = 12500(m^2)

Đổi 12500m^2 = 1,25ha

Đáp số : 12500m^2 ; 1,25ha

Bài 17.

Bài giải

20 bao gạo cân nặng số ki - lô - gam là : 50 x 20 = 1000(kg)

25 bao ngô cân nặng số ki - lô - gam là : 40 x 25 = 1000(kg)

Xe đó chở số gạo và ngô là : 1000 + 1000 = 2000(kg)

Đổi 2000kg = 2 tấn

Đáp số : 2 tấn

Bài 18.

Bài giải

Ta thấy ngày thứ hai dệt được $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại của ngày thứ nhất và 2ha thì vừa hết nên $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại của ngày thứ nhất là 2ha.

Diện tích còn lại sau ngày thứ nhất là : 2 x 2 = 4 (ha)

$\frac{1}{2}$ diện tích khu ruộng là : 4 + 1 = 5 (ha)

Diện tích khu ruộng là : 5 x 2 = 10 (ha)

Đáp số : 10ha

Bài 19. Bài giải

Chiều dài thửa ruộng là :

80 x 5 : 4 = 100(m)

Chiều dài thửa ruộng mới là:

100 + 25 = 125(m)

Diện tích thửa ruộng mới là

125 x 80 = 1000(m^2)

Sản lượng thóc thu được trên thửa ruộng đó là :

1000 : 100 x 50 = 500(kg)

Đổi : 500kg = 0,5 tấn

Đáp số : 0,5 tấn

Bài 20. Bài giải

Đổi 2 tạ 50kg = 250kg

Số gạo sau khi bán $\frac{2}{3}$ số gạo còn lại chiếm số phần số gạo còn lại của buổi sáng là

$1 - \frac{2}{3} = \frac{1}{3}$ (số gạo còn lại)

$\frac{1}{3}$ số gạo còn lại có khối lượng là :

10 + 250 = 260 (kg)

Số gạo còn lại của buổi sáng là :

260 x 3 = 780(kg)

Số gạo còn lại buổi sáng chiếm số phần số gạo trong quầy hàng là :

$1 - \frac{1}{3} = \frac{2}{3}$ (số gạo trong quầy hàng)

$\frac{2}{3}$ số gạo trong quầy hàng có khối lượng là :

780 + 20 = 800 (kg)

Số gạo ban đầu trong quầy hàng là :

$800 : \frac{2}{3} = 1200$(kg) Đáp số : 1200kg

TUẦN 10

ÔN TẬP GIỮA KÌ I. CỘNG HAI SỐ THẬP PHÂN. TỔNG CỦA NHIỀU SỐ THẬP PHÂN.

I. KIẾN THỨC CẦN LƯU Ý

1. Muốn cộng hai số thập phân ta là như sau:

- *Muốn cộng hai số thập phân ta làm như sau:*
- *Viết số hạng này dưới số hạng kia làm sao cho các chữ số ở cùng một hàng đặt thẳng cột với nhau.*
- *Cộng như cộng các số tự nhiên.*
- *Viết dấu phẩy ở tổng thẳng cột với các dấu phẩy của các số hạng.*

2. Tính chất giao hoán.

Khi đổi chỗ hai số hạng trong một tổng thì tổng không thay đổi.

a + b = b + a

3. Tính chất kết hợp :

- Khi cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của hai số còn lại.

(a + b) + c = a + (b + c)

II. BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng.

Bài 1. Trong các phân số sau đây , phân số nào là phân số thập phân.

A. $\frac{8}{15}$ B. $\frac{7}{30}$ C. $\frac{9}{100}$ D. $\frac{2}{3100}$

Bài 2. Chữ số 9 trong số thập phân 25, 1954 có giá trị là :

A. 900 B. 9 C. $\frac{9}{10}$ D. $\frac{9}{100}$

Bài 3. Chữ số 7 trong số thập phân 1,5678 có giá trị là :

A. 70 B. 7 C. $\frac{7}{100}$ D. $\frac{7}{1000}$

Bài 4. Phân số $\frac{167}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là :

A. 0,0167 B. 0,167 C. 1,67 D. 16,7

Bài 5. Số thập phân 5,09 được viết dưới dạng hỗn số là :

A. $5\frac{9}{10}$ B. $50\frac{9}{100}$ C. $50\frac{9}{10}$ D. $5\frac{9}{100}$

Bài 6. Số lớn nhất trong các số 9,675 ; 9,999 ; 10,01 ; 9,878 là :

A. 9,675 B. 9,999 C. 10,01 D. 9,878

Bài 7. Số bé nhất trong các số 3,254 ; 3,452 ; 3,542 ; 3,245 là :

A. 3,254 B. 3,452 C. 3,542 D. 3,245

Bài 8. Số thập phân thích hợp điền vào chỗ chấm là : $9m^2\ 8dm^2$ = ……m^2

A. $9,8m^2$ B. $90,8m^2$ C. $9,08m^2$ D. $9\frac{8}{100}m^2$

Bài 9. Có 15 can dầu như nhau đựng tất cả 120 lít dầu. Hỏi 26 can như thế đựng được bao nhiêu lít dầu?

A. 108 lít B. 208 lít C. 308 lít D. 408 lít

Bài 10. Cho biết: 15, 987 = 15 + 0,9 + …. + 0,007

Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 8 B. 0,8 C. 0,08 D.0,008

Bài 10. Viết số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm cho thích hợp

Viết số	Đọc số
a) 50,35	a)…….
b)…….	b) Không phẩy một trăm sáu mươi tám
c) $\frac{17}{7}$	c)……
d)……	d) Chín mươi chín phẩy không trăm linh chín.

Bài 11. Đúng ghi Đ, sai ghi ☐

a) 15km 27m > 15,27km ☐ b) 72 tấn 50kg < 72,5 tấn ☐

c) $21m^2\ 450cm^2 = 21,45m^2$ ☐ d) $3km^2\ 2000m^2 < 3,...m^2$ ☐

Bài 12. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 21m = ……..km b) 11kg = ……..tấn

c) 123,5 tạ = ……kg d) 2ha $22m^2$ = ……m^2

Bài 13. Đặt tính rồi tính

a) 35,88 + 19,36 b) 81,625 + 147, 307 c) 539,6 + 73,945

……

……

……

……

……

……

……

Bài 14. Có 3 thùng đựng dầu. Thùng thứ nhất có 10,5 l, thùng thứ hai có nhiều hơn thùng thứ nhất 3l, số lít dầu ở thùng thứ ba bằng trung bình cộng của số lít dầu trong hai thùng đầu. Hỏi cả ba thùng có bao nhiêu lít dầu?

……
……
……
……
……
……
……

Bài 15. Một tổ gồm 12 người đắp xong đoạn đường đó trong 7 ngày. Hỏi nếu tổ đó chỉ có 4 người thì đắp xong đoạn đường đó trong bao nhiêu ngày? Biết rằng sức lao động của mỗi người như nhau.

……
……
……
……
……
……
……

Bài 16. Tính bằng cách thuận tiện nhất

a) 13,45 + 7,98 + 8,55 b) 9,72 + 8,38 + 3,62 c) 7,29 + 9,11 + 0,89

……
……
……
……
……
……
……

Bài 17. Cửa hàng ngày đầu tiên bán được 7,5 tấn xi măng. Ngày thứ hai bán hơn ngày đầu là 1,25 tấn xi măng. Ngày thứ 3 bán nhiều hơn mức trung bình của cả ba ngày là 1,75 tấn xi măng. Hỏi ngày thứ ba cửa hàng đó bán được mấy tấn xi măng?

……
……
……
……
……
……
……

Bài 18. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi là 0,338km và có chiều rộng bằng $\frac{6}{7}$ chiều dài. Tính diện tích thửa ruộng ra mét vuông, ra héc - ta?

……
……
……
……
……
……
……

Bài 19. Thay mỗi chữ trong phép tính sau bởi chữ số thích hợp

$\overline{8a,ba} + \overline{c1,4d} = \overline{d4,1c}$

……
……
……
……
……
……

Bài 20. So sánh :

a) $\overline{a,87} + \overline{2,b2}$ và $\overline{a,b} + 2,86$

b) $\overline{a,bc} + 20,04 + 28,63$ và $3a,81 + 4,b5 + 13,9c$

……
……
……
……
……
……

Bài 21. Có một cây gỗ dài 8m. Một bác thợ mộc muốn cưa cây gỗ đó thành những khúc gỗ dài 16dm. Biết rằng, mỗi lần cưa hết 5 phút, cưa được một khúc gỗ thì bác ấy nghỉ ngơi thêm 3 phút nữa. Hỏi bác thợ mộc cưa xong cây gỗ hết thời gian bao nhiêu phút?

Trả lời:

Cây gỗ sẽ được cưa thành 5 khúc, như vậy có tất cả 4 lần cưa. Mỗi lần cưa hết 5 phút và bác nghỉ thêm 3 phút, như vậy tổng số thời gian 1 lần cưa là 8 phút. Vậy thời gian bác cưa hết cây gỗ là 8 x 4 = 32 (phút).'

……
……
……
……
……
……

Trong lời giải của bạn Duyên, phải trừ đi 3 phút lần nghỉ cuối cùng không tính, còn 32 - 3 = 29 phút.

ĐÁP ÁN

Bài 1. C. $\frac{9}{100}$

Bài 2. D. $\frac{9}{100}$

Bài 3. D. $\frac{7}{1000}$

Bài 4. C. 1,67

Bài 5. D. $5\frac{9}{100}$

Bài 6. C. 10,01

Bài 7. D. 3,245

Bài 8. C. 9,08m^2

Bài 9. B. 208 lít

Bài 10. C. 0,08

Bài 10.

Viết số	Đọc số
a) 50,35	a)Năm mươi phẩy ba mươi lăm
b)0,168	b) Không phẩy một trăm sáu mươi tám
c) $\frac{17}{7}$	c)Mười bảy phần bảy.
d)99,009	d) Chín mươi chín phẩy không trăm linh chín.

Bài 11.

a) 15km 27m > 15,27km S

b) 72 tấn 50kg < 72, 5 tấn S

c) 21m^2 450cm^2 = 21,45m^2 S

d) 3km^2 2000m^2 < 3,2km^2 Đ

Bài 12.

a) 21m = 0,021km

b) 11kg = 0,011tấn

c) 123,5 tạ = 12350kg

d) 2ha 22m^2 = 2,0022m^2

Bài 13.

$$\begin{array}{r} 35,88 \\ +\ 19,36 \\ \hline 55,24 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 81,625 \\ +\ 147,307 \\ \hline 228,932 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 539,6 \\ +\ 73,945 \\ \hline 613,545 \end{array}$$

Bài 14.

Bài giải

Số lít dầu ở thùng thứ hai là : 10,5 + 3 = 13,5(l)

Số lít dầu ở thùng thứ ba là : (10,5 + 13,5) : 2 = 12 (l)

Cả ba thùng có số lít dầu là :

10,5 + 13,5 + 12 = 36 (l)

Đáp số : 36 lít

Bài 15. Bài giải

Nếu 1 người đắp xong đoạn đường đó trong số ngày là :

7 x 12 = 84 (ngày)

Nếu 4 người đắp xong đoạn đường đó trong số ngày là :

84 : 4 = 21 (ngày)

Đáp số : 21 ngày

Bài 16.

a) 13,45 + 7,98 + 8,55 = (13,45 + 8,55) + 7,98

= 22 + 7,98

= 29,98

b) 9,72 + 8,38 + 3,62 = 9,72 + (8,38 + 3,62)

= 9,72 + 12

= 21,72

c) 7,29 + 9,11 + 0,89 = 7,29 + (9,11 + 0,89)

= 7,29 + 10

= 17,29

Bài 17.

Bài giải

Ngày thứ hai bán được số xi măng là :

7,5 + 1,25 = 8,75 (tấn)

Vì ngày thứ ba bán được nhiều hơn mức trung bình của cả ba ngày là 1,75 tấn xi măng nên ngày thứ ba phải bù cho hai ngày đầu 1,75 tấn để trung bình cộng của 3 ngày bằng trung bình cộng của hai ngày đầu.

Trung bình của cả ba ngày bán được là :

(7,5 + 8,75 + 1,75) : 2 = 8 (tấn)

Ngày thứ ba bán được số xi - măng là :

8 + 1,75 = 9,75 (tấn)

Đáp số : 9,75 tấn

Bài 18. Bài giải

Đổi 0,338km = 338m

Nửa chu vi thửa ruộng là : 338 : 2 = 169(m)

Chiều rộng của thửa ruộng là : 169 : (7 + 6) x 6 = 78 (m)

Chiều dài của thửa ruộng là : 169 - 78 = 91(m)

Diện tích thửa ruộn là: 91 x 78 = 7098(m^2)

Đổi 7098m^2 = 0,7098ha

Đáp số : 7098m^2 ; 0,7098ha

Bài 19.

Ta có : 8a,ba

+c1,4d

d4,1c

Ta thấy 8 + c + n = d mà d < 10 nên c + n < 2 nên c + n = 1 (n là số nhớ từ hàng đơn vị sang) vì c khác 0 nên c = 1 và n = 0

Với c = 1; n = 0 thì ta có 8 + c + n = 8 + 1 + 0 = 9 suy ra d = 9

Với d = 9 ; c = 1 ta có

$$\begin{array}{r} 8a,ba \\ +\ 11,49 \\ \hline 94,11 \end{array}$$

Ta có a + 9 có tận cùng là 1 suy ra a = 2 vậy 2+ 9 = 11

b + 4 + 1 hay b + 5 có tận cùng là 1 nên b = 6

Vậy a = 2 ; b = 6 ; c = 1 ; d = 9

Bài 20. So sánh :

a) $\overline{a,87} + \overline{2,b2}$ và $\overline{a,b} + 2,86$

Ta có $\overline{a,87} + \overline{2,b2} = a + 0,87 + 2 + 0,b + 0,02$

$= \overline{a,b} + 2,89$

Ta thấy 2,89 > 2,86 nên $\overline{a,b} + 2,89 > \overline{a,b} + 2,86$

Hay $\overline{a,87} + \overline{2,b2} > a,b + 2,86$

b) $a,bc + \overline{20,04} + \overline{28,63}$ và $\overline{3a,81} + \overline{4,b5} + \overline{13,9c}$

Bài 21. Có một cây gỗ dài 8m. Một bác thợ mộc muốn cưa cây gỗ đó thành những khúc gỗ dài 16dm. Biết rằng, mỗi lần cưa hết 5 phút, cưa được một khúc gỗ thì bác ấy nghỉ ngơi thêm 3 phút nữa. Hỏi bác thợ mộc cưa xong cây gỗ hết thời gian bao nhiêu phút?

Trả lời:

Cây gỗ sẽ được cưa thành 5 khúc, như vậy có tất cả 4 lần cưa. Mỗi lần cưa hết 5 phút và bác nghỉ thêm 3 phút, như vậy tổng số thời gian 1 lần cưa là 8 phút. Vậy thời gian bác cưa hết cây gỗ là 8 x 4 = 32 (phút).'

……
……
……
……
……
……
……
……

Trong lời giải của bạn Duyên, phải trừ đi 3 phút lần nghỉ cuối cùng không tính, còn 32 - 3 = 29 phút.

MỘT SỐ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán - Lớp 5

ĐỀ 1

PHIẾU KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I

Môn : Toán - Lớp 5

Thời gian làm bài : 40 phút

Họ và tên : .....Lớp : .....Trường Tiểu học .....

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM .

Câu 1.(1 điểm) Viết các số sau : **(**Mức 1**)**

a) Hai mươi bốn đơn vị, một phần mười, tám phần trăm :

.....

b) Bảy chục, hai đơn vị, năm phần mười, bốn phần trăm :

.....

Câu 2.(2 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng :

a) Phân số $\frac{1954}{100}$ viết thành số thập phân là : **(**Mức 1**)**

A. 1,954 B. 19,54 C. 195 4 D. 0,1954

b) Một cửa hàng trong ba ngày bán được 1 tấn đường. Ngày đầu bán được 300kg. Ngày thứ hai bán được gấp 2 lần ngày đầu. Hỏi ngày thứ ba cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam đường ? **(**Mức 1**)**

A. 100kg B. 200kg C. 300kg D. 400kg

Câu 3.(1 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ chấm : **(**Mức 2**)**

$56dm^2$ = ... m^2 $17dm^2$ $23cm^2$ = ... dm^2

Câu 4.(1 điểm) Điền kết quả vào chỗ chấm: **(**Mức 3**)**

Biết $\frac{2}{5}$ chiều dài một mảnh đất hình chữ nhật là 10m, chiều dài hơn chiều rộng 7m. Diện tích hình chữ nhật đó là :

Đáp số : .....

PHẦN II. TRÌNH BÀY BÀI GIẢI CÁC BÀI TOÁN SAU

Câu 5. (1 điểm) **Tính :** **(**Mức 1**)**

a) $\frac{6}{7} + \frac{5}{8}$ b) $\frac{4}{9} - \frac{1}{6}$ c) $\frac{3}{10} \times \frac{4}{5}$ d) $\frac{6}{5} : \frac{3}{7}$

.....

.....

.....

Câu 6. (1 điểm) Tính bằng cách thuận tiện nhất : **(**Mức 3**)**

a) $\frac{2}{9} + \frac{1}{5} + \frac{7}{9} + \frac{4}{5}$

b) $\frac{1}{12} + \frac{3}{16} + \frac{5}{12} + \frac{5}{16}$

Câu 7. (1 điểm) **Tìm x .** **(**Mức 4**)**

a) $x + \frac{1}{5} = \frac{1}{2} - \frac{1}{5}$

b) $x : \frac{1}{7} = 14$

Câu 8. (2 điểm) **(**Mức 2**)**

Một đội trồng rừng trung bình cứ 3 ngày trồng được 1200 cây thông. Hỏi trong 12 ngày đội đó trồng được bao nhiêu cây thông ?

ĐỀ 2 - KIỂM TRA GIỮA KÌ 1
PHIẾU KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA KÌ 1
Môn : Toán Lớp 5
Thời gian làm bài: 40 phút

Họ và tên: .....Lớp: .....Trường Tiểu học .....

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM.
Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng :

Câu 1. (1điểm) (Mức 1)

a) Trong các phân số $\frac{5}{4};\frac{5}{5};\frac{4}{5};\frac{4}{7}$, phân số lớn hơn 1 là:

A. $\frac{5}{4}$ B. $\frac{5}{5}$ C. $\frac{4}{5}$ D. $\frac{4}{7}$

b) Phân số $\frac{1}{2}$ bằng phân số nào dưới đây :

A. $\frac{2}{5}$ B. $\frac{5}{10}$ C. $\frac{3}{8}$ D. $\frac{9}{27}$

Câu 2.(1 điểm) (Mức1)

Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm

a) 6 dm = ……m b) 1 phút = …… giờ

c) 7 g = ……...kg a) 12 phút = ……giờ

Câu 3. (1 điểm): Phân số nào dưới đây là phân số thập phân ? **(Mức 1)**

A. $\frac{22}{7}$ B. $\frac{15}{40}$ C. $\frac{100}{34}$ D. $\frac{107}{1000}$

Câu 4. (1 điểm) (Mức 2)

Một tấm bìa hình chữ nhật có chiều dài $\frac{1}{2}$ m, chiều rộng $\frac{1}{3}$ m. Chia tấm bìa đó thành 3 phần bằng nhau. Diện tích của mỗi phần tấm bìa là:

.

A. $\frac{1}{6}$ m^2 B. $\frac{1}{18}$ m^2 C. $\frac{1}{3}$ m^2 D. $\frac{1}{2}$ m^2

Câu 5. (1 điểm) (Mức 3)

Hiệu của hai số là 738, biết nếu giảm số lớn đi 10 lần thì được số bé. Tìm số bé

A. 82 B. 820 C.728 D. 28

PHẦN II. TRÌNH BÀY BÀI GIẢI CÁC BÀI TOÁN SAU:

Câu 6: (1điểm) : Viết số vào chỗ trống

	Số thập phân gồm	**Viết số**
a	không đơn vị, chín phần mười.	
b	Một trăm hai mươi bốn đơn vị, một phần mười, năm phần trăm	
c	Ba đơn vị, mười một phần nghìn	
d	Không đơn vị, ba trăm linh bốn phần nghìn	

Câu 7. (1điểm)Tìm x.

a) $x \times \frac{4}{5} = 2\frac{1}{2}$ b) $x : \frac{3}{2} = \frac{11}{4} - \frac{5}{2}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Tính

a) $\frac{1}{2}+\frac{1}{3}+\frac{1}{4}$ b) $\frac{13}{12}-\left(\frac{1}{2}+\frac{1}{3}\right)$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9. (1điểm)

Một lớp học có 28 học sinh, trong đó số học sinh nam bằng $\frac{3}{4}$ số học sinh nữ. Hỏi lớp học đó có bao nhiêu học sinh nữ, bao nhiêu học sinh nam?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.Câu 10. Mẹ có 56 quả táo, mẹ cho Hồng $\frac{2}{8}$ số táo, sau đó cho Lan $\frac{3}{7}$ số táo còn lại. Hỏi Hồng, Lan mỗi bạn nhận được bao nhiêu quả táo?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 3

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. *(1 điểm)* Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng: *(Bài 2- tr 38- Toán 5)*

Số thập phân gồm 5 đơn vị, 7 phần mười, 6 phần nghìn là:

A. 0,576 B. 5,706 C. 5,670 D. 5,760

Câu 2. (Bài 1, Tr 19) **Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng :**

Mua 6m vải hết 96 000 đồng. Hỏi mua 8m vải cùng loại đó hết bao nhiêu tiền ?

A. 16 000 đồng B. 104 000 đồng C. 128 000 đồng D. 1 112 000 đồng

Câu 3. (Bài 1, Tr 38) Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng :

Chữ số 3 trong số thập phân 48,325 có giá trị là :

A. $\frac{3}{10}$ B. $\frac{3}{100}$ C. 3 D. 30

Câu 4. (Bài 1a,b, Tr 45, 47) **Nối hai đơn vị đo có cùng giá trị :**

1tấn 368kg	$0,56m^2$
5tấn 32kg	1,368tấn
$56dm^2$	$67,46dm^2$
$67dm^2$ $46cm^2$	5,32tấn
	5,032tấn

Phần II. Trình bày bài giải các bài toán sau

Câu 5.Tính. *(Bài 2-tr 16 - Toán 5)* *M2*

a) $x - \frac{1}{3} = \frac{3}{5}$ b) $\frac{1}{4} + x = \frac{4}{7}$

……
……
……
……
……

Câu 7. *(2 điểm)* Một trường tổ chức cho học sinh đi tham quan di tích lịch sử. Đợt thứ nhất cần có 4 xe ô tô để chở 160 học sinh. Hỏi đợt thứ hai muốn chở 200 học sinh đi tham quan thì cần dùng mấy xe ô tô như thế? *(Bài 3 – tr 20 - Toán 5)* *M3*

ĐỀ 4

PHIẾU KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán - Lớp 5

Thời gian làm bài 40 phút

Họ và tên: ……Lớp:…..... Trường: …….....

PHẦN I. Trắc nghiệm

Câu 1. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Chữ số 8 trong số thập phân 456,82 có giá trị là:

A. $\frac{8}{10}$ B. $\frac{8}{100}$ C. $\frac{8}{1000}$ D. 8

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 45 km 123m = …… ……. m

b) 45 cm^2 = …… …….. dm^2

Câu 3. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Một tấm bìa hình chữ nhật có chiều dài $\frac{1}{2}$m, chiều rộng $\frac{1}{3}$m. Chia tấm bìa đó thành 3 phần bằng nhau. Diện tích của mỗi phần là :

A. $\frac{1}{18}m^2$ B. $\frac{1}{6}m^2$ C. $\frac{1}{2}m^2$ D. $\frac{5}{6}m^2$

Câu 4. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Kết quả của phép tính 4 x $\frac{3}{8}$ là:

A. $\frac{1}{8}$ B. $\frac{1}{2}$ C. $\frac{3}{2}$ D. 8

Câu 5. Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé :

0,32 ; 0,197 ; 0,4 ; 0,321 ; 0,187 là:

……
……
……
……

PHẦN II. Trình bày bài giải các bài toán sau

Câu 6. Tính :

a) 12 + $\frac{2}{5}$ b) 9 – $\frac{5}{7}$ c) $\frac{3}{10}$ x $\frac{4}{9}$ d) $\frac{6}{5}$: $\frac{3}{7}$

……

……
……
……
……
……
……

Câu 7. Người ta dùng gỗ để lát sàn một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài 8m, chiều rộng kém chiều dài 2m. Hỏi phải tốn bao nhiêu tiền mua gỗ để lát sàn cả căn phòng đó, biết giá tiền $1m^2$ gỗ sàn là 280 000 đồng?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 8. Người ta hòa $\frac{1}{2}$ lít nước si- rô vào $\frac{7}{4}$ lít nước lọc để pha nho. Rót đều nước nho đó vào các cốc chứa $\frac{1}{4}$ lít. Hỏi rót được mấy cốc nước nho?

……
……
……
……

……
……
……
……
……
……
……

Câu 9

Tìm số tự nhiên x, biết: $72,79 < x < 73,01$

……
……
……
……
……
……
……
……
……

ĐỀ 5 - KIỂM TRA GIỮA KÌ 1

Điểm

PHIẾU KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán - Lớp 5

Thời gian làm bài 40 phút

Họ và tên: ……Lớp:…..... Trường: ……

PHẦN I. Trắc nghiệm

Câu 1. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Hỗn số $2\frac{1}{3}$ được chuyển thành phân số là:

A. $\frac{4}{3}$ B. $\frac{5}{3}$ C. $\frac{6}{3}$

D. $\frac{7}{3}$

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 9 tấn 325kg = …… ……. tấn b) 300kg = …… …….. tấn

Câu 3. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Một hộp có $\frac{1}{2}$ số bóng màu đỏ, $\frac{1}{3}$ số bóng màu xanh, còn lại là bóng màu vàng. Phân số chỉ số bóng màu vàng là:

A. $\frac{1}{6}$ B. $\frac{2}{5}$ C. $\frac{5}{6}$ D. $\frac{1}{2}$

Câu 4. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Biết $\frac{3}{10}$ quãng đường AB dài 12km. Hỏi quãng đường AB dài bao nhiêu ki-lô-mét?

A. 30km B. 40 km C. 45km D. 50km

Câu 5. Đúng điền Đ, sai điền S vào ô trống :

Số lớn nhất trong các số **0,32 ; 0,197 ; 0,4 ; 0,321.**

a) 0,32 ☐ b) 0,4 ☐

c) 0,197 ☐ d) 0,321 ☐

PHẦN II. Trình bày bài giải các bài toán sau

Câu 6. Tính.

a) $x \times \frac{2}{7} = \frac{6}{11}$ b) $x : \frac{3}{2} = \frac{1}{4}$ c) $x \times \frac{2}{5} = \frac{4}{7} : \frac{3}{2}$

……

……

……
……
……
……
……
……

Câu 7. Để lát nền một căn phòng hình chữ nhật, người ta dùng loại gạch men hình vuông có cạnh 20cm. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch để lát kín nền căn phòng đó, biết rằng căn phòng đó có chiều rộng 7m và chiều dài 8m? (Diện tích phần mạch vữa không đáng kể)

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 8 . Tính bằng cách thuận tiện.

a) $\frac{12}{7}+\frac{19}{7}+\frac{8}{17}=$ b) $\frac{2}{5}+\frac{7}{12}+\frac{13}{12}=$ **c)** $\frac{1}{2}+\frac{1}{6}+\frac{1}{12}+\frac{1}{20}+\frac{1}{30}+\frac{1}{42}$

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

……
Câu 9

Tìm chữ số a, biết: 9,8a8 < 9,818

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

ĐỀ 6

PHIẾU KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Toán - Lớp 5

Thời gian làm bài 40 phút

Họ và tên: ……Lớp:…..... Trường: ……

PHẦN I. Trăc nghiệm

Câu 1. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Chữ số 2 trong số 1002,04 có giá trị là:

A. $\frac{2}{10}$ B. $\frac{2}{100}$ C. 2 D. 200

Câu 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a) 14 tấn 14kg = 14014 kg ☐ b) 2 tấn 6kg = 26 kg ☐

Câu 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Năm mươi lăm đơn vị, năm phần mười, năm phần trăm: ……

b) Không đơn vị, chín phần trăm: .....

Câu 4. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Năm nay tuổi bố gấp 6 lần tuổi con. Tính tuổi của bố, biết bố hơn con 30 tuổi ?

Đáp số: .....

Câu 5. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

10 người làm xong một công việc phải hết 7 ngày. Nay muốn làm xong công việc đó trong 5 ngày thì cần bao nhiêu người? (sức làm của mỗi người như nhau)

A. 14người B. 20người C. 50người D. 70người

PHẦN II. Trình bày bài giải các bài toán sau

Câu 6. Tính.

a) $2\frac{2}{3} \times 5\frac{1}{4}$ b) $3\frac{1}{2} : 2\frac{1}{4}$

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……
……

Câu 7

Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 60m, chiều rộng bằng một nửa chiều dài.

a) Tính diện tích thửa ruộng đó?

b) Biết rằng cứ $100m^2$ thu hoạch được 50kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 8. *(1 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện

$$\frac{36\times 45}{6\times 5}$$

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

ĐỀ 7

PHIẾU KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
Môn: Toán - Lớp 5
Thời gian làm bài 40 phút

Họ và tên: ……Lớp:…..... Trường: …….....

PHẦN I. Trắc nghiệm

Câu 1. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Phân số nào dưới đây là phân số thập phân?

A. $\frac{3}{7}$ B. $\frac{17}{1000}$ C. $\frac{69}{2000}$ D. $\frac{100}{34}$

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 9 tấn 325kg = …… ……. tấn b) 300kg = …… ……... tấn

Câu 3. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Một hộp có $\frac{1}{2}$ số bóng màu đỏ, $\frac{1}{3}$ số bóng màu xanh, còn lại là bóng màu vàng. Phân số chỉ số bóng màu vàng là:

A. $\frac{1}{6}$ B. $\frac{2}{5}$ C. $\frac{5}{6}$ D. $\frac{1}{2}$

Câu 4. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

10 người làm xong một công việc phải hết 7 ngày. Nay muốn làm xong công việc đó trong 5 ngày thì cần bao nhiêu người? (sức làm của mỗi người như nhau)

A. 14người B. 20người C. 50người D. 70người

Câu 5. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

Tính chu vi một mảnh đất hình chữ nhật, biết chiều dài gấp 2 lần chiều rộng và hơn chiều rộng 10 m.

Đáp số: ……

PHẦN II. Trình bày bài giải các bài toán sau

Câu 6. Tính.

a) $\frac{6}{7} + \frac{5}{8}$ b) $\frac{3}{5} - \frac{3}{8}$ c) $\frac{4}{3} \times \frac{3}{5}$ d) $\frac{6}{5} : \frac{3}{7}$

……
……
……
……
……
……

Câu 7. Để lát nền một căn phòng, người ta đã dùng vừa hết 180 viên gạch hình vuông có cạnh 20cm. Hỏi căn phòng đó có diện tích bao nhiêu mét vuông, biết diện tích phần mạch vữa không đáng kể?

……
……

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 8.

Tìm số tự nhiên x, biết: $1,9 < x < 2,5$

……
……
……
……
……
……
……
……
……

ĐỀ 8

PHIẾU KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA KỲ I

Môn : Toán Lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

Họ và tên: ..... Lớp: .....Trường Tiểu học .....

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng :

Câu 1.

a) Trong các phân số $\frac{6}{6};\frac{5}{6};\frac{8}{6};\frac{10}{12}$, phân số lớn hơn 1 là:

A. $\frac{8}{6}$ B. $\frac{10}{12}$ C. $\frac{5}{6}$ D. $\frac{6}{6}$

b) Phân số $\frac{2}{3}$ bằng phân số nào dưới đây :

A. $\frac{4}{3}$ B. $\frac{6}{9}$ C. $\frac{4}{9}$ D. $\frac{9}{27}$

Câu 2.

Viết số thích hợp vào chỗ chấm

a) $3cm^2$ = ……mm^2 b) 2 hm^2 = ……..m^2

c) 11 km^2 = ……..hm^2 c, 800 mm^2 = ……cm^2

Câu 3: Phân số nào dưới đây là phân số thập phân

A. $\frac{25}{20}$ B. $\frac{13}{20}$ C. $\frac{100}{34}$ D. $\frac{43}{100}$

Câu 4.

Một tấm bìa hình chữ nhật có chiều dài $\frac{6}{7}$ m, chiều rộng $\frac{2}{3}$ m. Chia tấm bìa đó thành 2 phần bằng nhau. Diện tích của mỗi phần tấm bìa là:

A. $\frac{21}{32}m^2$ B. $\frac{2}{7}$ m^2 C. $\frac{2}{7}$ dm^2 D. $\frac{32}{21}m^2$

Câu 5. Hiệu của hai số là 612, biết nếu thêm một chữ số 0 vào bên phải số bé được số lớn. Số bé là.....:

PHẦN II. TRÌNH BÀY BÀI GIẢI CÁC BÀI TOÁN SAU:

Câu 6. Tìm x.

a) $x + \frac{1}{4} = 1\frac{2}{3}$ b) $x - 1\frac{2}{5} = \frac{11}{4}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....

Câu 7. Tính bằng cách thuận tiện

a) $\frac{4}{13} \times \frac{2}{3} \times \frac{13}{4} \times \frac{3}{2}$

b) $\frac{19}{13} + \frac{14}{6} + \frac{1}{9} + \frac{4}{6} + \frac{7}{13} + \frac{17}{9}$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 8. Để lát nền một căn phòng, người ta dùng vừa hết 150 viên gạch hình vuông có cạnh 40 cm.

Hỏi căn phòng đó có diện tích bao nhiêu mét vuông, biết diện tích phần mạch vữa không đáng kể?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 9. Một người thợ làm trong 2 ngày mỗi ngày làm 8 giờ thì làm được 112 sản phẩm . Hỏi người thợ đó làm trong 3 ngày mỗi ngày làm 9 giờ thì được bao nhiêu sản phẩm cùng loại ?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 10. Cho 2 số tự nhiên $\overline{ab}$ và $\overline{7ab}$. Biết trung bình cộng của chúng là 428. Tìm mỗi số.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.

ĐỀ 9

PHIẾU KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA KỲ I

Họ và tên :.....Lớp:……..Trường Tiểu học ……

I.TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Viết 3 số tiếp theo vào các dãy sau:

a, 28,88 ; 28,89; 28,90.....;.....;.....;

b, 5,60 ; 5,61; 5,62, ...;.....;.....

Câu 2. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Phân số $\frac{4}{5}$ viết thành số thập phân là:

A. 4,5 B. 0,8 C. 0,45 D. 0,08

Câu 3. Điền dấu < ; > ; = thích hợp vào chỗ chấm (…)

96,2 … 96,19 64,5 … 64,500

$3\frac{1}{5}-\frac{8}{3}$ … $\frac{17}{5}-2\frac{12}{15}$ 8km 247m …..8,347km

Câu 4. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

8km 50m=..... m $704m^2$ = ……..... ha

$3cm^2$ 59 mm^2 = ... cm^2 1154,9 kg = ... tạ

Câu 5. Một mảnh vườn hình chữ nhật có nửa chu vi là 85m, chiều dài bằng $\frac{3}{2}$ chiều rộng. Diện tích mảnh vườn là .....

PHẦN II. TRÌNH BÀY BÀI GIẢI CÁC BÀI TOÁN SAU:

Câu 6. Tính giá trị biểu thức:

a) $5\frac{3}{5} - 3\frac{1}{3} + 2\frac{1}{2}$; b) $4\frac{2}{5} \times \frac{5}{11} : 1\frac{1}{3}$;

……

……

……

……

……

……

……

……

……

Câu 7. Tìm *x*: a) $x + \frac{2}{5} = \frac{1}{2}$ b) $\frac{15}{26} + \frac{x}{13} = \frac{46}{52}$

……

……

……

……

……

……

……

……

……

Câu 8. Tìm hai số biết hiệu của chúng là $\frac{3}{15}$ và tỉ số của hai số đó là $\frac{4}{7}$

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 9. Một quầy hàng lương thực nhập về một số gạo. Buổi sáng quầy hàng bán được $\frac{1}{3}$ số gạo và 20kg. Buổi chiều quầy hàng bán được $\frac{2}{3}$ số gạo còn lại và 10kg nữa thì còn lại 2 tạ 50kg. Hỏi của hàng đã nhập về bao nhiêu ki - lô - gam ?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 10. Tính nhanh

a) $\frac{12\times 36}{6\times 4}$

b) $\frac{2012+2013\times 2014}{2015\times 2014-2016}$

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I.

ĐỀ 1

PHẦN I: Trắc nghiệm (5 điểm)

Câu 1. (1 điểm) Điền đúng mỗi phần a) 24,18 b) 72,54 .	*0,5 điểm*
Câu 2. (2 điểm) a) ý B b) A	*1,0 điểm*
Câu 3. (1 điểm) Điền đúng mỗi phần $56dm^2 = 0,56\ m^2$ $17dm^2\ 23cm^2 = 17,23\ dm^2$	*0,5 điểm*
Câu 4. (1 điểm) Điền $450m^2$	*1,0 điểm*

PHẦN II. TRÌNH BÀY BÀI GIẢI CÁC BÀI TOÁN SAU

Câu 5. (1 điểm)

a) $\frac{6}{7} + \frac{5}{8} = \frac{48}{56} + \frac{35}{56}$

$= \frac{83}{56}$

b) $\frac{4}{9} - \frac{1}{6} = \frac{16}{36} - \frac{6}{36}$

$= \frac{10}{36} = \frac{5}{18}$

c) $\frac{3}{10} \times \frac{4}{5} = \frac{3\times4}{10\times5}$

$= \frac{12}{50} = \frac{6}{25}$

d) $\frac{6}{5} : \frac{3}{7} = \frac{6}{5} \times \frac{7}{3}$

$= \frac{6\times7}{5\times3} = \frac{14}{5}$

Câu 6.

a) $\frac{2}{9} + \frac{1}{5} + \frac{7}{9} + \frac{4}{5}$

$= \left(\frac{1}{5} + \frac{4}{5}\right) + \left(\frac{2}{9} + \frac{7}{9}\right) = 1 + 1 = 2$

b) $\frac{1}{12} + \frac{3}{16} + \frac{5}{12} + \frac{5}{16}$

$= \left(\frac{1}{12} + \frac{5}{12}\right) + \left(\frac{3}{16} + \frac{5}{16}\right)$

$= \frac{6}{12} + \frac{8}{16} = \frac{1}{2} + \frac{1}{2} = 1$

Câu 7

a) $x + \frac{1}{5} = \frac{1}{2} - \frac{1}{5}$

$x + \frac{1}{5} = \frac{3}{10}$

$x = \frac{3}{10} - \frac{1}{5}$

$x = \frac{1}{10}$

b) $x : \frac{1}{7} = 14$

$x = 14 \times \frac{1}{7}$

$x = 2$

Câu 8. (2 điểm)

Một người làm trong một ngày được trả số tiền công là: *0.25 điểm*

72 000 : 2 = 36 000 (đồng) *0,5 điểm*

Với mức trả công như thế, nếu làm trong 5 ngày được trả số tiền công là: *0,25 điểm*

36 000 x 5 = 180 000 (đồng) *0,5 điểm*

Đáp số: 180 000 đồng *0,5 điểm*

ĐỀ 2

PHẦN I : Trắc nghiệm

Câu 1: Phần a) Khoanh vào **A** Phần b) Khoanh vào **B**

Câu 3 : Khoanh vào **D** **Câu 4** : Khoanh vào **B**

Câu 5 : Khoanh vào **A**

PHẦN I : Tự luận

Câu 6: : Viết số vào chỗ trống

	Số thập phân gồm	**Viết số**
a	không đơn vị, chín phần mười.	0,9
b	Một trăm hai mươi bốn đơn vị, một phần mười, năm phần trăm	124,15
c	Ba đơn vị, mười một phần nghìn	3,001
d	Không đơn vị, ba trăm linh bốn phần nghìn	0,304

Câu 7.

a) $x \times \frac{4}{5} = 2\frac{1}{2}$

$x \times \frac{4}{5} = \frac{3}{2}$

$x = \frac{3}{2} : \frac{4}{5}$

$x = \frac{15}{8}$

b) $x : \frac{3}{2}$ $\frac{11}{4}$ - $\frac{5}{2}$

$x : \frac{3}{2} = \frac{1}{4}$

$x = \frac{1}{4}$ x $\frac{3}{2}$

$x = \frac{3}{8}$

Câu 8. Tính

a) $\frac{1}{2}+\frac{1}{3}+\frac{1}{4} = \frac{6}{12}+\frac{4}{12}+\frac{3}{12}$

$= \left(\frac{6}{12}+\frac{4}{12}\right)+\frac{3}{12} = \frac{10}{12} + \frac{3}{12} = \frac{13}{12}$

b) $\frac{13}{12}-\left(\frac{1}{2}+\frac{1}{3}\right) = \frac{3}{12}$ - $\frac{1}{6}$ = $\frac{3}{12}$ - $\frac{2}{12}$ = $\frac{1}{12}$

Câu 9

Bài giải

Coi số học sinh nam là 3 phần thì số học sinh nữ là 4 phần như thế.

Tổng số phần bằng nhau là:

3 + 4 = 7 (phần)

Số học sinh nam của lớp đó là ::

28:7 x 3 = 12 (học sinh)

Số học sinh nữ là :

28 – 12 =16 (học sinh)

Đáp số :

Nam: 12 học sinh.

Nữ : 16 học sinh.

(Lưu ý HS có thể vẽ sơ đồ cho bài toán)

Câu 10.

Bài giải

Mẹ cho Hồng số táo là

56 x 2 : 8 = 14(quả)

Số táo còn lại sau khi cho Hồng là

56 - 14 = 42 (quả)
Số táo của mẹ cho Lan là
42 x 3 : 7 = 18 (quả)
Đáp số : Hồng : 14 quả
Lan : 18 quả táo.

ĐỀ 3

Câu 1 (1 điểm). Khoanh vào B
Câu 2 (1 điểm).Khoanh vào C .
Câu 3 (1 điểm). Khoanh vào A.
Câu 4 .

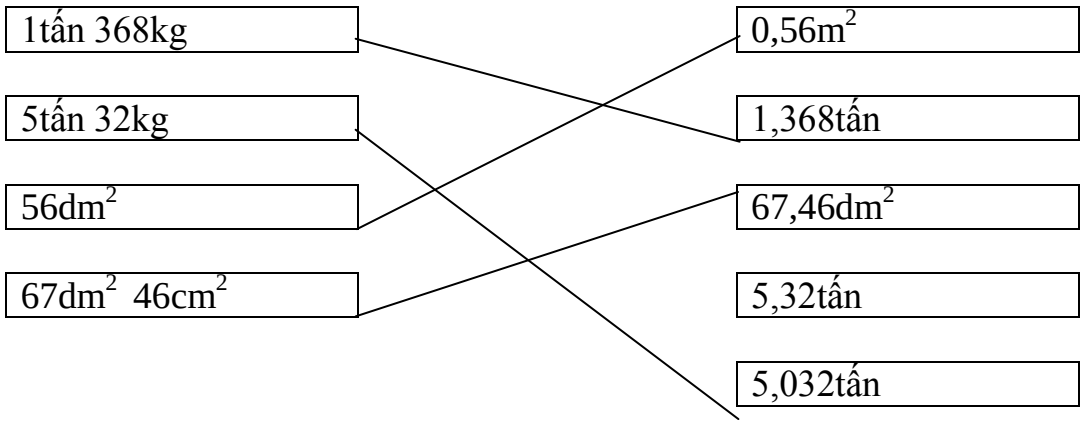

Phần II. Trình bày bài giải các bài toán sau
Câu 5.Tính.

a) $x - \frac{1}{3} = \frac{3}{5}$

$x = \frac{3}{5} + \frac{1}{3}$

$x = \frac{14}{15}$

b) $\frac{1}{4} + x = \frac{4}{7}$

$x = \frac{4}{7} - \frac{1}{4}$

$x = \frac{9}{28}$

Câu 6.

Bài giải
Mỗi xe ô tô chở được số học sinh là :
160 : 4 = 40 (học sinh)
Để chở 200 học sinh cần số xe ô tô là :
200 : 40 = 5 (xe)
Đáp số : 5 xe

Câu 7

Số phần quãng đường của ngày thứ hai làm được so với ngày thứ nhất là:

$\frac{3}{4} x \frac{2}{7} = \frac{3}{14}$ (quãng đường)

Sau hai ngày đã sửa được số phần quãng đường là :

$\frac{2}{7} + \frac{3}{14} = \frac{1}{2}$ (Quãng đường)

Sau hai ngày số phân quãng đường chưa làm chiếm số phần quãng đường là :

$1 - \frac{1}{2} = \frac{1}{2}$ (quãng đường)

Đáp số : $\frac{1}{3}$ quãng đường

Câu 8.

Đặt $A = \frac{1}{2} + \frac{1}{4} + \frac{1}{8} + \frac{1}{16} + \frac{1}{32} + \frac{1}{64}$

Ta thấy: $\frac{1}{2} = 1 - \frac{1}{2}$

$\frac{1}{4} = \frac{1}{2} - \frac{1}{4}$

$\frac{1}{8} = \frac{1}{4} - \frac{1}{8}$

Vậy $A = \left(1 - \frac{1}{2}\right) + \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{4}\right) + \left(\frac{1}{4} - \frac{1}{8}\right) + ... + \left(\frac{1}{32} - \frac{1}{64}\right)$

$A = 1 - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{4} + \frac{1}{4} - \frac{1}{8} + ... + \frac{1}{32} - \frac{1}{64}$

$A = 1 - \frac{1}{64}$

$A = \frac{64}{64} - \frac{1}{64} = \frac{63}{64}$

ĐỀ 4

PHẦN I.

Câu 1. Ý A

Câu 2.

Câu 3. Ý A

Câu 4. Ý C

Câu 5. Sắp xếp thứ tự đúng cho 1 điểm.: 0,4 ; 0,321 ; 0,32 ; 0,197 ; 0,187

PHẦN II.

Câu 6.

a) $12 + \frac{2}{5} = \frac{60}{5} + \frac{2}{5} = \frac{62}{5}$

b) $9 - \frac{5}{7} = \frac{45}{7} - \frac{5}{7} = \frac{40}{7}$

c) $\frac{3}{10} \times \frac{4}{9} = \frac{3 \times 4}{10 \times 9} = \frac{12}{90} = \frac{2}{15}$

d) $\frac{6}{5} : \frac{3}{7} = \frac{6}{5} \times \frac{7}{3} = \frac{6 \times 7}{5 \times 3} = \frac{42}{15} = \frac{21}{5}$

Câu 7. (2 điểm)

Chiều rộng của căn phòng là:

8 - 2 = 6 (m)

Diện tích của căn phòng là:

8 x 6 = 48 (m^2)

Số tiền mua gỗ để lát sàn cả căn phòng đó là:

280 000 x 48 = 13 440 000 (đồng)

Đáp số: 13 440 000 đồng

.

Câu 8.

Bài giải

Tổng số lít si -rô và nước lọc là

$\frac{1}{2} + \frac{7}{4} = \frac{9}{4}$ (l)

Số cốc nước nho là :

$\frac{9}{4} : \frac{1}{4} = 9$ (chai)

Đáp số : 9 chai

Câu 9. (1 điểm) Tìm đúng giá trị của *x* cho 1 điểm.

Ta có : 72,79 < 73 < 73,01

Vậy x = 73

ĐỀ 5

Câu 1. Ý C

Câu 2. 9 tấn 325kg = 9,325 tấn b) 300kg = 0,3tấn

Câu 3. Ý A

Câu 4. Ý B

Câu 5. :

a) 0,32 S b) 0,4 Đ

c) 0,197 S d) 0,321 S

Câu 6

a) $x \times \frac{2}{7} = \frac{6}{11}$

$x = \frac{6}{11} - \frac{2}{7}$

$x = \frac{20}{77}$

b) $x : \frac{3}{2} = \frac{1}{4}$

$x = \frac{1}{4} \times \frac{3}{2}$

$x = \frac{3}{8}$

c) $x \times \frac{2}{5} = \frac{4}{7} : \frac{3}{2}$

$x \times \frac{2}{5} = \frac{8}{21}$

$x = \frac{8}{21} : \frac{2}{5}$

$x = \frac{40}{24}$

Câu 7.

Diện tích của căn phòng là:

7 x 8 = 56 (m^2) = 560 000 cm^2

Diện tích của một viên gạch men là:

20 x 20 = 400 (cm^2)

Cần số viên gạch để lát kín nền căn phòng đó là:

560 000 : 400 = 1400 (viên)

Đáp số: 1400 viên gạch men

Câu 8 . Tính bằng cách thuận tiện.

a) $\frac{12}{7} + \frac{19}{7} + \frac{8}{17} = (\frac{12}{7} + \frac{8}{7}) + \frac{19}{7}$

$= \frac{20}{7} + \frac{19}{7}$

$= \frac{39}{7}$

b) $\frac{2}{5} + \frac{7}{12} + \frac{13}{12} = \frac{2}{5} + (\frac{7}{12} + \frac{13}{12})$

$= \frac{2}{5} + \frac{20}{12}$

$= \frac{2}{5} + \frac{5}{3} = \frac{31}{15}$

c) $\frac{1}{2} + \frac{1}{6} + \frac{1}{12} + \frac{1}{20} + \frac{1}{30} + \frac{1}{42} = \frac{1}{1\times2} + \frac{1}{2\times3} + \frac{1}{3\times4} + \frac{1}{4\times5} + \frac{1}{5\times6} + \frac{1}{6\times7}$

$= 1-\frac{1}{2}+\frac{1}{2}-\frac{1}{3}+\frac{1}{3}-\frac{1}{4}+\frac{1}{4}-\frac{1}{5}+\frac{1}{5}-\frac{1}{6}+\frac{1}{6}-\frac{1}{7}$

$= 1- \frac{1}{7} = \frac{6}{7}$

Câu 8.

9,8a8 < 9,818

Ta có 9,808 < 9,1818 nên a = 0

ĐỀ 6

PHẦN I.

Câu 1. C

Câu 5. A

PHẦN II.

Câu 7.

Chiều rộng của thửa ruộng đó là:

60 : 2 = 30 (m)

Diện tích của thửa ruộng đó là:

60 x 30 = 1800 (m^2)

Trên cả thửa ruộng đó người ta thu hoạch được số thóc là:

50 x (1 800 : 100) = 900 (kg)

Đổi 900kg = 9 tạ

Đáp số: 9 tạ thóc.

Câu 8. (1 điểm)

$\frac{36\times45}{6\times5} = \frac{6\times6\times9\times5}{6\times5} = 54$

ĐỀ 7

PHẦN I.

Câu 1. Ý B **Câu 3.** Ý A **Câu 4.**Ý A **Câu 5.** 60m

PHẦN II.

Câu 7.

Diện tích của một viên gạch hình vuông là:

20 x 20 = 400 (cm^2)

Diện tích của căn phòng đó là:

400 x 150 = 60 000 (cm^2)

Đổi: 60 000cm^2 = 6m^2

Đáp số: 6m^2.

Câu 8. X = 2

ĐỀ 8

PHẦN I : Trắc nghiệm

Câu 1: Phần a) Khoanh vào **A** Phần b) Khoanh vào **B**

Câu 2 : a) 3cm^2 = 0,03 mm^2 b) 2 hm^2 = 20 000m^2

c) 11 km^2 = 0,11hm^2 c, 800 mm^2 = 8cm^2

Câu 3: Khoanh vào **D** **Câu 4**: Khoanh vào **B** **Câu 5**: Số bé là 68.

PHẦN I : Tự luận (5 điểm).

Câu 6. Tìm x.

a) $x + \frac{1}{4} = 1\frac{2}{3}$

$x + \frac{1}{4} = \frac{7}{3}$

$x = \frac{7}{3} - \frac{1}{4}$

$x = \frac{25}{12}$

b) $x - 1\frac{2}{5} = \frac{11}{4}$

$x - \frac{8}{5} = \frac{11}{4}$

$x = \frac{11}{4} + \frac{8}{5}$

$x = \frac{87}{20}$

Câu 7

a) $\frac{4}{13} \times \frac{2}{3} \times \frac{13}{4} \times \frac{3}{2} = (\frac{4}{13} \times \frac{13}{4}) \times (\frac{2}{3} \times \frac{3}{2})$

$= 1 \times 1$

$= 1$

b) $\frac{19}{13} + \frac{14}{6} + \frac{1}{9} + \frac{4}{6} + \frac{7}{13} + \frac{17}{9}$

$= (\frac{19}{13} + \frac{7}{13}) + (\frac{14}{6} + \frac{4}{6}) + (\frac{1}{9} + \frac{17}{9})$

$= \frac{26}{13} + \frac{18}{6} + \frac{18}{9}$

$= 2 + 3 + 2$

$= 7$

Câu 8

Diện tích một viên gạch là

$40 \times 40 = 1600$ (cm^2)

Diện tích nền căn phòng là :

$1600 \times 150 = 240000$ (cm^2)

Đổi 240000 cm^2 = 24 m^2

Đáp số : 24 m^2

Câu 9

Mỗi giờ người thợ đó làm được số sản phẩm là:

$112 : (8 \times 2) = 7$ (sản phẩm)

Trong ba ngày người thợ đó làm tất cả số giờ là :

$9 \times 3 = 27$ (giờ).

Trong ba ngày người thợ đó được tất cả số sản phẩm là :

$7 \times 27 = 189$ (sản phẩm)

Đáp số : 189 sản phẩm .

Câu 10

Tổng của hai số là: $428 \times 2 = 856$

Ta có: $\overline{ab} + \overline{7ab} = 856$

$\overline{ab} + 700 + \overline{ab} = 856$

$\overline{ab} \times 2 = 856 - 700$

$\overline{ab} \times 2 = 156$

$\overline{ab} = 156 : 2$

$\overline{ab} = 78$

Vậy hai số đó là: 78 và 778.

(HS có thể giải bằng cách khác: Tổng – Hiệu;…)

ĐỀ 9

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1:

a) viết được các số: 28,91; 28,92; 28,93

b) viết được các số: 5,63; 5,64; 5,65

Câu 2: Khoanh B

Câu 3.

96,2 > 96,19 64,5 = 64,500

$3\frac{1}{5}-\frac{8}{3} < \frac{17}{5}-2\frac{12}{15}$ 8km 247m < 8,347km

Câu 4.

8km 50m = 8,05 m $704m^2 = 0,0704$ ha

$3cm^2\ 59\ mm^2 = 3,59cm^2$ 1154,9 kg = 11,549 tạ

Câu 5. Diện tích mảnh vườn là $1734m^2$

II. TRÌNH BÀY BÀI GIẢI CÁC BÀI TOÁN SAU:

Câu 6. Tính giá trị biểu thức:

a) $5\frac{3}{5} - 3\frac{1}{3} + 2\frac{1}{2}$;

a) $5\frac{3}{5} - 3\frac{1}{3} + 2\frac{1}{2} = \frac{28}{5} - \frac{10}{3} + \frac{5}{2}$

$= \frac{34}{15} + \frac{5}{2}$

$= \frac{143}{30}$

b) $4\frac{2}{5} \times \frac{5}{11} : 1\frac{1}{3}$

b) $4\frac{2}{5} \times \frac{5}{11} : 1\frac{1}{3} = \frac{22}{5} \times \frac{5}{11} : \frac{4}{3}$

$= 2 : \frac{4}{3}$

$= \frac{6}{4} = \frac{3}{2}$

Câu 7.

a) $x + \frac{2}{5} = \frac{1}{2}$

$x = \frac{1}{2} - \frac{2}{5}$

$x = \frac{1}{10}$

b) $\frac{15}{26} + \frac{x}{13} = \frac{46}{52}$

$\frac{x}{13} = \frac{46}{52} - \frac{15}{26}$

$x \times \frac{1}{13} = \frac{4}{13}$

$x = \frac{4}{13} : \frac{1}{13}$

$x = 4$

Câu 8.

Bài giải

Coi số bé là 4 phần thì số bé là 7 phần như thế

Số bé là : $\frac{3}{15} : (7 - 4) \times 4 = \frac{4}{15}$

Số lớn là : $\frac{4}{15} + \frac{3}{15} = \frac{7}{15}$

Đáp số : $\frac{4}{15}$ và $\frac{7}{15}$

Câu 9.

Bài giải

Đổi 2 tạ 50kg = 250 kg

Nếu buổi chiều không bán thêm 10kg thì sẽ còn là :

250 + 10 = 260 (kg)

Ta thấy 260kg gạo chính là (1 - $\frac{2}{3}$) = $\frac{1}{3}$ số gạo còn lại của buổi sáng

Do đó số gạo còn lại của buổi sáng là :

260 : 1 x 3 = 780(kg)

Số gạo còn lại sau khi bán $\frac{1}{3}$ số gạo ban đầu là

780 + 20 = 800 (kg)

Số gạo ban đầu là :

800 : (1 - $\frac{1}{3}$) = 1200 (kg)

Đáp số : 1200 kg

Câu 10. Tính nhanh

a) $\frac{12\times36}{6\times4} = \frac{3\times4\times6\times6}{6\times4}$ = 3 x 6 = 18

b) $\frac{2012+2013\times2014}{2015\times2014-2016}$

$= \frac{2012+2013\times2014}{(2013+2)\times2014-2016}$

$= \frac{2012+2013\times2014}{2013\times2014+2\times2014-2016}$

$= \frac{2012+2013\times2014}{2013\times2014+2012}$

$= \frac{2012+2013\times2014}{2012+2013\times2014}$

= 1

TUẦN 11

TRỪ HAI SỐ THẬP PHÂN.
NHÂN MỘT SỐ THẬP PHÂN VỚI MỘT SỐ TỰ NHIÊN.

I. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ.

1. Muốn trừ một số thập phân cho một số thập phân ta làm như sau :

Bước 1 : Viết số bị trừ và số trừ sao cho các chữ số ở cùng hàng phải thẳng cột với nhau.

Bước 2 : Thực hiện trừ như trừ số tự nhiên bình thường.

Bước 3 : Viết dấu phẩy của hiệu thẳng cột với dấu phẩy của số bị trừ và số trừ.

Ví dụ minh họa : Thực hiện phép trừ sau: 15,78 - 2,45

```
  15,78
- 2,45
-------
  13,33
```

2. Muốn nhân một số thập phân với một số tự nhiên ta làm như sau :

Muốn nhân một số thập phân với một số tự nhiên ta làm theo 2 bước:

- ***Bước 1****: Nhân như nhân các số tự nhiên với nhau*
- ***Bước 2****: Đếm xem phần thập phân của số thập phân có bao nhiêu chữ số rồi dùng dấu phẩy tách ở tích ra bấy nhiêu chữ số kể từ phải sang trái.*

```
  0,35
x   15
-------
  175
  35
-------
 5,25
```

. Thực hiện phép nhân như nhân hai số tự nhiên.

. Phần thập phân của số thập phân có hai chữ số ta dùng dấu phẩy tách ở tích ra hai chữ số kể từ phải sang trái.

Vậy *0,35* x *15 = 5,25*

Ví dụ 2: 4,29 x 12 = ?

```
  4,29
x   12
-------
  858
 429
-------
 51,48
```

. Thực hiện phép nhân như nhân hai số tự nhiên.

. Phần thập phân của số thập phân có hai chữ số ta dùng dấu phẩy tách ở tích ra hai chữ số kể từ phải sang trái.

Vậy 4,29 x *12 = 51,48*

3. Tính chất của phép nhân số thập phân

a) Tính chất giao hoán của phép nhân : Khi ta đổi chỗ các thừa số thì tích không thay đổi : $a + b = b + a$

b) Tính chất kết hợp của phép nhân : Khi nhân tích của hai số với số thứ ba ta có thể nhân số thứ nhất với tích của số thứ hai và số thứ ba.

$$(a \times b) \times c = a \times (b \times c)$$

II. BÀI TẬP VẬN DỤNG

Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng

Bài 1 : Tìm x, biết: 841,7 - x = 129,9

A. x = 971,6 B. x = 722,8 C. x = 711,8 D. x = 841,7

Bài 2. Khoanh vào phép tính đúng

A. 48,12 - 35,08 = 13,14 B. 125,03 - 78,374 = 46,756

C. 245 - 89,73 = 155,27 D. 54,5 - 37,86 = 17,64

Bài 3. Kết quả của phép cộng 631,5 + 28,92 - 479,6 = ?

A. 280,82 B. 180,82 C. 190,82 D. 181,82

Bài 4. Từ một tấm vải dài 358m, người ta cắt ra làm hai tấm nhỏ hơn trong đó có một tấm dài 123,8m. Độ dài của tấm vải còn lại là :

A. 235m B. 234,2m C. 233,2m D. 481,5m

Bài 5. Có một cái ao ở giữa một khu đất, diện tích cái ao là 30,6m^2, và nhỏ hơn diện tích của cả khu đất 45,57m^2. Hỏi diện tích khu đất là bao nhiêu m^2?

A. 76,17m^2 B. 106,77m^2 C. 75,1m^2 D. 14,97m

Bài 6. Một buổi sáng cửa hàng bán được 45,8kg gạo, buổi chiều cửa hàng bán được ít hơn buổi sáng 5,35kg. Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu kg gạo?

A. 40,45kg B. 40,5kg C. 51,15kg D. 50,15kg

Bài 7.Một phép nhân có thừa số là 0,549 và thừa số kia là 44. Tích của phép nhân đó là :

A. 24156 B. 2415,6 C. 241,56 D. 24,15

Bài 8. Một số nếu tăng lên 3 lần rồi bớt đi 14,6 thì được kết quả là 30,4. Số đó là :

A. 47,4 B. 135 C. 15 D. 14

Bài 9. Nối phép tính với kết quả của phép tính đó

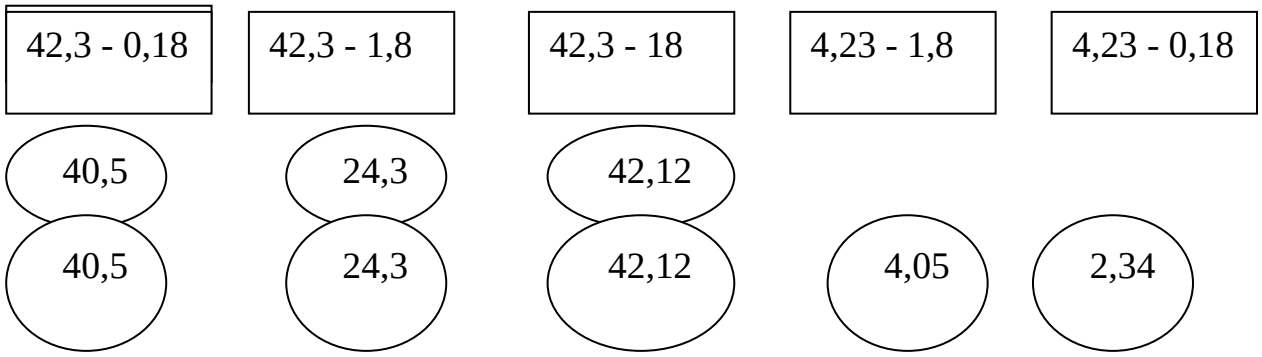

Bài 10. Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) 49,5 − 19,8 = 30,7 ☐

b) 49,5 − 19,8 = 29,7 ☐

c) 32,46 − 12,9 = 31,17 ☐

d) 32,46 − 12,9 = 19,56 ☐

Bài 11. Tính

68,32	93,813	75,86	288
− 25,09	− 46,47	− 38,275	− 93,36

Bài 12. Đặt tính rồi tính

a) 92,305 - 61,530 b) 1000 - 824,75 c) 0,456 x 25 d) 2, 45 x 16

……..……
…….. ……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..

Bài 13. Tìm x

a)x + 4,25 = 40,5 - 4,05 b) 3,45 - 2,5 + x = 1,78 c) 15,1 - x + 3,2 = 4,5

……..……
…….. ……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..

Bài 14.Tính bằng cách thuận tiện nhất

a) 46,5 + 16,8 - 0,8 b) 73,5 - 31,6 - 18,4 c) 20,1 - 23,45 + 13,45

……..……
…….. ……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..

……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..

Bài 15.Viết số thích hợp vào chỗ trống:

a)

Số hạng	25,34		5,36	
Số hạng		64,53		0,018
Tổng	80,92	100,2	9,201	0,6

b)

Số bị trừ	90,35	80	74,78	2,5
Số trừ	42,8	62,55		
Hiệu			39,99	0,084

Bài 16.

a) Tính theo mẫu:

a	b	c	a – b – c	a – (b + c)
28,4	10,3	2,5	28,4 – 10,3 – 2,5 = 15,6	28,4 – (10,3 + 2,5) = 15,6
70,2	30,6	12,4		
100	64,8	5,2		

b) Viết chữ số thích hợp vào chỗ chấm:

a – b – c = a – (…. + ….)

a – (b + c) = a – …. – ….

Bài 17. Một cửa hàng bán khúc vải dài 25,6m cho ba người. Người thứ nhất mua 3,5m vải, người thứ hai mua nhiều hơn người thứ nhất 1,8m vải. Hỏi người thứ ba mua bao nhiêu mét vải?

……..……
…….. ……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
Bài 18. Một nhười đi xe đạp mỗi giờ đi được 12,5 km. Hỏi trong 4 giờ người đó đi được bao nhiêu ki - lô - mét?

……..……
…….. ……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
Bài 19. Tích của hai số là 48,5. Nếu một thừa số được gấp lên 5 lần thì được tích mới là bao nhiêu?

……..……
…….. ……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……
……..
Bài 20. Tìm chiều dài của một hình chữ nhật có chu vi là 68m và nếu bớt chiều dài 2,5m nhưng thêm chiều rộng 2,5m thì được hình vuông.

……..……
…….. ……..
……..
……..

……..
……..
……..
……..
……..
……
……..

Bài 21. Trong một phép trừ, biết tổng của số bị trừ, số trừ và hiệu là 65,4. Số trừ lớn hơn hiệu là 4,3. Tìm số bị trừ, số trừ của phép trừ đó?

……..……
…….. ……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……

ĐÁP ÁN

Bài 1. C

Bài 2. C

Bài 3. B

Bài 4. B

Bài 5. C

Bài 6. A

Bài 7. D

Bài 8. C

Bài 9.

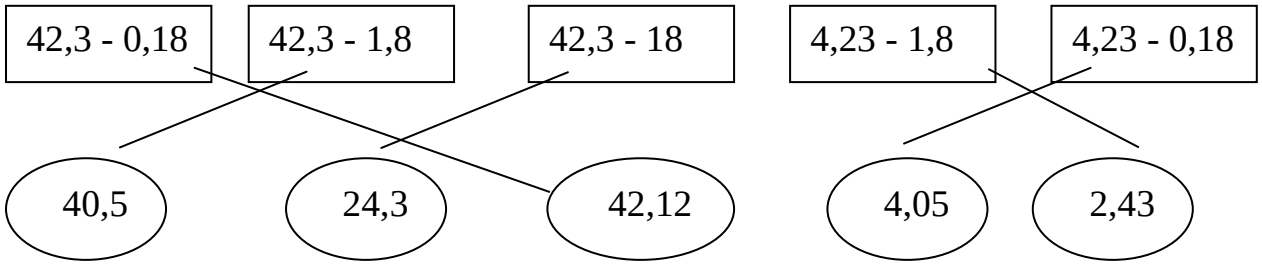

Bài 10.

a) S b) Đ c) S d) Đ

Bài 11.

Bài 12.

92,305	1000	0,456	2,45
- 61,530	- 824,75	x 25	x 16
31,775	175,25	2280	1470
		912	245
		11,400	39,20

Bài 13.

a) $x + 4,25 = 40,5 - 4,05$

$x + 4,25 = 36,45$

$x = 36,45 - 4,25$

$x = 32,2$

b) $3,45 - 2,5 + x = 1,78$

$0,95 + x = 1,78$

$x = 1,78 - 0,95$

$x = 0,83$

c) $15,1 - x + 3,2 = 4,5$

$18,3 - x = 4,5$

$x = 18,3 - 4,5$

$x = 13,8$

Bài 14.

a) 46,5 + 16,8 - 0,8
= 46,5 + (16,8 - 0,8)
= 46,5 + 16
= 62,1

b) 73,5 - 31,6 - 18,4
= 73,5 -(31,6 + 18,4)
= 73,5 - 50
= 23,5

c) 20,1 - 23,45 + 13,45
= 20,1 - (23,45 - 13,45)
= 20,1 - 10
= 10,1

Bài 15.a)

Số hạng	25,34	35,67	5,36	0,582
Số hạng	55,58	64,53	3,841	0,018
Tổng	80,92	100,2	9,201	0,6

b)

Số bị trừ	90,35	80	74,78	2,5
Số trừ	42,8	62,55	34,79	2,416
Hiệu	47,55	17,45	39,99	0,084

Bài 16.

a)

a	b	c	a – b – c	a – (b + c)
28,4	10,3	2,5	28,4 – 10,3 – 2,5 = 15,6	28,4 – (10,3 + 2,5) = 15,6
70,2	30,6	12,4	70,2 – 30,6 – 12,4 = 27,2	70,2 – (30,6 + 12,4) = 27,2
100	64,8	5,2	100 – 64,8 – 5,2 = 30	100 – (64,8 + 5,2) = 30

b) a – b – c = a – (b + c)
a – (b + c) = a - b - c

Bài 17.

Bài giải

Người thứ hai mua số mét vải là

3,5 + 1,8 = 5,3 (m)

Người thứ ba mua số mét vải là

25,6 - 5,3 = 20,3 (m)

Đáp số : 20,3 m

Bài 18.

Bài giải

Người đó đi được số ki - lô - mét đường trong 4 giờ là

12,5 x 4 = 50 (km)

Đáp số : 50 km

Bài 19. Bài giải

Nếu gấp 1 thừa số lên 5 lần giữ nguyên thừa số còn lại thì tích sẽ gấp lên 5 lần so với tích ban đầu.

Tích mới là : 48,5 x 5 = 242,5

Đáp sô : 242,5

Bài 20.

Tổng của chiều dài và chiều rộng là

68 : 2 = 34 (m)

Khi giảm chiều dài 2,5m và tăng chiều rộng lên 2,5m thì tổng của chiều sẽ không thay đổi. Do vậy nửa chu vi hình vuông là 34m

Cạnh của hình vuông là

34 : 2 = 17 (m)

Chiều dài hình chữ nhật là

17 + 2,5 = 19,5 (m)

Chiều rộng hình chữ nhật là :

17 - 2,5 = 14,5

Đáp số : 19,5m và 14,5m

Bài 21.

Bài giả

Do số bị trừ bằng tổng số trừ và hiệu nên số bị trừ là:

65,4 : 2 = 32,7.

Số trừ là: (32,7 + 4,3) : 2 = 18,5

Đáp số: 32,7 và 18,5

TUẦN 12

NHÂN MỘT SỐ THẬP PHÂN VỚI 10, 100, 1000,…
NHÂN MỘT SỐ THẬP PHÂN VỚI MỘT SỐ THẬP PHÂN.

*** KIẾN THỨC CÓ GHI NHỚ.**

1. Muốn nhân một số thập phân với 10, 100, 1000, …..

Ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số thập phân đó lần lượt sang bên phải một, hai, ba, … chữ số.

2. Muốn nhân một số thập phân với số thập phân ta là như sau :

Muốn nhân một số thập phân với một số thập phân ta làm như sau:

- Nhân như nhân các số tự nhiên.

- Đếm xem trong phần thập phân của cả hai thừa số có bao nhiêu chữ số rồi dùng dấu phẩy tách ở tích ra bấy nhiêu chữ số kể từ phải sang trái.

BÀI TẬP VẬN DỤNG

Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng.

Bài 1. Số 25,6789 sẽ tăng lên bao nhiêu lần nếu dịch chuyển dấu phẩy sang phải 3 chữ số?

A. 10 lần B. 100 lần C. 1000 lần D. 10000 lần

Bài 2. Kết quả của phép nhân 45,63 x 500 là

A. 4563 B. 22815 C. 228,15 D. 22,815

Bài 3. Tìm một số, biết nếu giảm số đó đi 3 lần rồi cộng thêm 4,5 thì được kết quả là 10.

A. 165 B. 43,5 C. 16,5 D. 4,8

Bài 4. Số 8543,6 sẽ nhân với số nào nếu dịch chuyển dấu phẩy sang bên trái 4 chữ số.

A. 0,1 B. 0,01 C. 0,001 D. 0,0001

Bài 5. Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) 2,34 x 5 = 1,17 ☐ b) 2,34 x 5 = 11,7 ☐

c) 20,08 x 25 = 50,20 ☐ d) 20,08 x 25 = 502 ☐

Bài 6. Nối phép tính với kết quả đúng

1,35 x 9	13,5 x 900	13,5 x 90	1,35 x 90	1,35 x 900

12150	12,15	1215	121,5

Bài 7. Nối câu trả lời với phép tính đúng.

Một người đi bộ trung bình mỗi phút đi được 73,5m. Hỏi người đó đi được bao nhiêu mét trong thời gian :

1/6 giờ đi được	2205m
1/5 giờ đi được	1837,5m
1/2 giờ đi được	882m
5/12 giờ đi được	735m

Bài 8. Tính nhẩm

3,45 x 10 = ……	23,48 x 100 =……...	9,1234 x 1000 = …….
4,067 x 10 = ……	0,238 x 100 =……...	0,078 x 1000 = …….
0,45 x 10 = ……	4,8 x 100 =……...	9,4 x 1000 = …….

Bài 9. Tính nhẩm

441,5 x 0,1 = ……	607,18 x 0,01 =……...	522,4 x 0,001 = …….
14,5 x 0,1 = ……	67,24 x 0,01 =……...	98,01 x 0,001 = …….
5,5 x 0,1 = ……	2,4 x 0,01 =……...	1,1 x 0,001 = …….

Bài 10. Đặt tính rồi tính

a) 2,35 x 7 b) 32,8 x 16 c) 12,7 x 4,5 d) 0,49 x 2,6

……

……

……

……

Bài 11. Tính bằng hai cách

a) (19,8 + 3,9) x 2,5 =

Cách 1 :

……

……

Cách 2 :

……

……

b) (30,6 - 14,9) x 3,6 =

Cách 1 :

……

……

Cách 2 :

……

……

Bài 12. Tính giá trị của biểu thức

a) 25,6 + 27,5 x 2,6 =

……
……
……
……

b) (25,6 + 27,5) x 2,6

……
……
……
……

Bài 13. Tính bằng cách thuận tiện

a)19,75 x 0,4 x 2,5 =

……
……
……
……

b) 9,67 x 80 x 1,25

……
……
……
……

c) 49,6 x 0,5 x 4 =

……
……
……
……

d) 0,25 x 0,2 x 4 x 50

……
……
……
……

Bài 14. Viết theo mẫu

Mẫu: 4,25 x 30 = 4,25 x 3 x 10 = 12,75 x 10 = 127,5

a) 6,34 x 40 = ……

b) 0,67 x 50 = ……

c) 0,09 x 500 = ……

d) 12,45 x 400 = ……

Bài 15 .

Thừa số	5,6	12,04	2,04	4,05
Thừa số	24	1,3	40,5	20,4
Tích				

Bài 16. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 12,5,chiều rộng kém chiều dài 2,3 m. Tính chu vi và diện tích mảnh đất đó.

...……
……
……
……
……
……
……

……
……

Bài 17. : Một người trung bình mỗi phút hít thở 15 lần, mỗi lần hít thở 0,55 lít không khí, biết 1 lít không khí nặng 1,3g. Hãy tính khối lượng không khí 6 người hít thở trong 1 giờ?

...……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 18. Mỗi hộp kẹo cân nặng 0,25kg ; mỗi hộp bánh cân nặng 0,125kg. Hỏi 15 hộp kẹo và 18 họp bánh cân nặng bao nhiêu ki - lô - gam?

...……
……
……
……
……
……
……

Bài 19. Một can dầu chứa 15*l* dầu. Biết 1*l* nặng 0,8kg. Hỏi can dầu đó cân nặng bao nhiêu ki - lô - gam, biết rằng can rỗng cân nặng 1,5kg?

...……
……
……
……
……
……
……

Bài 20. Trung bình cộng của hai số là 24,35.Tìm hai số đó biết hiệu của hai số đó là 5,3.

...……
……
……
……
……
……
……
……
……

ĐÁP ÁN

Bài 1. C

Bài 2. B

Bài 3. C

Bài 4. D

Bài 5. a) S b) Đ c) S d) Đ

Bài 6.

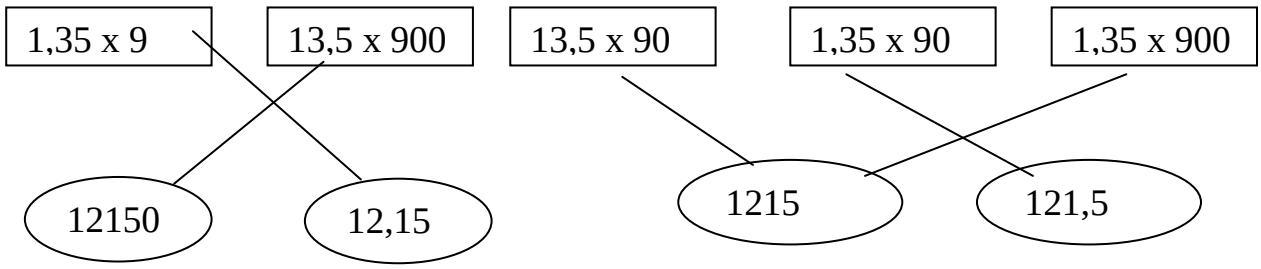

Bài 7.

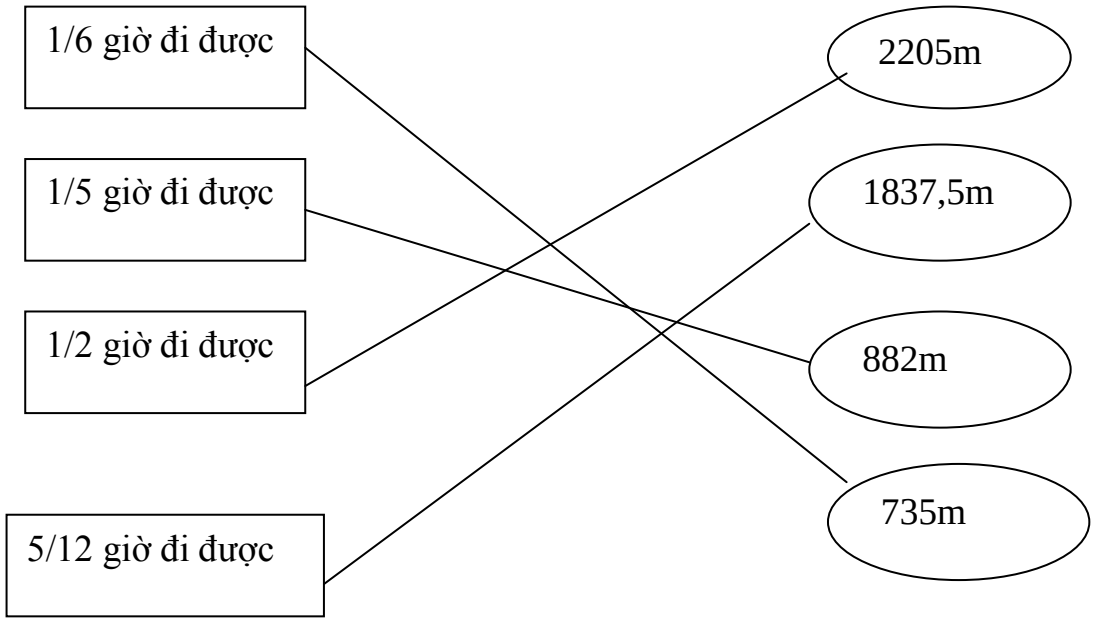

Bài 8.

3,45 x 10 = 34,5	23,48 x 100 = 2348	9,1234 x 1000 = 9123,4
4,067 x 10 = 40,67	0,238 x 100 = 23,8	0,078 x 1000 = 78
0,45 x 10 = 4,5	4,8 x 100 = 480	9,4 x 1000 = 9400

Bài 9.

441,5 x 0,1 = 44,15	607,18 x 0,01 = 6,0718	522,4 x 0,001 = 0,5224
14,5 x 0,1 = 1,45	67,24 x 0,01 = 0,6724	98,01 x 0,001 = 0,09801
5,5 x 0,1 = 0,55	2,4 x 0,01 = 0,024	1,1 x 0,001 = 0,0011

Bài 10.

a) 2,35 x 7

2,35
x 7
16,45

b) 32,8 x 1,6

32,8
x 1,6
1968
328
52,48

c) 12,7 x 4,5

12,7
x 4,5
635
508
57,15

d) 0,49 x 2,6

0,49
2,6
294
98
1,274

Bài 11. Tính bằng hai cách

a) (19,8 + 3,9) x 2,5 =

Cách 1 :

(19,8 + 3,9) x 2,5 = 23,7 x 2,5

= 59,25

Cách 2 :(19,8 + 3,9) x 2,5

= 19,8 x 2,5 + 3,9 x 2,5

= 49,5 + 9,75

= 59,25

b) (30,6 - 14,9) x 3,6 =

Cách 1 :

(30,6 - 14,9) x 3,6 = 15,7 x 3,6

= 56,52

Cách 2 : (30,6 - 14,9) x 3,6

= 30,6 x 3,6 - 14,9 x 3,6

= 110,16 - 53,64

= 56,52

Bài 12. Tính giá trị của biểu thức

a) 25,6 + 27,5 x 2,6

= 25,6 + 71,5

= 97,1

b) (25,6 + 27,5) x 2,6

= 53,1 x 2,6

= 138,06

Bài 13. Tính bằng cách thuận tiện

a)19,75 x 0,4 x 2,5

= 19,75 x (0,4 x 2,5)

= 19,75 x 1

= 19,75

b) 9,67 x 80 x 1,25

= 9,67 x (80 x 1,25)

= 9,67 x 100

= 967

c) 49,6 x 0,5 x 4 =

= 49,6 x (0,5 x 4)

= 49,6 x 2

= 99,2

d) 0,25 x 0,2 x 4 x 50

= (0,25 x 4) x (0,2 x 50)

= 1 x 10

= 10

Bài 14.

a) 6,34 x 40 = 6,34 x 4 x 10 = 25,36 x 10 = 253,6

b) 0,67 x 50 = 0,67 x 5 x 10 = 3,35 x 10 = 33,5

c) 0,09 x 500 = 0,09 x 5 x 100 = 0,45 x 100 = 45

d) 12,45 x 400 = 12,45 x 4 x 100 = 49,8 x 100 = 4980

Bài 15 .

Thừa số	5,6	12,04	2,04	4,05
Thừa số	24	1,3	40,5	20,4
Tích	134,4	15,652	82,62	82,62

Bài 16.

Bài giải

Chiều rộng của mảnh đất là :

12,5 - 2,3= 10,2 (m)

Chu vi của mảnh đất là :

(12,5+10,2) x 2 = 45,4 (m)

Diện tích của mảnh đất là :

12,5 x 10,2 = 127,5 (m^2)

Đáp số: 45,4m ; 127,5m^2.

Bài 17.

Lời giải:

Đổi 1 giờ = 60 phút

Số lần hít thở của một người trong 1 giờ là:

15 x 60 = 900 (lần).

Số lần hít thở của sáu người trong 1 giờ là:

6 x 900 = 5400 (lần).

Số lít không khí sáu người hít thở trong 1 giờ là:

5400 x 0,55 = 2970 (lít)

Khối lượng không khí sáu người hít thở trong 1 giờ là:

2970 x 1,3 = 3861 (gam)

Đáp số: 3861 gam

Bài 18.

Bài giải

15 hộp kẹo cân nặng là

0,25 x 15 = 3,75 (kg)

18 hộp bánh cân nặng là

0,125 x 18 = 2,25 (kg)

15 hộp kẹo và 18 hộp bánh cân nặng sô ki - lô - gam là :

3,75 + 2,25 = 6 (kg)

Đáp số : 6 kg

Bài 19.

Bài giải

15*l* dầu cân nặng số ki - lô - gam là :

0,8 x 15 = 12(kg)

Can dầu đó cân nặng số ki - lô -gam là :

12 + 1,5 = 13,5 (kg)

Đáp số : 13,5 kg

Bài 20.

Bài giải

Tổng của hai số là : 24,35 x 2 = 48,7

Số lớn là : (48,7 + 5,3) : 2 = 27

Số bé là : 48,7 - 27 = 21,7

Đáp số : 21,7 và 27

TUẦN 13

CHIA MỘT SỐ THẬP PHÂN CHO MỘT SỐ TỰ NHIÊN.

CHIA MỘT SỐ THẬP PHÂN CHO 10; 100; 1000….

Bài 1. Kết quả phép chia 12,5188 : 34 là :

A. 0,03682 B. 3,682 C. 0,3682 D. 36,82

Bài 2. Kết quả của phép tính 103,8 + 294,4 : 8 = ?

A. 307,375 B. 49,775 C. 140,6 D. 471,8

Bài 3. Số dư trong phép chia 1593,48 : 28 là bao nhiêu nếu thương là 56,9.

A. 28 B. 2,8 C. 0,28 D. 0,028

Bài 4. Số dư trong phép chia 10051,84 : 264 là bao nhiêu nếu thương lấy đến hai chữ số?

A. 136 B. 13,6 C. 1,36 D. 0,136

Bài 5. Kết quả phép tính : $54,9 + \frac{7}{10} + \frac{9}{100}$ là :

A. 62,8 B. 56,5 C. 55,69 D. 61,99

Bài 6.

Tính chu vi của hình tam giác có độ dài các cạnh lần lượt là: 6,8cm ;10,5cm; 7,9 cm. Chu vi hinh tam giác đó là …….

Bài 6. Cho biết: 18,987 = 18 + 0,9 + …. + 0,007 Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 8 B.0,8 C. 0,08 D.0,008

Bài 7. Tìm số trung bình cộng của các số sau: 26,45 ; 45,12 và 12, 43 là ……

Bài 8. Nối phép nhân với kết quả của phép nhân đó :

30,75 x 0,1	30,75 x 0,01	30,75 x 0,001
0,3075	3,075	0,03075	30,75
307,5 x 0,01	307,5 x 0,001	307,5 x 0,1

Câu 9. Nối phép CHIA với kết quả của phép nhân đó :

40,05 : 10	40,05 : 100	40,05 : 1000
4,005	40,05	0,4005	0,04005
400,5 : 10	400,5 : 100	400,5 : 1000

Câu 10. Đúng ghi Đ, sai ghi S

Thực hiện phép tính khi đổi tên đơn vị : 700 m^2 = ……ha

a) 700m^2 x 0,0001 = 0,07☐ b) 0,0001 ha x 700 = ☐,☐7ha

Câu 11:Tính:

372,95 | 3
35,1 15

757,5 | 35

431,25 | 125

Bài 12. Tính bằng cách thuận tiện nhất

a) 2,5 x 3,4 + 7,5 x 3,4 = ……..

b) 15,8 x 4,5 - 5,8 x 4,5 = ……...

Bài 13. Có 9 can nước mắm như nhau đựng tất cả 6,75 lít nước mắm. Hỏi 6 can nước mắm như thế đựng bao nhiêu lít nước mắm?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 14 : Tổng của hai số là 0,6. Thương của hai số cũng bằng 0,6. Tìm hai số đó.

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 15. Một người mua 13,5 kg bánh và kẹo, trong đó lượng bánh bằng $\frac{4}{5}$ lượng kẹo. Hỏi người đó mua mỗi loại mấy ki - lô - gam?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 16. Tổng của hai số bằng 43,75. Tìm hai số đó, biết rằng nếu số thứ nhất gấp 5 lần và giữ nguyên số thứ hai thì được tổng mới bằng 124,95.

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 17. Có ba sợi dây, sợi dây thứ nhất dài 12,6m, sợi dây thứ hai dài bằng 3/5 sợi dây thứ nhất, sợi dây thứ ba dài gấp 1,5 lần sợi dây thứ hai. Hỏi trung bình mỗi sợi dây dài bao nhiêu mét?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 18. Khi thực hiện phép cộng hai số thập phân, bạn An đã viết nhầm dấu phẩy của một số hạng sang bên phải một chữ số, do đó dẫn đến kết quả sai là 692,22. Em tìm xem bạn An đã cộng hai số nào? Biết tổng đúng là 100,56?

……
……

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 19. Hình thoi ABCD có diện tích là 220,5 cm^2 , độ dài đường chéo BD là 18cm. Tính độ dài đường chéo AC của hình thoi.

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 20. Tìm x

a) 10,6 : x + 7,19 : x = 3

b) 7 : x - 3,9 : x = 5

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 21.

Thầy cho một số thập phân
Đem nhân với 6, tính nhân khó gì
Dấu phẩy, Hằng đánh sai đi
Sang phải một chữ, vội ghi lên nhầm
Tích bằng 1245
Thừa số thứ nhất viết lầm sinh ra.

Đố bạn yêu toán gần xa
Thừa số thứ nhất đúng là bao nhiêu?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN

Bài 1. C. 0,3682

Bài 2. C. 140,6

Bài 3. C. 0,28

Bài 4. C. 1,36

Bài 5. C. 55,69

Bài 6. Chu vi hình tam giác đó là 25,2cm

Bài 6. C. 0,08

Bài 7. 28

Bài 8.

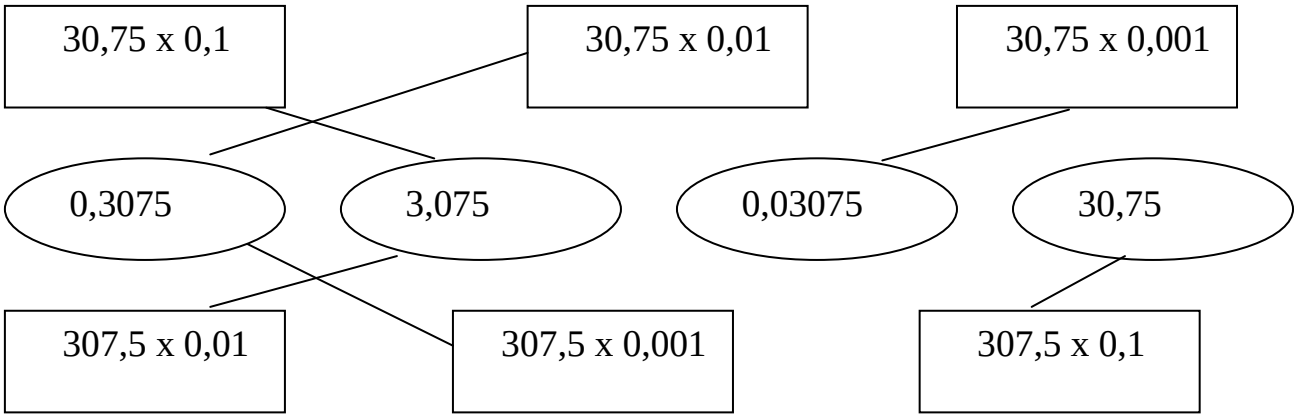

Câu 9. Nối phép nhân với kết quả của phép nhân đó :

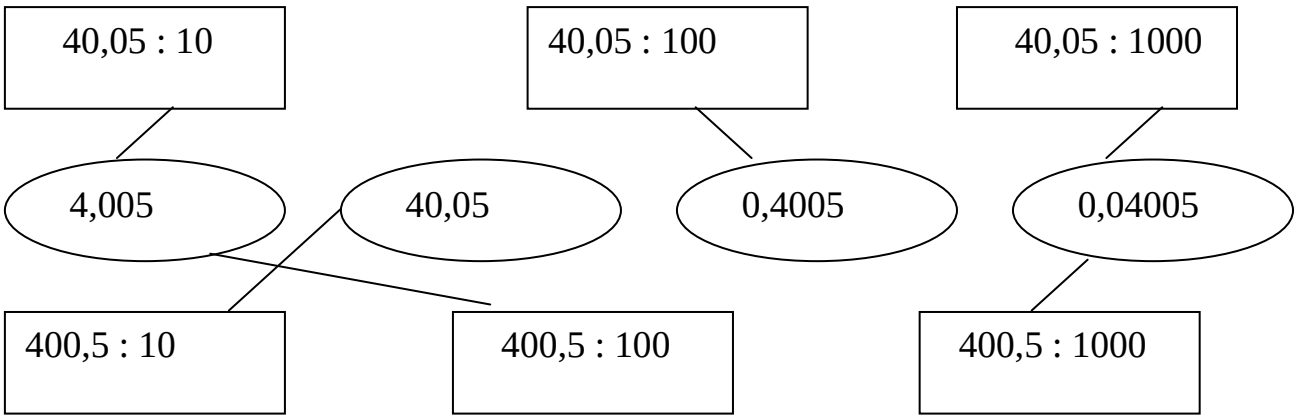

Câu 10.

a) 700m^2 x 0,0001 = 0,07ha b) 0,0001 ha x 700 = 0,07ha

Bài 12.

a) 2,5 x 3,4 + 7,5 x 3,4 b) 15,8 x 4,5 - 5,8 x 4,5

= (2,5 + 7,5) x 3,4
= 10 x 3,4
= 34

= (15,8 - 5,8) x 4,5
= 10 x 4,5
= 45

Bài 13. **Bài giải**

1 can nước mắm đựng được số lít là

6,75 : 9 = 0,75(lít)

6 can nước mắm có số lít là :

0,75 x 6 = 4,5 (lít)

Bài 14 :

Bài giải

Vì thương của hai số là 0,6 hay $\frac{6}{10} = \frac{3}{5}$ nên tỉ số của hai số đó là $\frac{3}{5}$

Số bé là : 0,6 : (3 + 5) x 3 = 0,225

Số lớn là : 0,6 - 0,225 = 0,375

Đáp số : 0,225 và 0,375

Bài 15. Bài giải

Người đó mua số bánh là :

13,5 : (4 + 5) x 4 = 6(kg)

Người đó mua số bánh là :

13,5 - 6 = 7,5 (kg)

Đáp số : 6kg bánh và 7,5 kg kẹo

Bài 16. Bài giải

Vì gấp số thứ nhất lên 5 lần thì tổng mới là 124,95 nên ta có 4 lần số thứ nhất là :

124,95 - 43,75 = 81,2

Số thứ nhất là : 81,2 : 4 = 20,3

Số thứ hai là : 43,75 - 20,3 = 23,45

Đáp số : 20,3 và 23,45

Bài 17.

Bài giải

Sợ dây thứ hai dài số mét là :

12,6 : 5 x 3 = 7,56 (m)

Sợi dây thứ ba dài số mét là :

7,56 x 1,5 = 11,34 (m)

Trung bình mỗi sợi dây dài số mét là :

(12,6 + 7,56 + 11,34) : 3 = 10,5 (m)

Đáp số : 10,5m

Bài 18. Bài giải

Khi viết nhầm dấu phẩy của một số thập phân sang bên phải một chữ số thì số đó tăng lên 10 lần hay ta được một số mới hơn số ban đầu một số bằng 9 lần số ban đầu.

Vậy tổng sai sẽ hơn tổng đúng một số bằng 9 lần số hạng bị viết nhầm.

9 lần số hạng bị viết nhầm là: 692,22 – 100,56 = 591,66

Số hạng bị viết nhầm là: 591,66 : 9 = 65,74

Số hạng còn lại là: 100,56 – 65,74 = 34,82.

Đáp số: 65,74 và 34,82

Bài 19.

Bài giải

Đường chéo AC là

220,5 : 18 = 12,25(cm)

Đáp số : 12,25cm

Bài 20.

a) 10,6 : x + 7,19 : x = 3

(10,6 + 7,19) : x = 3

17,79 : x = 3

x = 17,79 : 3

x = 5,93

b) 7 : x - 3,9 : x = 5

(7 - 3,9) : x = 5

3,1 : x = 5

x = 3,1 : 5

x = 0,62

Bài 21. **Bài giải**

Khi đánh nhầm dấu phẩy sang phải 1 chữ số thì Hằng đã tăng thừa số thứ nhất lên gấp 10 lần. Vậy tích cũng tăng gấp 10 lần. Suy ra tích đúng là : 1245 : 10 = 124,5

Thừa số thứ nhất là : 124,5 : 6 = 20,75

Đáp số :

TUẦN 14

CHIA MỘT SỐ TỰ NHIÊN CHO MỘT SỐ TỰ NHIÊN MÀ THƯƠNG TÌM ĐƯỢC LÀ MỘT SỐ THẬP PHÂN.

CHIA MỘT SỐ TỰ NHIÊN CHO MỘT SỐ THẬP PHÂN.

CHIA MỘT SỐ THẬP PHÂN CHO MỘT SỐ THẬP PHÂN.

I. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ

1. ***Khi chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên mà còn dư, ta tiếp tục chia như sau:***

- Viết dấu phẩy vào bên phải số thương.

- Viết thêm vào bên phải số dư một chữ số 0 rồi chia tiếp.

- Nếu còn dư nữa, ta lại viết thêm bên phải số dư mới một chữ số 0 rồi tiếp tục chia, và có thể cứ làm như thế mãi.

** Khi nhân số bị chia và số chia với cùng một số tự nhiên khác 0 thì thương không thay đổi.*

2. Muốn chia một số tự nhiên cho một số thập phân ta làm như sau:

- Đếm xem có bao nhiêu số thập phân ở phần thập phân của số chia thì viết thêm vào bên phải số bị chia bấy nhiêu chữ số 0.

- Bỏ dấu phẩy ở số chia rồi thực hiện phép chia như chia các số tự nhiên.

3.*Muốn chia một số tự nhiên cho một số thập phân ta làm như sau:*

- Đếm xem có bao nhiêu số thập phân ở phần thập phân của số chia thì viết thêm vào bên phải số bị chia bấy nhiêu chữ số 0.

- Bỏ dấu phẩy ở số chia rồi thực hiện phép chia như chia các số tự nhiên.

II. BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Câu 1. Tính chiều cao của hình bình hành sau:

A. ,08m B. 0,008m C. 8m D. 0,8m

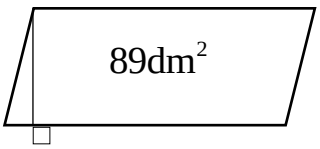

14dm

Câu 2. Viết phân số $\frac{21}{5}$ dưới dạng số thập phân.

A. 21,5 B. 5,21 C. 4,2 D. 4,5

Câu 3. Tính giá trị biểu thức: 3834 : 108 : 25

A. 142 B. 1,42 C. 14,2 D.0,142

Câu 4: Chú cua biển nào nhẹ nhất

(1) (2) (3) (4)

A. (4) B. (3) C. (2) D. (1)

Câu 5. Xác định số dư của phép chia 10051,84 : 264(nếu thương lấy đến hai chữ số phần thập phân) là

A.136 B. 13,6 C. 1,36 D. 0,136

Câu 6. 48 gói mì nặng 90kg. Hỏi 18 gói mì như thế nặng bao nhiêu ki - lô - gam?

A. 31,75kg B. 32,75kg C. 33,75kg D. 34,75kg

Câu 7. Tìm số dư trong phép chia 0,6159 : 0,52 (số thương chỉ lấ đến hai chữ số phần thập phân)

A. 23 B. 0,23 C. 0,023 D. 0,0023

Câu 8. Tổng của 4 số là 100. Trung bình cộng của 3 số đầu là 22,3. Tìm số còn lại.

A. 77,7 B. 44,1 D. 34,1 D. 33,1

Câu 9. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

Trung bình cộng của 1,35 ; 2,04 ; 5,16 là .....

Câu 10. Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) 0,12 x 2,5 > 0,12 x 10 : 4 ☐

b) 0,12 x 2,5 = 0,12 x 10 : 4 ☐

b) 0,12 x 2,5 < 0,12 x 10 : 4 ☐

Câu 11. Đặt tính rồi tính

a) 800 : 125 b) 715 : 25 c) 89 : 35,6 d) 66 : 0,55

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 12. Điền số thích hợp vào chỗ ô trống

Số bị chia	45,72		90	128
Số chia	12,7	2,3	360	
Thương số		13,7		512

Câu 13. Tìm y

a) y x 3,4 = 19,04 b) 17 : y = 8 c) 24,15 : y = 10,5

.....

……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 14. Tìm x

a) x - 3,02 = 0,8 : 2,5 b) 1,2 : x = 1,7 (dư 0,01)

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 15. Tính giá trị của biểu thức

a) (65,7 - 39,8) : 5 x 2,6 b) (17,8 + 9) : 2,5 - 4,69

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 16. Tính bằng cách thuận tiện nhất

a) $20,18 \times 7,5 + 20,18 + 20,18 + 20,18 : 2$ b) 100 : 9 - 79,3 : 9

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 17. Một xe máy trong 2 giờ đầu, mỗi giờ chạy 35km; trong 3 giờ sau, mỗi giờ chạy 32km. Hỏi trung bình mỗi giờ xe máy chạy bao nhiêu ki-lô-mét?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 18. Một người nuôi ong thu hoạch $40l$ mật ong. Người đó muốn đổ số mật ong đó vào các chai, mỗi chai chứa $0,72l$ mật ong. Hỏi cần có ít nhất bao nhiêu vỏ chai để chứa hết số mật ong đó?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 19. Một người có 0,23 tấn gạo. Lần đầu người đó bán được $\frac{1}{10}$ số gạo đó, lần sau bán được $\frac{1}{3}$ số gạo còn lại. Hỏi sau lần bán gạo thì người đó còn lại bao nhiêu tấn gạo?

……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 20.

a) Tìm hai số có tích nhỏ nhất

3,2	7,9	9,4	
	6,3	5,4	0,3

b) Tìm hai số có thương lớn nhất

0,5	5	7,5	
	10	1,05	
8,5	2,5	15,5	

ĐÁP ÁN

II. BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Câu 1. B

Câu 2. C. 4,2

Câu 3. B. 1,42

Câu 4: A. (4)

Câu 5. C. 1,36

Câu 6. C. 33,75kg

Câu 7. D. 0,0023

Câu 8. D. 33,1

Câu 9. Trung bình cộng của 1,35 ; 2,04 ; 5,16 là 2,85

Câu 10.

a) 0,12 x 2,5 > 0,12 x 10 : 4 | S

b) 0,12 x 2,5 = 0,12 x 10 : 4 | Đ

b) 0,12 x 2,5 < 0,12 x 10 : 4 | S

Câu 11. Kết quả

a) 800 : 125 = 6,4 b) 715 : 25 = 28,6

c) 89 : 35,6 = 2,5 d) 66 : 0,55 = 120

Câu 12. Điền số thích hợp vào chỗ ô trống

Số bị chia	45,72	31,51	90	128
Số chia	12,7	2,3	360	0,25
Thương số	3,6	13,7	0,25	512

Câu 13.

a) y x 3,4 = 19,04
y = 19,04 : 3,4
y = 5,6

b) 17 : y = 8
y = 17 : 8
y = 2,125

c) 24,15 : y = 10,5
y = 24,15 : 10,5
y = 2,3

Câu 14.

a) x - 3,02 = 0,8 : 2,5
x - 3,02 = 0,32
x = 0,32 + 3,02
x = 3,34

b) 1,2 : x = 1,7 (dư 0,01)
x x 1,7 + 0,01 = 1,2
x x 1,7 = 1,2 - 0,01
x x 1,7 = 1,19
x = 1,19 : 1,7
x = 0,7

Câu 15.

a) (65,7 - 39,8) : 5 x 2,6
= 25,9 : 5 x 2,6
= 5,18 x 2,6
= 13,468

b) (17,8 + 9) : 2,5 - 4,69
= 26,8 : 2,5 - 4,69
= 10,72 - 4,69
= 6,03

Câu 16.

a) $20,18 \times 7,5 + 20,18 + 20,18 + 20,18 : 2$
= 20,18 x 7,5 + 20,18 + 20,18 + 20,18 x 0,5
= 20,18 x (7,5 + 1 + 1 + 0,5)
= 20,18 x 10
= 201,8

b) 100 : 9 - 79,3 : 9
= (100 - 79,3) : 9
= 20,7 : 9
= 2,3

Câu 17.

Bài giải

Quãng đường xe máy chạy trong 2 giờ đầu là:

35 x 2 = 70 (km)

Quãng đường xe máy chạy trong 3 giờ sau là:

32 x 3 = 96 (km)

Trung bình mỗi giờ xe máy chạy là:

(70 + 96) : (2 + 3) = 33,2 (km)

Đáp số: 33,2km.

Câu 18.

Bài giải

Thực hiện phép chia ta có:

40 : 0,72 = 55 (dư 0,4).

Vì còn dư 0,4 l nên cần thêm 1 chai để chứa 0,4 l mật ong.

Vậy cần có ít nhất số vỏ chai là:

55 + 1 = 56 (vỏ chai)

Đáp số: 56 vỏ chai

Câu 19.

Bài giải

Lần đầu người đó bán được số gạo là :

$0,23 \times \frac{1}{10} = 0,023$ (tấn)

Số gạo còn lại là : $0,23 - 0,023 = 0,207$ (tấn)

Số gạo bán lần sau là :

0,207 : 3 = 0,069 (kg)

Số gạo còn lại sau hai lần bán là :

0,207 - 0,069 = 0,138 (tấn)

Đáp số : 0,138 tấn

Câu 20.

a) Tích hai số nhỏ nhất khi 2 thừa số là nhỏ nhất. Vậy hai số có tích nhỏ nhất là 0,3 và 3,2. Tích nhỏ nhất là : 0,3 x 3,2 = 0,96

b) Thương hai số lớn nhất khi số chia là nhỏ nhất và số bị chia là lơn nhất.

Hai số đó là 15,5 và 0,5 . Thương đó là 15,5 : 0,5 = 31

TUẦN 15

- LUYỆN TẬP CHUNG VỀ PHÉP CHIA SỐ THẬP PHÂN
- TỈ SỐ PHẦN TRĂM
- GiẢI VỀ TỈ SỐ PHẦN TRĂM

I. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ.

1. Tỉ số phần trăm của số học sinh nữ và số học sinh toàn trường là 48%, cho biết cứ 100 học sinh của trường thì có 48 học sinh nữ.

2. Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số a và b ta làm như sau:

- Tìm thương hai số (a : b), viết dưới dạng số thập phân.
- Nhân nhẩm số đó với 100 rồi viết kí hiệu phần trăm (%) vào bên phải kết quả tìm được.

II. BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng.

Câu 1. *Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng.*

A. 24 : 3,5 = 6,85 (dư 25) B. 24 : 3,5 = 6,85 (dư 2,5)

C. 24 : 3,5 = 6,85 (dư 0,25) D . 24 : 3,5 = 6,85 (dư 0,025)

Câu 2. Số dư trong phép chia 27, 697 : 6,8 (thương chỉ lấy đến hai chữ số phần thập phân)

A. 21 B. 2,1 C. 0,21 D. 0,021

Câu 3. Một tấm bìa hình chữ nhật có chu vi 180cm. Chiều dài hơn chiều rộng 8,4cm. Diện tích tấm bìa đó là :

A. 200,736cm^2 B. 207,36cm^2 C. 2073,6cm^2 D. 2007,36cm^2

Câu 4. Theo kế hoạch trong dịp Tết trồng cây xã A phải trồng 1520 cây. Nhưng xã A đã trồng được 2052 cây. Hỏi xã A đã vượt mức bao nhiêu phần trăm kế hoạch?

A. 0,35% B. 3,5% C. 35% D. 135%

Câu 5. Viết số thập phân 0,857 thành tỉ số phần trăm là :

A. 8,57% B. 857% C. 85,7% D. 0,857%

Câu 6. Một xí nghiệp có 2000 công nhân, trong đó có 800 công nhân là nữ. Hỏi số công nhân nữ chiếm bao nhiêu phần trăm số công nhân trong xi nghiệp?

A. 80% B. 60% C. 4% D. 40%

Câu 7. Tỉ số phần trăm của 73,5 và 42 là :

A. 1,75% B. 17,5% C. 175% D. 17,05%

Câu 8. Đúng ghi Đ, Sai ghi S:

a) $0,8 = 8\%$ ☐ b) $0,8 = 80\%$ ☐

c) $0,012 = 12\%$ ☐ d) $0,012 = 1,2\%$ ☐

Câu 9. Khi nhân một số thập phân với 39, một học sinh đã đặt nhầm các tích riêng thẳng cột nên tìm ra kết quả là 259,2. Tích đúng là : ……

Câu 10. Nối các phép tính với kết quả của phép tính đó

a) $24,5\% + 75,5\% = ...$ b) $100\% - 35,7\% = ...$

c) $23,4\% \times 5 = ...$ d) $12,3\% : 4 = ...$

Câu 12. Tính bằng cách thuận tiện nhất.

a) 12,5 x 35,4 x 0,8 : 0,1 b) 102,3 : 0,25 : 40 + 98,3 : 1,25 : 8

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 13. Tìm y

a) 0,4 : y = 1,6 - 0,5 : y b) y : 3,1 = 1,47 (dư 0,013)

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 14. Tính bằng hai cách

a) 0,96 : 0,15 - 0,36 : 0,15 b) 14,76 : 3,6 + 21,24 : 3,6

Cách 1

…… ……

…… ……

…… ……

…… ……

Cách 2 :

…… ……

…… ……

…… ……

…… ……

Bài 15. Biết 10,4 l dầu cân nặng 7,904kg. Hỏi có bao nhiêu lít dầu nếu lượng dầu đó cân nặng 10,64kg ?

……

……

……

……

……

……

……

……

Bài 16. Tổng của một số thập phân và một số tự nhiên là 82,34. Khi thực hiện phép tính này, một bạn đã quên viết dấu phẩy của số thập phân nên đã cộng hai số tự nhiên và có kết quả là 1106. Hãy tìm số thập phân và số tự nhiên đã cho.

……

……

……

……

……

……

……

……

Bài 17. Một cửa hàng có 21,95kg mì chính đem đóng vào hai loại túi. Loại túi to, mỗi túi có 0,5kg; loại túi bé, mỗi túi có 0,35kg. Hỏi mỗi loại túi có bao nhiêu túi, biết rằng số túi bé nhiều hơn số túi to là 2 túi?

……

……

……

……

……

……

……

……

Bài 18. Lớp 5A có 40 học sinh, trong đó có 16 học sinh nữ còn lại là học sinh nam. Tìm tỉ số phần trăm của số học sinh nam và số học sinh lớp 5A?

……
……
……
……
……
……

Bài 19. Bể thứ nhất chứa 1800 *l* nước, bể thứ hai chứa 1050 *l* nước. Cùng một lúc người ta rút nước ở hai bể ra, mỗi phút bể thứ nhất rút được 37,5 *l* nước, bể thứ hai rút được 25 *l* nước. Hỏi sau bao lâu thì lượng nước ở hai bể bằng nhau?

……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 20. Bốn số có tổng là 67,5. Biết rằng nếu :

- Đem số thứ nhất nhân với 0,5
- Đem số thứ hai trừ đi 0,5
- Đem số thứ ba cộng với 0,5
- Đem số thứ tư chia cho 0,5

Thì sẽ được bốn kết quả bằng nhau. Hãy tìm bốn số đó.

……
……
……
……
……
……
……
……

ĐÁP ÁN

Câu 1. D . 24 : 3,5 = 6,85 (dư 0,025)

Câu 2. D. 0,021

Câu 3. D. 2007,36cm^2

Câu 4. C. 35%

Câu 5. C. 85,7%

Câu 6. D. 40%

Câu 7. C. 175%

Câu 8.

a) 0,8 = 8% S

b) 0,8 = 80% Đ

c) 0,012 = 12% S

d) 0,012 = 1,2% Đ

a) $0,8 = 8\%$ ☐

b) $0,8 = 80\%$ ☐

c) $0,012 = 12\%$ ☐

d) $0,012 = 1,2\%$ ☐

Câu 9. Tích đúng là 842,4

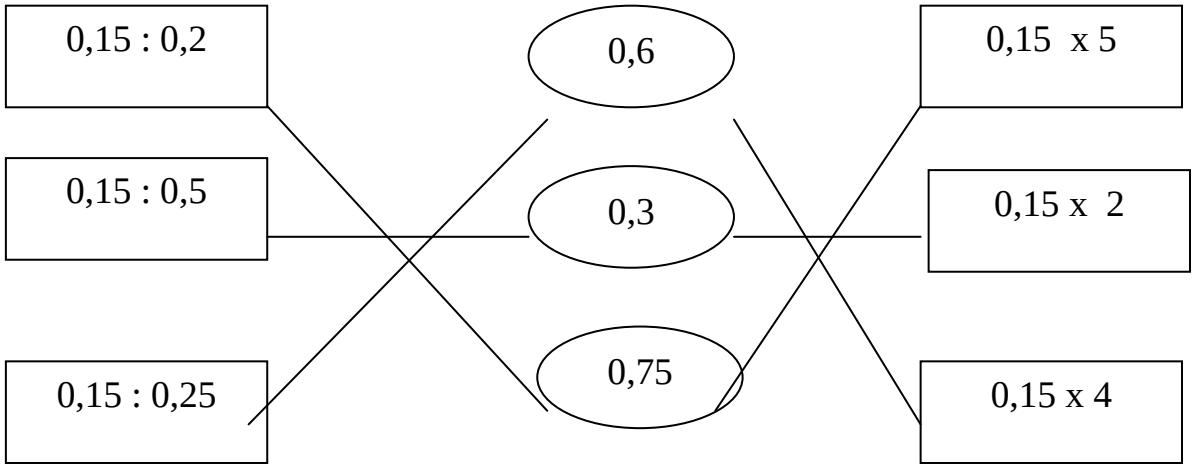

Câu 11.

a) 24,5% + 75,5% = 100%

b) 100% - 35,7% = 62,5%

c) 23,4% x 5 = 117%

d) 12,3 % : 4 = 3,075%

Câu 12.

a) 12,5 x 35,4 x 0,8 : 0,1
= 12,5 x 35,4 x 0,8 x 10
= (12,5 x 0,8 x 10) x 35,4
= (12,5 x 8) x 35,4
= 100 x 35,4
= 354

b) 102,3 : 0,25 : 40 + 98,3 : 1,25 : 8
= 102,3 : (0,25 x 40) + 98,3 : (1,25 x 8)
= 102,3 : 10 + 98,3 : 10
= (102,3 + 98,3) : 10
= 200,6 : 10
= 20,06

Bài 13.

a) 0,4 : y = 1,6 - 0,5 : y

b) y : 3,1 = 1,47 (dư 0,013)

0,4 : y + 0,5 : y = 1,6

(0,4 + 0,5) : y = 1,6

0,9 : y = 1,6

y = 0,9 : 1,6

y = 0,5625

y = 3,1 x 1,47 + 0,013

y = 4,57

Bài 14.

Cách 1

a) 0,96 : 0,15 - 0,36 : 0,15

= 6,4 - 2,4

= 4

b) 14,76 : 3,6 + 21,24 : 3,6

= 4,1 + 5,9

= 10

Cách 2 :

a) 0,96 : 0,15 - 0,36 : 0,15

= (0,96 - 0,36) : 0,15

= 0,6 : 0,15

= 4

b) 14,76 : 3,6 + 21,24 : 3,6

= (14,76 + 21,24) : 3,6

= 36 : 3,6

= 10

Bài 15.

Bài giải:

Mỗi lít dầu cân nặng là:

7,904 : 10,4 = 0,76 (kg)

Nếu lượng dầu cân nặng 10,64kg thì có số lít dầu là:

10,64 : 0,76 = 14 (l)

Đáp số: 14 l.

Bài 16. Bài giải

Vì tổng của số thập phân và số tự nhiên là 82,34, nên số thập phân có hai chữ số sau dấu phẩy (là 34).

Khi quên viết dấu phẩy của số thập phân này thì số đó được gấp lên 100 lần. Do đó 99 lần số thập phân phải tìm là:

1106 – 82,34 = 1023,66

Số thập phân phải tìm là:

1023,66 : 99 = 10,34

Số tự nhiên phải tìm là:

82,34 – 10,34 = 72

Đáp số: 10,34 và 72.

Bài 17.

Bài giải

Nếu bỏ bớt 2 túi bé thì số túi bé bằng số túi to. Khi đó lượng mì chính còn lại là:

21,95 – 0,35 x 2 = 21,25 (kg)

Số túi to là:

21,25 : (0,5 + 0,35) = 25 (túi)

Số túi bé là:

25 + 2 = 27 (túi)

Đáp số: 25 túi to; 27 túi bé.

Bài 18. Bài giải

Số học sinh nam là : 40 - 16 = 24 (học sinh)

Số học sinh nam so với số học sinh cả lớp chiếm số phần trăm là :

24 : 40 = 60%

Đáp số : 60%

Bài 19. Bài giải

Bể thứ nhất nhiều hơn bể thứ hai số lít nước là :

1800 - 1050 = 750(*l)*

Mỗi phút bể thứ nhất rút được nhiều nước hơn bể thứ hai số lít nước là

37,5 - 25 = 12,5 (*l)*

Để hai bể bằng nhau thì vòi bể thứ nhất chảy hơn bể thứ hai 750 lít nước

Để hai bể bằng nhau thì sau số giờ là :

750 : 12,5 = 60 (phút) = 1 giờ

Đáp số : 1 giờ

Bài 20.

Nhân một số với 0,5 tức là chia số đó cho 2. Chia một số cho 0,5 tức là nhân số đó với 2.

Ta có sơ đồ.

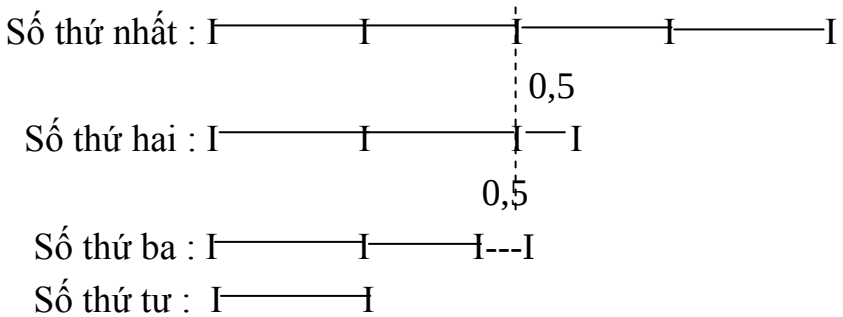

Nêu coi số thứ tư là một phần thì số thứ nhất gồm 4 phần như thế; số thứ hai là 2 bớt đi 0,5 sẽ gồm hai phần như thế; số thứ ba cộng thêm 0,5 sẽ gồm 2 phần như thế . Vậy tổng của 4 số thứ hai và số thứ ba là bốn phần. Suy ra tổng của 4 số sẽ gồm :

1 + 4 + 4 = 9 (phần)

Số thứ tư là: 67,5 : 9 = 7,5

Số thứ nhất là 7,5 x 4 = 30

Số thứ hai là : 7,5 x 2 + 0,5 = 15,5

Số thứ ba là : 7,5 x 2 - 0,5 = 14,5

Đáp số : số thứ nhất : 30

số thứ hai : 15,5

số thứ ba : 14,5

số thứ tư: 7,5

TUẦN 16
GIẢI TOÁN VỀ TỈ SỐ PHẦN TRĂM (TIẾP THEO)
A. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CƠ BẢN

Dạng 2: Tìm giá trị phần trăm của một số.

Cách giải: Muốn tìm giá trị phần trăm của một số cho trước ta lấy số đó nhân với số chỉ số phần trăm rồi chia cho 100 (hoặc lấy số đó chia cho 100 rồi nhân với số chỉ số phần trăm).

Công thức: Muốn tìm a % của b ta lấy b × a : 100 hoặc b: 100 × a

Lưu ý: trong một số trường hợp cần qua bước trung gian để đưa về bài tóan "cơ bản". Ta cần xác định chính giá trị a là bao nhiêu, b là bao nhiêu để tìm đúng giá trị bài yêu cầu.

Ví dụ 1: *Một trường tiểu học có 800 học sinh, trong đó có số học sinh nữ chiếm 52,5%. Tính số học sinh nữ của trường đó.*

Trước hết ta cần xác định: b =800, a = 52,5%

Vậy ta có thể áp dụng ngay công thức để tìm số học sinh nữ. Ta có:

Số học sinh nữ hay 52,5% số học sinh toàn trường là:

800: 100 × 52,5 = 420 (học sinh)

Hoặc 800 × 52,5 : 100 = 420

Ví dụ 2: *Một trường tiểu học có 800 học sinh, trong đó có số học sinh nữ chiếm 52,5%. Tính số học sinh nam của trường đó.*

Ở bài tập này, trước tiên ta cần tìm tỉ số phần trăm giữa số học sinh nam với số học sinh toàn trường (100% - 52,5%) hoặc ta đi tìm số học sinh nữ trước.

Dạng 3:Tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó.

Cách giải: Muốn tìm một số biết giá trị tỉ số phần trăm của số đó ta lấy số đã cho chia cho số chỉ số phần trăm rồi nhân với 100.

Công thức: Tìm b biết một số phần trăm của b là a

Tức là: b = a : (số chỉ số phần trăm đã cho) × 100

Hoặc: b = a × 100 : (số chỉ số phần trăm đã cho)

Ví dụ: *Năm vừa qua một nhà máy chế tạo được 1590 ô tô. Tính ra, nhà máy đã đạt 120% kế hoạch. Hỏi theo kế hoạch, nhà máy dự định sản xuất bao nhiêu ô tô?*

- Trước hết ta cần xác định:

+ a là số đã cho: 1590 ô tô

+ Tỉ số phần trăm đã cho: 120%

+ b là số phải tìm (số ô tô nhà máy dự định sản xuất)

Áp dụng cách giải trên, ta có:

Số ô tô nhà máy dự định sản xuất là:

1590 × 100 : 120 = 1325 (ô tô)

Đáp số: 1325 ô tô

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I – TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng

Bài 1. Tỉ số phần trăm của hai số 135 và 400 là:

A. 0,3375% B. 3,375% C. 33,75% D. 337,5%

Bài 2. Tỉ số phần trăm của 3dm và 5m là:

A. 0,06% B. 0,6% C. 6% D. 60%

Bài 3. Số thập phân 0,1234 được viết thành tỉ số phần trăm là:

A. 1234% B. 1,234% C. 12,34% D. 123,4%

Bài 4. Một lớp học có 14 bạn nữ, 21 bạn nam. Số bạn nữ chiếm số phần trăm số học sinh cả lớp là:

A. 66,67% B. 150% C. 40% D. 250%

Bài 5. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Một người bỏ ra 650 000 đồng (tiền vốn) để mua bánh kẹo. Sau khi bán hết số bánh kẹo này thì thu được 728 000 đồng. Hỏi người đó được lãi bao nhiêu phần trăm?

Đáp số : ……

Bài 6. Nối hai số bằng nhau :

1,23	12,3	123	0,123	0,0123

12,3%	123%	1,23%	1230%	12300%

Bài 7. Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) 25% x 4% = 100% ☐ b) 5% x 2% = 10% ☐

c) 25% x 4% = 1% ☐ d) 5% x 2 % = 0,1% ☐

Bài 8. Khoanh ào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Một người bán hàng bị lỗ 35 000 đồng và số tiền đó bằng 5% số tiền vốn bỏ ra. Để tính số tiền vốn ta làm như sau :

A. 35 000 x 5 x 100 B. 35 000 x 5 : 100

C. 35 000 : 5 x 100 D. 35 000 : 5 : 100

Bài 9. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Một người bán được một lượng gạo tẻ và gạo nếp, trong đó có 20kg gạo nếp chiếm 25% số gạo đã bán. Hỏi người đó bán được tất cả bao nhiêu ki - lô- gam gạo?

A. 125kg B. 215kg C. 80kg D. 100kg

II – TỰ LUẬN

Bài 1. Viết tiếp vào chỗ chấm:

Máy xay sinh tố
Giá niêm yết: 430 000 đồng
Giảm: 31%
Giá sau giảm: .....

Đèn sưởi nhà tắm
Giá niêm yết: 550 000 đồng
Giảm: 11%
Giá sau giảm: .....

Máy sấy tóc
Giá niêm yết: 280 000 đồng
Giảm: 29%
Giá sau giảm: .....

Ấm siêu tốc
Giá niêm yết: 990 000 đồng
Giảm: 31%
Giá sau giảm: .....

Bài 2. Cuối năm 2003 số dân của một phường là 31 250 người. Nếu tỉ lệ tăng dân số hằng năm là 1,6% thì đến cuối năm 2005 số dân của phường đó là bao nhiêu?

……
……
……
……

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 3. Lãi suất tiết kiệm là 0,58% một tháng. Một người gửi tiết kiệm 6 000 000 đồng. Hỏi sau một tháng cả số tiền gửi và tiền lãi là bao nhiêu?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 4. Hai bể chứa 2700l dầu. Nếu chuyển 100l dầu từ bể thứ nhất sang bể thứ hai thì bể thứ hai sẽ nhiều hơn bể thứ nhất 500l dầu. Hỏi lúc đầu lượng dầu trong bể thứ nhất bằng bao nhiêu phần trăm lượng dầu trong bể thứ hai?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

……
……
……

Bài 5. Trung bình cộng số thóc của hai khi là 225 tấn; kho B nhiều hơn kho A là 300 tấn thóc. Tìm tỉ số phần trăm số thóc của kho A và kho B?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 6. Một trại nuôi gà có số gà trống bằng 30% số gà mái. Nếu trại mua thêm 60 con gà trống thì số gà trống bằng 40% số gà mái. Hỏi lúc đầu trại nuôi tất cả bao nhiêu con gà?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 7. Một người đem trứng đi bán: buổi sáng bán được 50% số trứng, buổi chiều bán được 20% số trứng còn lại. Sau đó người đó lại buôn thêm 40 quả nữa. Tối về người đó lại thấy rằng số trứng đem về bằng 120% số trứng mang đi. Hỏi người ấy mang đi mấy quả trứng?

……
……
……

……
……
……
……

Bài 10. Một cửa hàng bán chiếc điện thoại với giá 2 000 000 đồng. Do không bán được, cửa hàng hạ giá hai lần, mỗi lần 10% so với giá bán lần trước. Hỏi sau hai lần hạ giá, chiếc điện thoại được bán với giá bao nhiêu tiền?

……
……
……
……

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 11. Một của hàng nhập một loại xe nôi với giá 900 000 đồng một chiếc. Sau khi bán một chiếc xe nôi, cửa hàng đó được lãi 20% giá mua. Hỏi của hàng đó bán một chiếc xe nôi với giá bao nhiêu tiến?

……
……
……
……

……
……
……
……

……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 12. Một trại nuôi ong vừa mới thu hoạch mật ong. Sau khi người ta bán đi 135 l mật ong thì lượng mật ong còn lại bằng 62,5% lượng mật vừa thu hoạch.

a) Hỏi trại đó còn lại bao nhiêu lít mật ong vừa mới thu hoạch?

b) Người ta đem lượng mật ong còn lại đổ hết vào các chai, mỗi chai chứa 0,75 l mật. Hỏi có tất cả bao nhiêu chai mật ong?

……
……
……
……

……
……
……
……

……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 13. Lượng muối chứa trong nước biển là 5%. Cần phải đổ thêm vào 200kg nước biển bao nhiêu kg nước lã để được một loại dung dịch chứa 2% muối?

……
……
……
……

……
……
……
……

……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 14. Một cửa hàng buôn bán hoa quả đặt hàng 4,5 tấn cam với giá 18000 đồng một kilôgam. Tiền vận chuyển là 1 600 000 đồng. Giả sử 10% số cam bị hỏng trong

quá trình vận chuyển và tất cả số cam đều bán được. Hãy tính xem mỗi kg cam cần bán với giá bao nhiêu để thu lãi 8%?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 15. Kho A có số thóc bằng 78% số thóc kho B. Sau khi kho A nhận thêm 56 tạ thóc thì số thóc ở kho A bằng 85% số thóc ở kho B. Hỏi lúc đầu số thóc ở mỗi kho là bao nhiêu tạ?

……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 16. Đọc thông tin ở hình bên và trả lời câu hỏi:

Bác Tuấn chọn mua chiếc ti – vi như hình bên.

Em hãy trả lời:

a) Chiếc ti – vi được giảm giá bao nhiêu phần trăm?

.....

b) Bác Tuấn được giảm bao nhiêu tiền?

.....

c) Bác Tuấn phải trả bao nhiêu tiền?

.....

Bài 17. Một cửa hàng gạo có 9 tạ 36kg gạo tẻ và 2 tạ 68kg gạo nếp. Cửa hàng đã bán được 75% số gạo tẻ và 25% số gạo nếp. Hỏi cửa hàng còn lại tất cả bao nhiêu ki – lô – gam gạo?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

ĐÁP ÁN

I- TRẮC NGHIỆM

Bài 1. C. 33,75%

Bài 2. C. 6%

Bài 3. C. 12,34%

Bài 4. C. 40%

Bài 5. Đáp số : Lãi 12% tiền vốn

Bài 6.

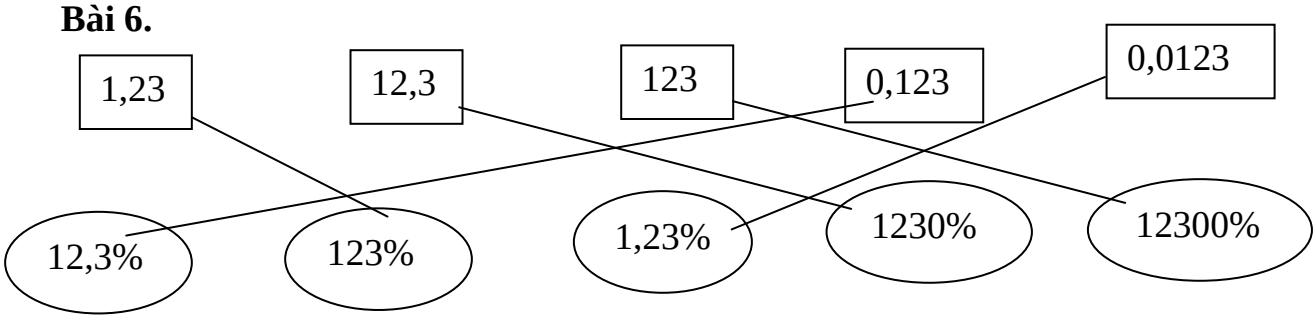

Bài 7.

a) 25% x 4% = 100% S

b) 5% x 2% = 10% S

c) 25% x 4% = 1% Đ

d) 5% x 2 % = 0,1% Đ

Bài 8. C. 35 000 : 5 x 100

Bài 9. C. 80kg

II- TỰ LUẬN

Bài 2

Bài giải

Cuối năm 2004 số dân phường đó tăng thêm là:

31250 x 1,6 : 100 = 500 (người)

Cuối năm 2004 số dân phường đó là:

31250 + 500 = 31750 (người)

Cuối năm 2005 số dân phường đó lại tăng thêm là:

31750 x 1,6 : 100 = 508 (người)

Cuối năm 2005 số dân phường đó là:

31750 + 508 = 32258 (người)

Đáp số: 32 258 người.

Bài 3

Bài giải:

Số tiền lãi sau một tháng là:

6 000 000 : 100 x 0,58 = 34 800 (đồng)

Cả số tiền gửi và tiền lãi sau một tháng là:

6 000 000 + 34 800 = 6 034 800 (đồng)

Đáp số: 6 034 800 đồng.

Bài 4 Bài giải

Vì chuyển 100 lít dầu từ bể thứ nhất sang bể thứ hai thì tổng số lít dàu ở hai kho không thay đổi.

Số lít dầu ở bể thứ nhất sau chuyển là :

(2700 - 500) : 2 = 1100 (l)

Số lít dầu ở bể thứ nhất trước khi chuyển là :

1100 + 100 = 1200(l)

Số lít dầu ở bể thứ hai lúc ban đầu là :

2700 - 1200 = 1500 (l)

Lúc đầu lượng dầu trong bể thứ nhất bằng số phần trăm lượng dầu trong bể thứ hai là :

1200 : 1500 = 0,8 = 80%

Đáp số : 80%

Bài 5. Bài giải

Tổng số thóc ở hai kho là :

225 x 2 = 450 (tấn)

Số thóc của kho A là :

(450 - 300) : 2 = 75 (tấn)

Số thóc của kho B là :

450 - 75 = 375 (tấn)

Tỉ số phần trăm số thóc của kho A và kho B là :

75 : 375 = 20%

Đáp số : 20%

Bài 6. Bài giải

Vì số gà mái không đổi nên 60 con gà trống ứng với số phần trăm là

40% - 30% = 10% (số gà mái)

Số gà mái ban đầu là :

60 : 10 x 100 = 600(con)

Số gà trống ban đầu là

600 x 30 : 100 = 180 (con)

Lúc đầu có tất cả số con gà là :

600 + 180 = 780 (con)

Đáp số : 780 con

Bài 7. Bài giải

Coi số trứng mang đi là 100% thì số trứng còn lại của buổi sáng là :

100% - 50% = 50%(số trứng mang đi)

Số trứng bán được buổi chiều so với số trứng mang đi là :

20% x 50% = 10% (số trứng mang đi)

Sau hai lần bán số trứng còn lại là

100% - 50% - 10% = 40% (số trứng mang đi)

40 quả trứng ứng với số phần trăm là

120% - 40% = 80%(số trứng mang đi)

Số trứng mang đi bán là :

40 : 80 x 100 = 50(quả)

Đáp số : 50 quả

Bài 11 Bài giải

Số tiền lãi khi bán một chiếc xe nôi là :

900 000 x 20 : 100 = 180 000(đồng)

Cửa hàng đó bán một chiếc xe nôi với giá là:

900 000 + 180 000 = 1 080 000(đồng)

Đáp số 1 080 000(đồng)

Bài 11.

Bài giải

a) Coi lượng mật ong thu hoạch là 100% thì lượng mật ong đã bán là:

100% - 62,5% = 37,5%

Vì đã bán 135l mật ong, nên lượng mật ong thu hoạch là:

135 : 37,5 x 100 = 360 (l)

Lượng mật ong còn lại là:

360 – 135 = 225 (l)

b) Số chai chứa hết 225l mật ong là:

225 : 0,75 = 300 (chai)

Đáp số: a) 2251; b) 300 chai.

Bài 13. Bài giải

Khối lượng muối có trong 200kg nước biển là :

200 x 5 : 100 = 10(kg)

Khi thêm nước lã vào 200kg nước biển thì khối lượng muối không thay đổi

Khối lượng nước biển sau khi thêm là :

10 : 2 x 100 = 500(kg)

Số ki - lô- gam nước lã đổ thêm vào là :

500 - 200 = 300 (kg)

Đáp số : 300kg

Bài 14. Bài giải

Đổi 4,5 tấn = 4500kg

Của hàng phải trả tiền cam và tiền vận chuyển hết số tiền là :

18 000 x 4 500 + 1 600 000 = 82 600 000(đồng)

Số cam bán đi là

4500 x (100% - 10%) = 4050(kg)

Coi số tiền vốn và tiền vận chuyển ban đầu là 100% thì số tiền bán chiếm số phần trăm là :

100% + 8% = 108%(số tiền ban đầu)

Số tiền bán là : 82 600 000 x 108 : 100 = 89 208 000(đồng)

Mỗi ki - lô - gam bán với giá:

89 208 000 : 4050 = 22026,66(đồng)

Đáp số : 22 026, 66 đồng

Bài 15.

Bài giải

Khi kho A nhận thêm 56 tạ thóc thì số thóc ở kho B không đổi nên 56 tạ thóc ứng với số phần trăm số thóc kho B là :

85% - 78% = 7%(số thóc kho B)

Số thóc kho B là :

56 : 7 x 100 = 800(tạ)

Số thóc kho A ban đầu là

800 x 78 : 100 = 624 (tạ)

Đáp số : Kho A - 624 tạ thóc

Kho B - 800 tạ thóc

TUẦN 17

LUYỆN TẬP VỀ GIẢI TOÁN TỈ SỐ PHẦN TRĂM. SỬ DỤNG MÁY TÍNH BỎ TÚI ĐỂ GIẢI TOÁN TỈ SỐ PHẦN TRĂM

Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng

Bài 1. Tìm số phần trăm của 26,854 và 58 là:

A. 4,63% B. 46,3% C. 463% D. 0,463%

Bài 2. Trong dịp Tết trồng cây xã A phải trồng 1520 cây. Nhưng xã A đã trồng được 2052 cây. Hỏi xã A đã vượt mức bao nhiêu phần trăm kế hoạch?

A. 0,35% B. 3,5% C. 35% D. 135%

Bài 3. Một cửa hàng có 2100m vải, trong đó có 40% là vải hoa. Hỏi cửa hàng có bao nhiêu mét vải hoa?

A. 2140m B. 1260m C. 840m D. 800m

Bài 4. Lãi suất tiết kiệm một tháng là 0,68% một tháng nếu gửi tiết kiệm là 50 000 000 đồng thì lãi suất thu được sau một tháng là bao nhiêu?

A. 304 000 đồng B. 340 000 đồng C. 680 000 đồng D. 608 000 đồng

Bài 5. Một đội công nhân tham gia sửa đường và đã sửa được 780m đường và bằng 65% kế hoạch. Hỏi theo kế hoạch đội công nhân phải sửa bao nhiêu mét đường?

A. 1200m B. 507m C. 273m D. 845m

Bài 6. Tìm x x : 3,5 = 4,3 - 3,22

A. x = 37,8 B. 3,78 C. 378 D.0,378

Bài 7. Cuối năm 2005, số dân của khu vực A là 31 250 người. Trung bình mỗi năm dân số khu vực này tăng 1,6%. Hỏi cuối năm 2007 số dân của khu vực A là bao nhiêu người?

A. 32 250 người B. 32258 người C. 31266 người

Bài 8. Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) 4,2 : 5 x 2 = 4,2 : 10
= 0,42 ☐

b) 4,2 : 5 x 2 = 0,84 x 2
= 1,68 ☐

c) 3,6 : 15 : 3 = 3,6 : 5
= 0,72 ☐

d) 3,6 : 15 : 3 = 0,24 : 3
= 0,08 ☐

Bài 9. Viết các tỉ số phần trăm sau thành phân số tối giản :

6% = …….. ; 54% = ……. ; 185% = ……..

Bài 10. Một cửa hàng xăng dầu có 28 000 lít xăng dầu. Tuần thứ nhất, cửa hàng đã bán được 45% số xăng và dầu đó. Số xăng và dầu bán được trong tuần thứ nhất gấp đôi số xăng và dầu bán được trong tuần thứ hai. Hỏi sau hai tuần bán, cửa hàng còn lại bao nhiêu lít xăng và dầu?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 11. Một người bán chiếc quạt với giá 300 000 đồng thì được lãi 10% trong giá bán. Hỏi để lãi 15% giá gốc thì phải bán chiếc quạt với giá bao nhiêu?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 13. Giá một chiếc mũ bảo hiểm là 108 000 đồng. Để thu hút khách hàng, người ta quyết định hạ giá 17,5%. Tính giá của chiếc mũ bảo hiểm sau khi hạ giá.

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 14. Một lớp có 25% học sinh giỏi, 55% học sinh khá còn lại là học sinh trung bình. Tính số học sinh của lớp đó biết số học sinh trung bình là 5 bạn?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 15. Giá một chiếc cặp học sinh là 45 000 đồng. Nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1-6, cửa hàng hạ giá 16% ; tuy vậy, cửa hàng vẫn được lãi 5% (so với tiền vốn của chiếc cặp đó). Hỏi tiền vốn của chiếc cặp là bao nhiêu đồng ?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 16. Hai cửa hàng A và B cùng bán sách theo giá ghi trên bìa sách. Để thu hút khách hàng, cửa hàng A hạ giá 20% của giá ghi trên bìa ; cửa hàng B hạ giá hai lần, lần 1 hạ 10% của giá ghi trên bìa, lần 2 hạ tiếp 10% của giá trước đó. Nếu em đi mua sách thì em sẽ vào cửa hàng nào để mua được sách rẻ hơn ?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

……
……
……
……

Bài 17. Một cửa hàng tính rằng khi giảm giá bán 5% thì lượng hàng bán được đã tăng 30%. Hỏi sau chiến dịch giảm giá cửa hàng sẽ thu được nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu phần trăm so với không thực hiện giảm giá?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 18. Khi trả bài kiểm tra toán của lớp 5A, cô giáo nói: "Số điểm 10 chiếm 25%, số điểm 9 ít hơn 5%". Biết rằng có tất cả 18 điểm 9 và 10. Hỏi lớp 5A có bao nhiêu bạn?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 19. Khối lượng công việc tăng 32%. Hỏi phải tăng số người lao động thêm bao nhiêu phần trăm để năng suất lao động tăng 10%.

……
……
……

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 20. Tổng của hai số bằng 25% thương của hai số đó cũng bằng 25%. Tìm hai số đó.

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 21. Giá của một bộ quần áo mặc ở nhà của bé gái là 379 000 đồng. Mẹ mua cho Hoa bộ quần áo đó được giảm 40%. Hỏi:

a) Mẹ được giảm bao nhiêu tiền?

b) Mẹ đã phải trả bao nhiêu tiền để mua bộ quần áo đó?

Bộ mặc nhà bé gái
379000 đồng
Giảm 40%

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 22. Mẹ phải trả 126 000 đồng khi mua cho Nam một chiếc áo phông trong đợt giảm giá 30%. Hỏi khi chưa giảm, áo phông mẹ mua cho Nam Có giá bao nhiêu tiền?

Áo phông dài tay
Giảm giá: 30%
Giá sau giảm: 126 000 đồng

……
……
……
……
……
……
……
……
……

ĐÁP ÁN

Bài 1. B. 46,3%

Bài 2. C. 35%

Bài 3. C. 840m

Bài 4. B. 340 000 đồng

Bài 5. A. 1200m

Bài 6. B. 3,78

Bài 7. B. 32258 người

Bài 8.

a) 4,2 : 5 x 2 = 4,2 : 10
= 0,42 S

b) 4,2 : 5 x 2 = 0,84 x 2
= 1,68 Đ

c) 3,6 : 15 : 3 = 3,6 : 5
= 0,72 S

d) 3,6 : 15 : 3 = 0,24 : 3
= 0,08 Đ

Bài 9.

6% = 3/ 50 ; 54% = 27/50 ; 185% = 37/20

Bài 10. Bài giải

Tuần thứ nhất cửa hàng bán được số lít xăng dầu là:

28 000 x 45 : 100 = 12 600(l)

Tuần thứ hai cửa hàng bán được số lít xăng dầu là:

12 600 : 2 = 6 300(l)

Sau hai tuần bán, cửa hàng còn lại số lít xăng dầu là:

28 000 - (12 600 + 6 300) = 9 100 (l)

Đáp số : 9100 lít xăng và dầu

Bài 11. Bài giải

Ban đầu người đó lãi số tiền là :

300 000 x 10 : 100 = 30 000(đồng)

Giá gốc chiếc quạt là :

300 000 - 30 000 = 270 000 (đồng)

Nếu lãi 15% giá gốc thì số lãi thu được là :

270 000 x 15 : 100 = 40 500 (đồng)

Để lại 15% giá gốc thì phải bán chiếc quạt với giá :

270 000 + 40500 = 310 500 (đồng)

Bài 13. Bài giải

Số tiền hạ giá của một chiếc mũ là :

108000 : 100 x 17,5 = 18900 (đồng)

Giá bán chiếc mũ là :

108000 – 18900 = 89100 (đồng)

Đáp số : 89 100 đồng.

Bài 14. Bài giải

Nếu coi tổng số học sinh của lớp là 100% thì số học sinh trung bình so với số học sinh của lớp là:

100% - (25% + 55%) = 20%

Số học sinh của lớp là:

5 : 20 x 100 = 25 (học sinh)

Đáp số: 25 học sinh

Bài 15.

Bài giải

Một chiếc cặp giảm số tiền là :

45 000 x 16 : 100 = 7 200 (đồng)

Giá bán của chiếc cặp sau khi hạ giá là :

45000 – 7200 = 37800 (đồng)

Coi tiền vốn là 100%

Tỉ số phần trăm của số tiền bán và số tiền vốn là :

5% + 100% = 105% (tiền vốn)

Vì số tiền bán là 37 800 đồng nên số tiền vốn là :

37800 : 105 x 100 = 36000 (đồng)

Đáp số : 36 000 đồng

Bài 16. Bài giải

Coi giá của mỗi quyển sách ghi trên bìa là 100%.

Giá bán sách của cửa hàng A là :

100% – 20% = 80% (giá ghi trên bìa)

Giá của mỗi quyển sách ở cửa hàng B sau lần hạ giá thứ nhất là :

100% – 10% = 90% (giá ghi trên bìa)

Giá bán sách của cửa hàng B là :

90% – 90% x 10 : 100 = 81% (giá ghi trên bìa)

Vì 80% < 81%, nên em sẽ vào cửa hàng A để mua sách.

Bài 17.

Bài giải*:*

Giá mới so với giá cũ là:

100% - 5% = 95%.

Lượng hàng bán được sau giảm giá so với khi chưa giảm giá là:

100% + 30% = 130%

Số tiền thu được trong chiến dịch so với nếu không làm chiến dịch là:

95% x 130% = 123,5 % > 100%

Do đó cửa hàng đã thu được nhiều hơn:

123,5% - 100% = 23,5%

Đáp số: Nhiều hơn 23,5%.

Bài 18.

Bài giải:

Tỉ số phần trăm số bạn điểm 9 là:

25% - 5% = 20%

Tỉ số phần trăm học sinh đạt điểm 9 và 10 so với số học sinh cả lớp là:

25% + 20% = 45%

1% số học sinh của lớp là:

18 : 45% = 0, 4 (bạn)

Sĩ số lớp là:

0,4 x 100 = 40 (bạn).

Đáp số: 40 bạn.

Bài 19. Bài giải:

Nếu coi khối lượng công việc cũ là 100% thì khối lượng công việc mới so với công việc cũ là.

100% + 32% = 132%.

Nếu coi năng suất lao động cũ là 100% thì năng suất lao động mới so với năng suất lao động cũ là:

100% + 10% = 110%

Để thực hiện được khối lượng công việc mới với năng suất lao động mới thì số công nhân phải đạt tới mức là:

132% : 110% = 120%

Vậy tỉ số phần trăm số công nhân phải tăng thêm so với số cũ là:

1

120% - 100% = 20%

Đáp số: 20%

Bài 20. Bài giải:

Ta có 25% = 0,25 , 25% = 1/4

Số thứ nhất là 0,25 : (1+4) = 0,05

Số thứ hai là 0,25 – 0,05 = 0,2

Đáp số: 0,05 và 0,2

Bài 21.

Bài giải

Số tiền mẹ được giảm là : 379 000 x 40 : 100 = 151 600(đồng)

Mẹ phải trả số tiền là : 379 000 - 151 600 = 227 400 (đồng)

Đáp số : 227 400 đồng

Bài 22.

Bài giải

Coi giá bán ban đầu là 100% thì giá bán sau khi hạ chiếm số phần trăm là :

100% - 30% = 70%

Giá bán chiếc áo phông khi chưa giảm giá là :

126 000 : 70 x 100 = 180 000(đồng)

Đáp số : 180 000 đồng

TUẦN 18
HÌNH TAM GIÁC. DIỆN TÍCH TAM GIÁC. HÌNH THANG

I. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ.

1. Hình tam giác

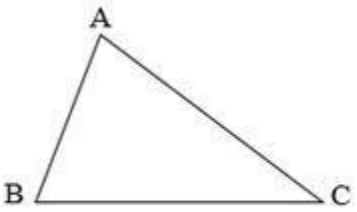

Hình tam giác ABC có:
- Ba cạnh là: cạnh AB , cạnh AC , cạnh BC .
- Ba đỉnh là: đỉnh A , đỉnh B , đỉnh C.
- Ba góc là:

Góc đỉnh A , cạnh AB và AC (gọi tắt là góc A);
Góc đỉnh B , cạnh BA và BC (gọi tắt là góc B);
Góc đỉnh C , cạnh CA và CB (gọi tắt là góc C).

b) Các loại hình tam giác

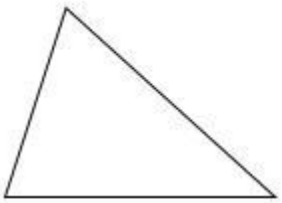

Hình tam giác có ba góc nhọn

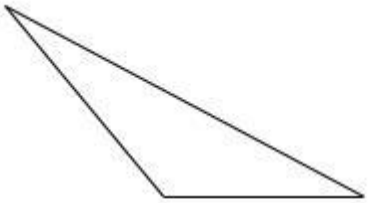

Hình tam giác có một góc tù và hai góc nhọn

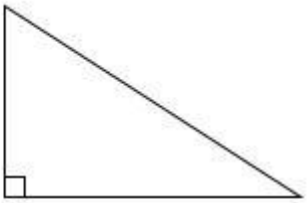

Hình tam giác có một góc vuông và hai góc nhọn (gọi là hình tam giác vuông)

c) Cách xác định đáy và đường cao của hình tam giác

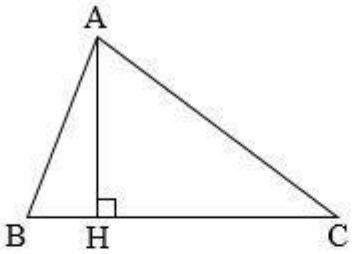

BC là đáy, AH là đường cao tương ứng với đáy BC. Độ dài AH là chiều cao.

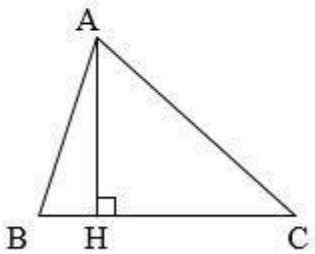

AH là đường cao ứng với đáy BC

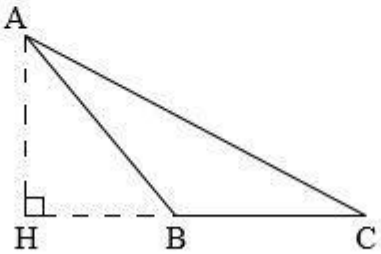

AH là đường cao ứng với đáy BC

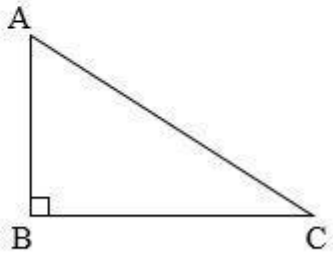

AB là đường cao ứng với đáy BC

Chú ý: Trong hình tam giác, độ dài đoạn thẳng từ đỉnh vuông góc với đáy tương ứng gọi là chiều cao của hình tam giác.

2. Diện tích hình tam giác

Quy tắc: Muốn tính diện tích hình tam giác ta lấy độ dài đáy nhân với chiều cao (cùng một đơn vị đo) rồi chia cho 2.

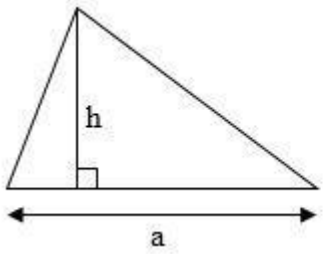

$$S = \frac{a \times h}{2} \text{ hoặc } S = a \times h : 2$$

(S là diện tích, a là độ dài đáy, h là chiều cao)

Chú ý: Muốn tính diện tích tam giác vuông ta lấy độ dài hai cạnh góc vuông nhân với nhau (cùng một đơn vị đo) rồi chia cho 2

3. Hình thang

Cái thang

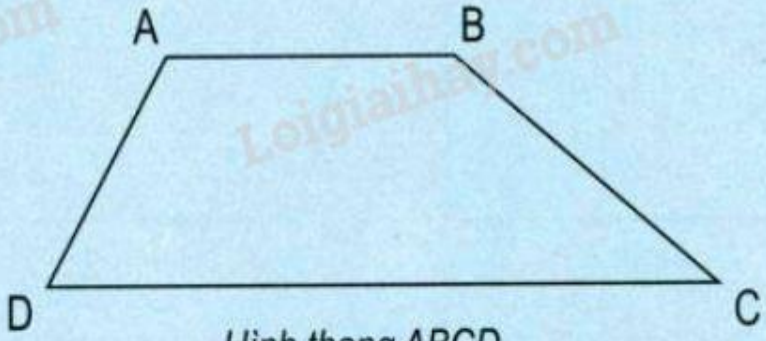

Hình thang ABCD

Hình thang ABCD có :

- Cạnh đáy AB và cạnh đáy DC. Cạnh bên AD và cạnh bên BC.
- Hai cạnh đáy là hai cạnh đối diện song song.

Hình thang có một cặp cạnh đối diện song song.

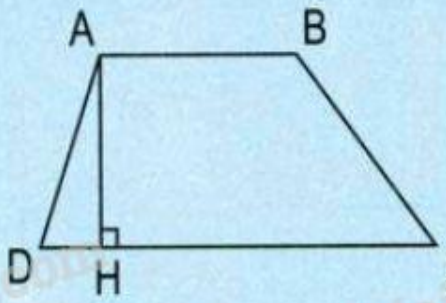

AH là đường cao. Độ dài AH là chiều cao

II. LUYỆN TẬP

Bài 1. Viết tên đáy và đường cao hình tam giác sau:

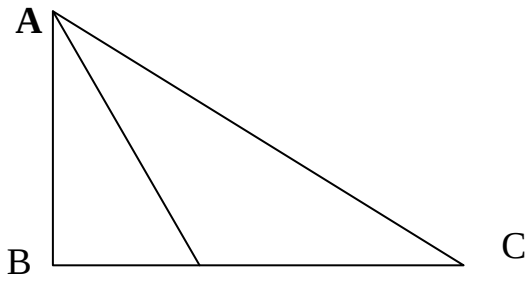

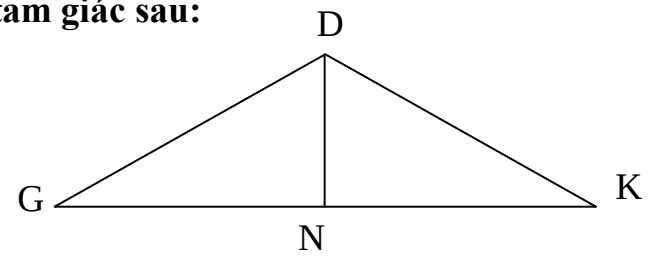

H

…….

……..

…….

……..

Bài 2. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng. Diện tích hình tam giác vuông MNP là:

A. 66cm^2 B. 66dm^2

C. 660cm^2 D.1320cm^2

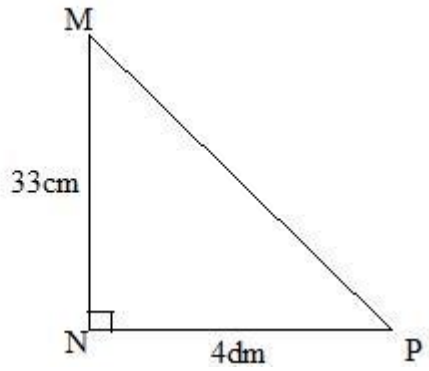

Bài 3. Nếu độ dài đáy của một hình tam giác tăng thêm 20% thì diện tích hình đó:

A. tăng 20% B. tăng 10% C. Tăng 120%

Bài 4. Trong một tam giác nếu độ dài đáy thêm 20% đồng thời giảm chiều cao 20% thì diện tích sẽ:

A. tăng 40% B. không đổi C. giảm 4% D. Giảm 96 %

Bài 5. Tính diện tích hình tam giác có đọ dài đáy là 12cm và chiều cao là 8cm. Cách tính nào đúng?

A. (12 + 8) x 2 = 40 (cm^2)

B. (12 x 8) x 2 = 192 (cm^2)

C. (12 x 8) : 2 = 48(cm^2)

Bài 6.Tính diện tích hình tam giác có độ dài đáy là 24,5 cm và chiều cao là 13,6 cm :

A. 333,2cm^2 B. 166,6 cm^2 C. 76,2cm^2 D. 666,4cm^2

Bài 7. Trong vườn cây nhà bác Năm có 45 cây xoài, 75 cây cam và 30 cây nhãn. Số cây nhãn chiếm bao nhiêu phần trăm số cây trong vườn?

A. 10% B. 20% C. 30% D. 40%

Bài 8. Nối (theo mẫu)

Tỉ số phần trăm của 2,5 và 12,5 là	32%
Tỉ số phần trăm của 24 và 75 là	12,5%
Tỉ số phần trăm của 63 và 125 là	20%
Tỉ số phần trăm của 65 và 520	50,4%

Bài 9. Điền số đo thích hợp vào ô trống

Độ dài đáy	Chiều cao	Diện tích tam giác
12cm	34cm	
12cm		204cm^2
	34cm	204cm^2

Bài 10. Một trường học có 492 học sinh nam, chiếm 48% số học sinh toàn trường. Tính số học sinh nữ của trường đó?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 11. Tính diện tích tam giác AMC biết :

BM = 9cm ; MC = 4cm

Diện tích hình tam giác ABM = 27,9cm^2

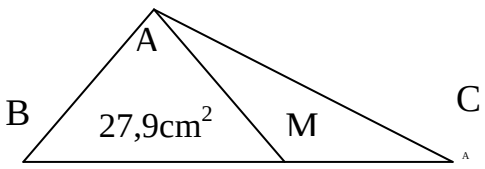

……
……
……
……
……
……

……
……
……
……

Bài 12. Tìm y

1,2 - y + 0,6 = 0,45 2,21 : y = 0,6 + 0,25

……
……
……
……
……
……

Bài 13. Tính bằng cách thuận tiện nhất

a) 17,89 : 25 - 4,89 : 25 = b) 28 + 62 x a x (a x 1 - a: 1) + 28 x 8 + 28

……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 14. Một mảnh vườn có hình tam giác có diện tích 600m^2, người ta dành 20% diện tích đất để trồng hoa, 50% diện tích đất để trồng cây ăn quả, còn lại để trồng rau.

Hỏi diện tích đất trồng rau là bao nhiêu mét vuông?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 15. Một người cấy lúa trên thửa ruộn hình tm giác có chiều cao bằng 25m, và bằng 5/4 cạnh đáy của thửa ruộng. Mỗi vụ lúa, cứa $10m^2$ thì thu được 8,2 kg thóc. Tính số thóc thu được trên thửa ruộng đó trong mỗi năm. Biết mỗi năm người đó cây hai vụ lúa.

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 16. Một hình tam giác có diện tích là 624, 72 cm^2 và có chiều cao là 27,4cm. Tính cạnh đáy của tam giác đó?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 17. Một hình tam giác có diện tích là 224, 36 cm^2 và có cạnh đáy là 28,4cm. Tính chiều cao tương ứng của tam giác đó?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

……
……

Bài 18. Một hình tam giác có cạnh đáy bằng chiều dài hình chữ nhật, chiều cao bằng chiều rộng hình chữ nhật đó. Hỏi diện tích hình tam giác bằng bao nhiêu phần trăm diện tích hình chữ nhật.

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 19.

Để thu hút khách hàng vào dịp cuối năm, cửa hàng giảm giá 25% các mặt hàng.

Bộ cốc và bình thủy tinh giá 200 000 đồng.
Giảm còn : ……..

Bộ nồi inox giá 1 500 000 đồng.
Giảm còn : ……..

Bài 20. Với lãi suất tiết kiệm là 0,65% một tháng. Nếu gửi tiết kiệm 15 000 000đồng Thì sau một tháng cả tiền lãi và tiền gửi là bao nhiêu?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

ĐÁP ÁN

Bài 1.

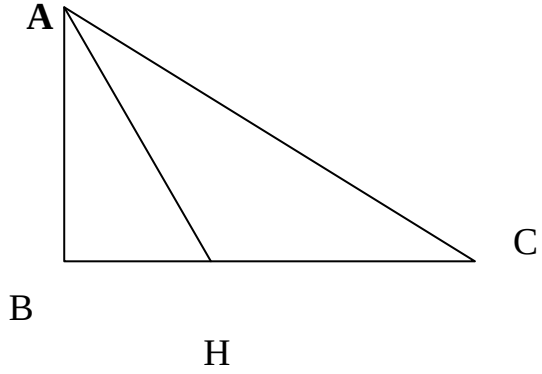

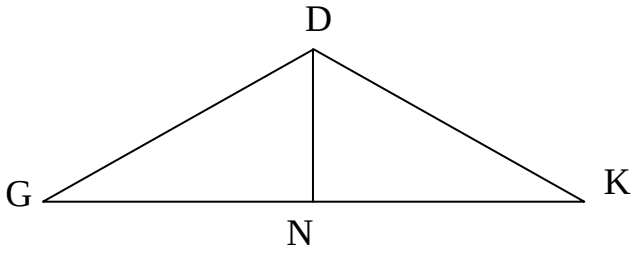

Đáy là BC

Đường cao AB

Đáy GK, đường cao DN

Bài 2. C. 660cm^2

Bài 3. A. tăng 20%

Bài 4. C. giảm 4%

Bài 5. C. (12 x 8) : 2 = 48(cm^2)

Bài 6. B. 166,6 cm^2

Bài 7. B. 20%

Bài 8.

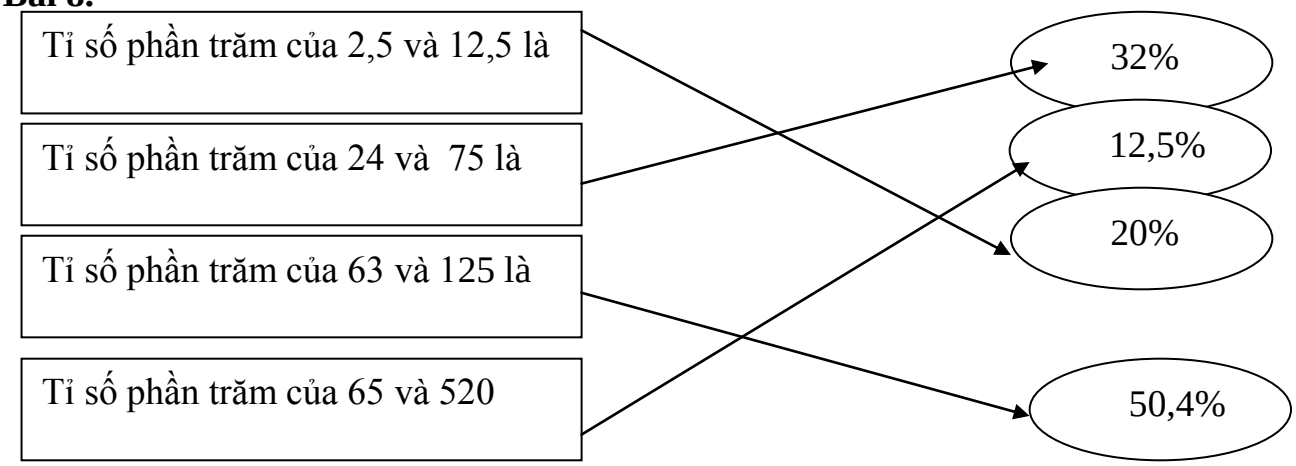

Bài 9.

Độ dài đáy	Chiều cao	Diện tích tam giác
12cm	34cm	204cm^2
12cm	34cm	204cm^2
12cm	34cm	204cm^2

Bài 10. Bài giải

Số họ sinh toàn trường là :

492 : 48 x 100 = 1025 (học sinh)

Trường đó có số học sinh nữ là :

1025 - 492 = 533 (học sinh)

Đáp số : 533 học sinh.

Bài 11. **Bài giải**

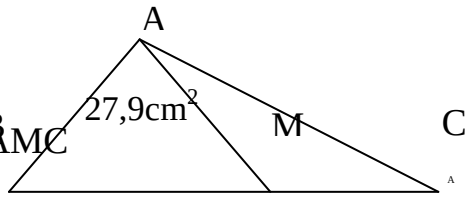

Chiều cao tam giác ABM là :

27,9 x 2 : 9 = 6,2(cm)

Đường cao tam giác ABM cũng là đường cao của tam giác AMC

Diện tích tam giác AMC là :

4 x 6,2 : 2 = 12,4 (cm^2)

Đáp số : 12,4 cm^2

Bài 12.

1,2 - y + 0,6 = 0,45

1,8 - y = 0,45

y = 3,8 - 0,45

y = 3,35

2,21 : y = 0,6 + 0,25

2,21 : y = 0,85

y = 2,21 : 0,85

y = 2,6

Bài 13.

a) 17,89 : 25 - 4,89 : 25

= (17,89 - 4,89) : 25

= 13 : 25

= 0,52

b) 28 + 62 x a x (a x 1 - a: 1) + 28 x 8 + 28

= 28 x 1+ 62 x a x 0 + 28 x 8 + 28 x 1

= 28 x 1+ 28 x 8 + 28 x 1

= 28 x (1 + 8+ 1)

= 28 x 10 = 280

Bài 14.

Bài giải

Diện tích để trồng hoa là

600 : 20 x 100 = 120 (m^2)

Diện tích để trồng cây ăn quả là

(600 - 120) x 50 : 100 = 240 (m^2)

Diện tích trồng rau là

600 - 120 - 240 = 240 (m^2)

Đáp số : 240 m^2

Bài 15.

Bài giải

Độ dài đáy hình tam giác đó là :

25 x 4 : 5 = 20 (m)

Diện tích thửa ruộng đó là :

20 x 25 : 2 = 250 (m^2)

Mỗi vụ lúa thửa ruộng đó thu hoạch được số thóc là :

250 : 10 x 8,2 = 205 (kg)

Trong một năm thửa ruộng đó thu hoạch được số thóc là :

205 x 2 = 410 (kg)

Đáp số : 410 kg thóc.

Bài 16.

Bài giải

Cạnh đáy của tam giác đó là :

624,72 x 2 : 27,4 = 45,6 (cm)

Đáp số : 45,6 cm

Bài 17.

Bài giải

Chiều cao tương ứng của tam giác đó là :

224,36 x 2 : 28,4 = 15,8 (cm)

Đáp số : 15,8 cm

Bài 18.

Bài giải

Gọi chiều dài HCN là a, chiều rộng HCn là b

Diện tích hình chữ nhật là : a x b

Diện tích hình tam giác là : a x b : 2

Tỉ số phần trăm diện tích hình tam giác so với diện tích hình chữ nhật là :

a x b : 2 : a x b = (a x b : a x b) : 2 = 1 : 2 = 0,5

0,5 = 50%

Đáp số : 50%

Bài 19.

Bộ cốc và bình thủy tinh giá 200 000 đồng.
Giảm còn :150 000 đồng

Bộ nồi inox giá 1 500 000 đồng.
Giảm còn : 1 125 000 đồng

Bài 20.

Bài giải

Số tiền lãi người đó nhận được sau 1 tháng là

15 000 000 x 0,65 : 100 = 97 500(đồng)

Sau 1 tháng cả tiền lãi và tiền gửi là :

15 000 000 + 97 500 = 15 097 500(đồng)

Đáp số : 15 097 500 đồng

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1

ĐỀ 1

PHẦN I. Trắc nghiệm

Câu 1. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng: Số 1942,54 đọc là:

A. Một trăm bốn mươi hai phẩy năm tư.

B. Một nghìn chín trăm bốn mươi hai phẩy năm mươi tư.

C. Một nghìn chín trăm bốn hai phẩy năm mươi tư.

D. Một trăm bốn mươi hai phẩy năm mươi tư.

Câu 2. Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S** vào ô trống dưới đây:

$8\frac{5}{2} = \frac{21}{2}$ ☐ $5\frac{3}{4} = \frac{14}{3}$ ☐

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

4km 37m=..... .....m 8m 12cm=..... cm

Câu 4. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Một cửa hàng bỏ ra 6 000 000 đồng tiền vốn. Biết cửa hàng đó lãi 15%. Tính số tiền lãi?

A. 900 000 đồng B. 5 100 000 đồng

C. 6 900 000 đồng D. 40 000 000 đồng

Câu 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm dưới đây:

Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi là 320m, biết chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tính diện tích của mảnh vườn đó?

Đáp số:

.....

PHẦN II. Trình bày bài giải các bài toán sau

Câu 6. Đặt tính rồi tính.

58,2 + 24,3 0,36 + 4,108 68,4 - 25,7 8 - 0,56

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 7. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi là 131,36m và chiều dài hơn chiều rộng là 5,32m. Tính diện tích mảnh vườn đó?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....

Câu 8 . Khi thực hiện phép cộng hai số thập phân, một bạn học sinh đã viết nhầm dấu phẩy của một số hạng sang bên trái một hàng nên tổng tìm được là 36,074. Hãy tìm hai số đó biết tổng đúng là 149,96.

Câu 9. Tính bằng cách thuận tiện nhất.

56,9 + 18,4 + 43,1 + 0,6 b) 1,72 + 5,36 + 7,64 + 8,28

.....
.....
.....
.....
.....
.....
……..
.....

ĐỀ 2

Phần I. Trắc nghiệm . Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1. Đọc số thập phân: 32,407

A. Ba mươi hai phần bốn trăm linh bảy. B. Ba mươi hai và bốn trăm linh bảy.

C. Ba mươi hai phẩy bốn trăm linh bảy. D. Ba hai phẩy bốn trăm linh bảy.

Câu 2.Viết số thập phân sau về phân số thập phân: 0,008.

A. $\frac{8}{10000}$ B. $\frac{8}{1000}$ C. $\frac{8}{100}$ D. $\frac{8}{10}$

Câu 3 . Số thập phân có : không đơn vị , một phần nghìn

A. 0,0001 B. 0,001 C. 0,01 D. 0,1

Câu 4. Trong các số đo dưới đây, số đo bằng 12,026 km là:

A. 12km 260m B. 12260m C. 12026m D. 1226m

Câu 5 . Số thích hợp điền vào chỗ chấm : 2kg235g = ……g là:

A. 2,235g B. 223,5 g C. 2235g D. 2325g

Câu 6. Tỉ số phần trăm của hai số 40 và 25 là:

A. 16% B. 62,5% C. 160% D. 106%

Câu 7. Tìm số dư trong phép chia 0,6159 : 0,52 (số thương chỉ lấy đến hai chữ số phần thập phân)

A. 0,0023 B. 0,023 C. 0,23 D. 23

Phần II. Tự luận

Câu 8. Đặt tính rồi tính

a) 325,75 + 493,13 b) 142,43 - 34,38

……

……

……

……

……

……

……

……

……

c) 23,6 x 4,3 d) 50,5 : 2,5

……

……

……

……

……

……

……

……

……

Câu 9. Một đám đất hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng là 7,5m, chiều dài bằng $\frac{3}{2}$ chiều rộng. Tính diện tích của mảnh đất đó.

……

……

……

.....
.....
.....

Câu 10. Một cửa hàng có 500 kg ngô. Ngày thứ nhất bán được 30% số ngô đó, ngày thứ hai bán được 70% số ngô còn lại. Hỏi cả hai ngày cửa hàng bán được bao nhiêu kg ngô.

ĐỀ 3

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

a) Số thập phân gồm hai mươi bốn đơn vị, tám phần nghìn được viết là:

A. 24,0008 B. 24, 008 C. 24, 08 D.24,8000

b). Trong các số thập phân dưới đây, chữ số 5 của số thập phân nào chỉ hàng phần trăm:

A. 501,47 B. 123,05 C. 653 D. 235,41

Câu 2.

Một cửa hàng có 500 kg ngô. Cửa hàng bán được 30% số ngô đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ngô? Đáp số: ……

Câu 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5,34km^2 = ...ha b) 2303g = ...kg .....g

Câu 4. Tìm số dư trong phép chia 0,6159 : 0,52 (số thương chỉ lấy đến hai chữ số phần thập phân)

A. 0,0023. B. 0,023 C. 0,23 D. 23

Câu 5. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Một hình chữ nhật có chiều rộng 15,62m, chiều dài hơn chiều rộng 4,52m. Chu vi hình chữ nhật đó là:

A. 20,14m B. 35,76 C. 70,6024m D. 71,52 m

Phần II. Tự luận

Câu 6. Đặt tính rồi tính.

68,34 + 40,18 85,65 – 27,35 37,05 x 2,6 77,5 : 2,5

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 7. Một người bán 120kg gạo, trong đó có 65% là gạo tẻ, còn lại là gạo nếp. Hỏi người đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo nếp?

……
……
……
……
……
……
……
……

……
……
……
……
Câu 8. Tính theo cách thuận tiện.

a) 998 x 199,8 + 199,8 + 199,8 b) 0,5 x 0,25 x 0,2 x 4

……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 9. Khi cộng hai số thập phân người ta đã viết nhầm dấu phẩy của số hạng thứ hai sang bên phải một chữ số do đó tổng tìm được là 49,1. Tìm hai số đó biết tổng đúng là 27,95.

……
……
……
……
……
……
……

Câu 10. Cả ba xe chở 147 học sinh đi tham quan . Biết rằng $\frac{2}{3}$ số học sinh của xe thứ nhất bằng $\frac{3}{4}$ số học sinh của xe thứ hai và bằng $\frac{4}{5}$ số học sinh của xe thứ ba . Hỏi mỗi xe chở bao nhiêu học sinh ?

……
……
……
……
……
……
……

ĐỀ 4

PHẦN I. Trắc nghiệm

Câu 1. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng.

Chữ số 5 trong số 808,50 thuộc hàng:

A. hàng đơn vị B. hàng phần mười C. hàng phần trăm D. hàng phần nghìn

Câu 2. Đúng ghi Đ, sai ghi **S** vào ô trống trước ý trả lời đúng.

a) 4m 23cm = 423 cm ☐ b) 75 000kg = 7500 tấn ☐

Câu 3. Nối hai phép tính có cùng kết quả.

37,568 : 10	137,4 x 0,01
0,953 : 10	37,568 x 0,1
137,4 : 100	458,34 x 0,01
458,34 : 100	0,953 x 0,1

Câu 4.

Diện tích hình tam giác có độ dài đáy là 4cm và chiều cao 7cm là …….

Câu 5. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng. *(Toán 5- tr 50)*

Tính tỉ số phần trăm của 2,8 và 8 :

A. 0,35% B. 3,5% C. 35% D. 3500%

Câu 6. Mua 12 quyển vở hết 24000 đồng.Vậy mua 30 quyển vở như thế hết số tiền là:

A. 600000đ B. 60000đ C.6000đ D.600đ

PHẦN II. Trình bày bài giải các bài toán sau

Câu 7. Tính.

a) 576 : 12 – 3,6 x 2,5 b) 0,3 + 120,18 x 0,1

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 8. Một sân trường hình chữ nhật có chu vi là 240 m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Hỏi diện tích sân trường bằng bao nhiêu mét vuông, bao nhiêu héc - ta?

……
……
……
……

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 9. Tìm y.

a) y x (2,8 : 0,2) = 5,86 x 7

b) $\frac{48}{y} = \frac{6}{21}$

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 10. Biết diện tích hình chữ nhật ABCD là 2400 cm^2
Tính diện tích tam giác MDC?

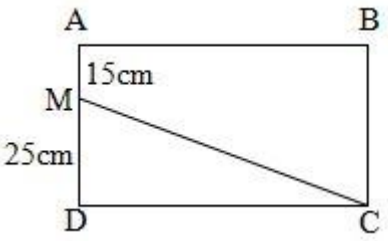

……
……
……
……
……
……
……
……

ĐỀ 5

PHẦN I. Trắc nghiệm

Câu 1. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Tìm 15% của 320kg ta được:

A. 38kg B. 48kg C. 50kg D. 72kg

Câu 2. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

84,36 là tích của:

A. 0,08436 và 100 B. 0,8436 và 100 C. 8,436 và 100 D. 843,6 và 10

Câu 3. Điền dấu (> , <, =) thích hợp vào ô trống

A. 8,7 + 2,3 ☐ 5,2 + 9,7 B. 5,89 - 2,34 ☐ 76 + 0,48

C. 4,9 x 0,1 ☐ 4,9 : 100 D. 100 - 62,28 ☐ 12,15 x 3,07

Câu 4. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng.

Một lớp học có 40 học sinh, trong đó có 16 học sinh nữ còn lại là học sinh nam. Tìm tỉ số phần trăm của số học sinh nam và số học sinh cả lớp?

A. 0,6% B. 6% C. 60% D. 600%

Câu 5.

Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Diện tích hình tam giác vuông có độ dài hai cạnh góc vuông lần lượt là 3cm và 4cm là :

……..……..……..……

……

PHẦN II. Trình bày bài giải các bài toán sau

Câu 6.Tính bằng cách thuận tiện nhất.

a) 9,65 x 0,4 x 2,5 b) $A = \frac{1}{2 \times 3} + \frac{1}{3 \times 4} + \frac{1}{4 \times 5} + \frac{1}{5 \times 6}$

……

……

……

……

……

……

……

……

Câu 7. Một người bán 120kg gạo, trong đó có 35% là gạo nếp. Hỏi người đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo tẻ?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 8. Một giá sách có hai ngăn, số sách ở ngăn dưới bằng $\frac{5}{6}$ số sách ở ngăn trên. Nếu ngăn dưới bớt đi 11 quyển thì số sách ngăn dưới bằng $\frac{4}{7}$ số sách ở ngăn trên. Hỏi trên giá có bao nhiêu quyển sách?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
.....

Câu 9. Cho tam giác ABC có S = 150 cm^2. Nếu kéo dài đáy BC (về phía B) 5 cm thì diện tích sẽ tăng thêm 37,5 cm^2. Tính đáy BC của tam giác.

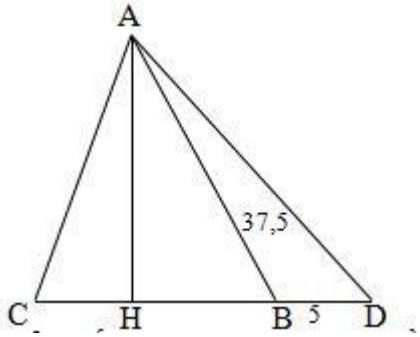

……
……
……
……
……
……
……

……
……
……

Câu 10. Tìm y

a) $\frac{24}{y} : \frac{8}{3} = \frac{3}{5}$

b) y x 3,18 = 56,019 - 16,11

……
……
……
……
……
……
……
……
……

ĐỀ 6

PHẦN I. Trắc nghiệm

Câu 1. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Kết quả của phép tính 125,2 +78,3 là:

A. 2,305 B.20,35 C. 203,5 D. 2035

Câu 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a) $9cm^2$ 7 mm^2 = 9,07 cm^2 ☐ b) 10kg 1g =10,01kg ☐

Câu 3. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Dãy số thập phân nào được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn:

A. 0,07; 0,5; 0,14; 0,8 B. 0,5; 0,07; 0,14; 0,8

C. 0,07; 0,14; 0,5; 0,8 D. 0,14 ; 0,5 ; 0,8 ; 0,07

Câu 4. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

Mua 4 m vải phải trả 60 000đồng. Mua 6,8m vải như thế phải trả nhiều hơn bao nhiêu tiền?

Đáp số: ……..……

.

Câu 5. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Trong bể có 25 con cá trong đó có 20 con cá chép. Tỉ số phần trăm của số cá chép và số cá trong bể là:

A. 5 % B. 20% C. 80 % D. 100%

PHẦN II. Trình bày bài giải các bài toán sau

Câu 6. Tính

a)(28,7 + 34,5) x 2,4 b) 73,42 - 8,568 : 3,6 + 48,32

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 7. Người ta dùng gỗ để lát sàn một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài 6m, chiều rộng 4m. Hỏi phải tốn bao nhiêu tiền mua gỗ để lát cả căn phòng đó biết giá tiền 1m^2 gỗ

sàn là 280 000 đồng?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
.....
……

Câu 8. Tìm *x*.

(x- 3,64) x 2,5 = 15,85 b) 52 × (y : 78) = 3380

……
……
……
……
……
……

Câu 9. Một mảnh đất có hình vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1000 là hình chữ nhật với chiều dài 5cm, chiều rộng 3cm. Tính diện tích mảnh đất đó bằng mét vuông.

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 10. Diện tích một tấm bìa hình chữ nhật là 604,64 cm^2 và bằng $\frac{4}{3}$ diện tích một hình tam giác. Tính cạnh đáy tấm bìa hình tam giác đó, biết chiều cao tấm bìa là 24cm.

ĐỀ 7

PHẦN I. Trắc nghiệm

Câu 1. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Dãy số nào dưới đây được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé:

A. 4,505; 4,503; 4,53; 4,23

B. 4,503; 4,53; 4,505; 4,23

C. 4,53; 4,505; 4,503; 4,23

Câu 2. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

15% của 320kg là:

A. 4,08kg B. 4,8kg C. 48kg D. 480kg

Câu 3. Điền số thích hợp vào ô trống

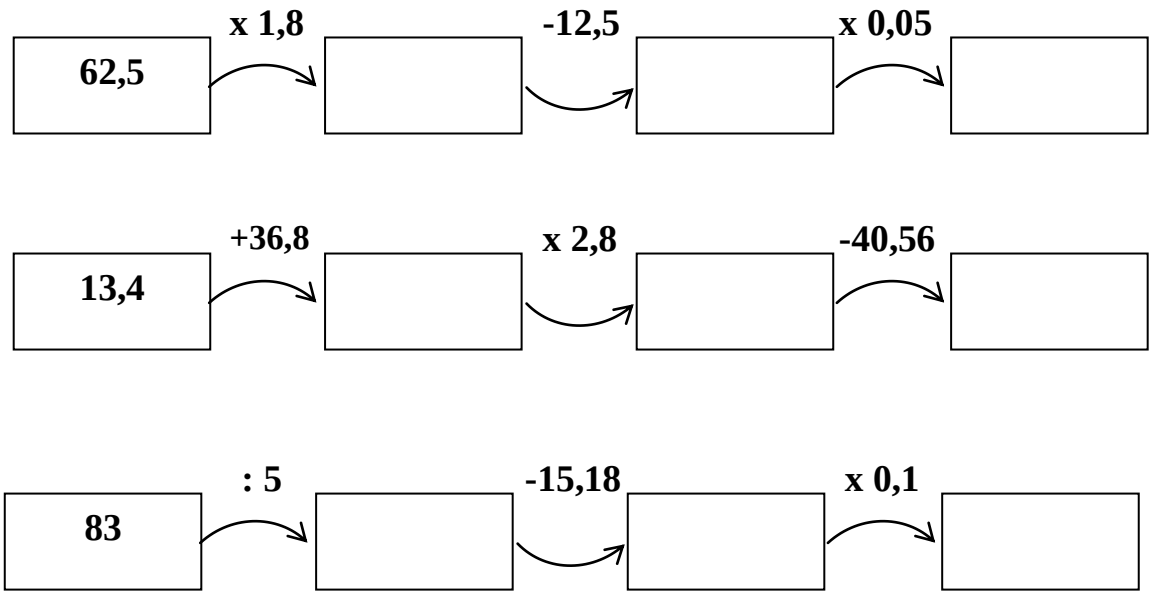

Câu 4. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Diện tích rừng Cúc Phương là 22 200 ha. Hãy viết số đo diện tích khu rừng đó dưới dạng số đo có đơn vị là ki-lô-mét vuông?

A. 22,2 km^2 B. 222 km^2 C. 2220km^2 D. 22200km^2

Câu 5. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

Một mảnh vải hình chữ nhật có chiều dài $\frac{4}{5}$ m, chiều rộng $\frac{2}{3}$ m. Chia tấm vải đó thành 4 phần bằng nhau. Tính diện tích của mỗi phần.

Đáp số: …… ….....…

PHẦN II. Trình bày bài giải các bài toán sau

Câu 6. Tính.

a) 207,5 – 12,3 x 2,4 b) 11,4 + 8,7 x 3,5 – 9,6

……

……

……

……

……

……
……
……
……
……
……
……

Câu 7.

Để lát nền một căn phòng có chiều dài 10m, chiều rộng 8m, người ta dùng loại gạch men hình vuông có cạnh 50cm. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch để lát kín nền căn phòng đó? (Diện tích mạch vữa không đáng kể).

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

.Câu 8. Khi thực hiện phép cộng hai số thập phân, một bạn học sinh đã viết nhầm dấu phẩy của một số hạng sang bên trái một hàng nên tổng tìm được là 36,074. Hãy tìm hai số đó biết tổng đúng là 149,96.

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 9. Một tấm vải sau khi giặt bị co mất 2% chiều dài ban đầu. Giặt tấm vải xong chỉ còn 29,4m. Hỏi trước khi giặt tấm vải dài bai nhiêu mét?

……
……
……
……

……
……
……
……
……
……
……
……
……
Câu 10. *(1 điểm)* Tìm *x*.

(0,56 : *x*) - 1,4 = 8,6

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

ĐỀ 8

PHẦN I. Trắc nghiệm

Câu 1. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Giá trị của chữ số 9 trong số 8,009 là :

A. 1000 B. 100 C. $\frac{9}{1000}$ D. $\frac{9}{100}$

Câu 2. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Trong các số thập phân 50,7; 45,203; 60,02; 45,302 số thập phân lớn nhất là:

A. 50,17 B. 45,203 C. 60,02 D. 45,302

Câu 3. Tỉ số phần trăm của 2,8 và 80 là :

A. 35% B. 350% C. 0,35% D. 3,5%

Câu 4. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng.

Một thùng đựng 28,75kg đường. Người ta lấy từ thùng đó ra 10,5kg đường, sau đó lại lấy ra 8kg đường nữa. Trong thùng còn lại số ki-lô-gam đường là:

A. 1,25kg B. 10,25kg C. 18,5kg D. 18,75kg

Câu 5. Nối mỗi biểu thức với giá trị đúng của nó

$206,5 \times 0,01$	$36,7 : 0,01 + 3,5$	$50 + 34 : 100$	$6,7 \times 100 + 30$
50,34	700	2,065	3675,5

PHẦN II. Trình bày bài giải các bài toán sau

Câu 6. Viết các số đo sau dưới dạng số đo có đơn vị là mét vuông :

a) 150 ha = ... 35 km^2 = ...

b) 1800 dm^2 = ... 78000 dm^2 = ...

c) 50 m^2 7 dm^2 = ... 16 m^2 7 dm^2 = ...

Câu 7. Tìm *x*.

a) *x* x 100 = 1,643 + 7,357 b) 0,16 : *x* = 2 – 0,4

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Một thửa ruộng có chiều dài 42m, chiều rộng kém chiều dài 16m. Người ta giảm chiều dài và tăng chiều rộng đi cùng một số để thửa ruộng tạo thành một hình vuông. Tính diện tích khu đất hình vuông.

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....

Câu 9. Cho tam giác ABC có đáy BC là 18 cm, Chiều cao AI là 8 cm. Gọi M là trung điểm
của cạnh đáy BC (như hình vẽ).

a) Tính diện tích tam giác ABM.

b) Tính tỉ số phần trăm của diện tích tam giác ABM so với diện tích tam giác ABC.

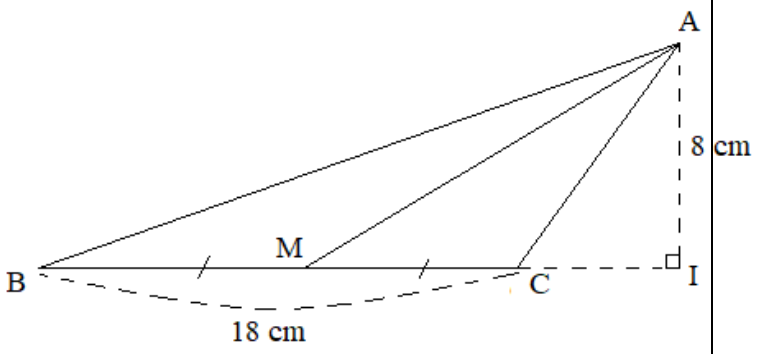

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 10. Tính bằng cách thuận tiện.

a) $\frac{45\times33\times8}{9\times11\times12}$

b) $\frac{8\times15\times9}{5\times3\times2}$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ 9

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ trước câu trả lời đúng

Bài 1. Cho số thập phân 72,364, chữ số 3 có giá trị là :

A. 3 B. $\frac{3}{10}$ C. $\frac{3}{100}$ D. $\frac{3}{1000}$

Câu 2. Số tiền gởi tiết kiệm là 100 000 đồng. Sau một tháng, cả tiền gởi lẫn tiền lãi là 101 000 đồng. Hỏi số tiền lãi bằng bao nhiêu phần trăm số tiền gởi?

A.101% B.1,01% C. 10,1% D.1%

Bài 3. 2800g bằng bao nhiêu kilôgam? A.280kg B.28kg C. 2,8kg D.0,28kg

Câu 4.

Cho các chữ số 3; 0; 5; 7

Hãy viết tất cả các số thập phân mà mỗi chữ số chỉ có mặt một lần trong số đó và phần thập phân có hai chữ số.

……
……
……
……
……
……

Câu 5. Nối phép tính với kết quả đúng

4,58 : 100	0,00458	4,58 x 0,01
4,58 : 10	0,0458	4,58 x 0,1
4,58 : 1000	0,458	4,58 x 0,001

PHẦN 2

Câu 6. Đặt tính rồi tính

a/ 39,72 + 46,18 b/ 95,64 – 27,35 c/ 31,05 x 2,6 d/ 77,5 : 2,5

……
……
……
……
……
……

Câu 7. So sánh A và B biết:

a) A = 198719871987 x 1988198819881988

B= 198819881988 x 1987198719871987

b) A = 19,91 x 19,99 và B = 19,95 x 19,95

……
……
……
……
……
……
……

Câu 8. Bạn An có 170 viên bi gồm hai loại: bi màu xanh và bi màu đỏ. Bạn An nhận thấy rằng $\frac{1}{9}$ số bi xanh bằng $\frac{1}{8}$ số bi đỏ. Hỏi bạn An có bao nhiêu viên bi xanh, bao nhiêu viên bi đỏ ?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 9. Diện tích của 1 hình chữ nhật sẽ thay đổi như thế nào nếu ta tăng chiều dài của nó lên 10% và bớt chiều rộng của nó đi 10%?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 10. Một đám đất hình chữ nhật có chiều dài và chiều rộng là các số tự nhiên. Chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Có diện tích từ 60 m^2 đến 80 m^2. Tính chu vi đám đất.

……
……
……
……
……
……
……
……
……

ĐỀ 10.

I. PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Một mảnh đất hình thoi có hai đường chéo dài 8,5 dam và 8dam. Tính diện tích mảnh đất theo ha là:

A. 3,4 ha B. 0,34 ha C. 0,034 ha

Câu 2. (1 điểm) Trung bình cộng của 1,12 ; 2,78 ; 3 là:

A. 3,93 B.20,70 C. 6,90 D. 2,3

Câu 3. Cho các số thập phân 2,58; 9,08; 1,003; 25,1; 3,41 xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A. 25,1; 2,58; 3,41; 9,08; 1,003 B. 25,1; 9,08; 3,41; 2,58; 1,003

C. 1,003; 2,58; 3,41; 9,08; 25,1 D. 25,1; 9,08; 3,41; 2,58; 1,003

Câu 4. Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) 124,8 + 41,05 + 7,2 = 173,05 ☐

b) 6,8 + 128,15 + 5,23 = 140,18 ☐

c) 52,17 + 10,23 + 8,05 = 70,55 ☐

d) 8,3 + 1,7 + 2,9 + 8,1 = 21 ☐

Câu 5. Một miếng bìa hình tam giác có cạnh đáy 8,5dm, chiều cao bằng cạnh đáy. Diện tích của miếng bìa là:

A. 72,25 dm^2 B.36,125 dm^2 C.4,25 dm^2 D.17 dm^2

II. PHẦN 2: TỰ LUẬN

Câu 6. Tính bằng cách thuận tiện

a) 4,75 x 3,9 + 4,75 x 2,7 + 4,75 x 3,4 b) 10,05 x 15,7 - 10,05 x 4,7 - 10,05

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 7. Một công nhân sản xuất được 72 sản phẩm trong 3 giờ. Nếu công nhân đó, làm việc trong 6,5 giờ thì sản xuất được bao nhiêu sản phẩm?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....

Câu 8. Trên một mảnh đất, diện tích đất làm nhà là $80m^2$. Diện tích đất còn lại là $320m^2$. Hỏi diện tích đất làm nhà chiếm bao nhiêu phần trăm diện tích đất còn lại?.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 9.

Cho hai số thập phân: 14,78 và 2,87. Hãy tìm số A sao cho thêm A vào số nhỏ, bớt A ở số lớn, ta được hai số có tỉ số là 4.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 10.

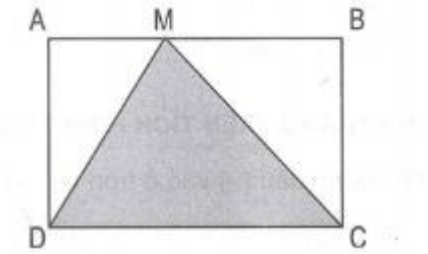

Tính diện tích hình tam giác MDC.

Biết hình chữ nhật ABCD có AB = 25 cm, BC = 16cm.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
..

ĐỀ 11

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)

Em hãy khoanh vào chữ cái đặt trước các câu trả lời đúng:

Câu 1. Viết thành tỉ số phần trăm: 0,19 = …….. %

A. 1,9% B. 0,19% C. 19% D. 190%

Câu 2: Một cửa hàng bán một chiếc ti vi được lãi 276 000 đồng và bằng 12% tiền vốn bỏ ra. Vậy giá bán chiếc ti vi đó là

A. 2567000 đồng B. 3452 000 đồng C. 3000000 đồng D. 2576 000 đồng

Câu 3:

a) Số thập phân gồm 10 đơn vị, 5 phần mười và 9 phần trăm được viết là:

A. 10,59 B. 1050,900 C. 10,508 D. 10,905

b) Số thích hợp viết vào chỗ chấm của $7cm^2\ 9mm^2 = ...mm^2$ là:

A. 79 B. 790 C. 709 D. 7 900

Câu 4: Tìm giá trị của x sao cho:

x – 1,27 = 13,5 : 4,5

A. 4,27 B. 1,73 C. 173 D. 1,37

Câu 5. Viết vào chỗ chấm.

Tìm số học sinh lớp 5A, biết $\frac{2}{5}$ số học sinh của lớp 5A là 10 em.

Số học sinh lớp 5A là :.....

II. PHẦN TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu 6. Đặt tính rồi tính

a) 658,3 + 96,28 b) 93,813 - 46,47 c) 37,14 x 82 d) 3080 : 5,5

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....**Câu 7:** Tìm y

a) y + 1,25 = 13,5 : 4,5 b) y x 4,25 = 1,7 x 3

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8: Người ta trồng lúa trên một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều rộng là 35m, chiều dài bằng $\frac{7}{5}$ chiều rộng. Cứ trung bình $1m^2$ thửa ruộng đó thu hoạch được 20kg thóc. Hỏi cả thửa ruộng trên thu hoạch được bao nhiêu tấn thóc?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

.Câu 9 .Mẹ cho hai anh em một số tiền để mua sách. Anh đã cho em bằng 40% số tiền của em. Số tiền còn lại của anh là 23000đồng. Số tiền của em sau khi nhận là 42000đồng. Hỏi mẹ đã cho mỗi người bao nhiêu tiền?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 10 . Tính nhanh:

$$\frac{1}{4} : 0,25 - \frac{1}{8} : 0,125 + \frac{1}{2} : 0,5 - \frac{1}{16} : 0,0625$$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ 12

Phần I: TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S :

a) Số 42,007 đọc là :

A. Bốn mươi hai phẩy bảy ☐

B. Bốn mươi hai phẩy linh bảy ☐

C. Bốn mươi hai đơn vị bảy phần nghìn ☐

D. Bốn mươi hai phẩy không trăm linh bảy ☐

Câu 2 .Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng :

Hiệu của hai số là 1,4. Nếu gấp 5 lần số bị trừ và giữ nguyên số trừ thì hiệu mới là 154,4. Vậy số bị trừ là :

A. 36,85 B. 38,25 C. 153 D 155,8

Câu 3. Tìm số tự nhiên a lớn nhất sao cho a x 6,7 < 34,5

A. a = 8 B. a = 7 C. a = 6 D. a = 5

Câu 4: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 3km 6 m = … m b) 4 tạ 9 yến = …kg

c) 15m 6dm = …cm d) 2yến 4hg = … hg

Câu 5: Viết tiếp vào chỗ chấm :

Trong một kho gạo có 320 tấn gạo tẻ và 80 tấn gạo nếp. Hỏi gạo nếp chiếm bao nhiêu phần trăm số gạo trong kho? Số gạo nếp bằng ……% số gạo trong kho.

Phần II: TỰ LUẬN

Câu 6: Đặt tính rồi tính :

a) 13,346 + 321,19

.....

.....

.....

b) 6232 – 46,9

.....

.....

.....

c) $987,03 \times 1,9$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

d) $39,858 : 18,2$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 7. Tìm y:

a) y - 1,57 = 6,28 - 2,86

b) 1,2 : y = 1,7 (dư 0,01)

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

.Câu 8. Hiện nay con 5 tuổi, mẹ gấp 7 lần tuổi con. Hỏi sau mấy năm nữa thì tuổi mẹ gấp 4 lần tuổi con?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

.Câu 9. Cho tam giác ABC có diện tích là 150 m^2 . Nếu kéo dài đáy BC (về phía B) 5 m thì diện tích tăng thêm là 35 m^2. Tính đáy BC của tam giác .

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 10. Tính: $(1 - \frac{1}{2}) \times (1 - \frac{1}{3}) \times (1 - \frac{1}{4}) \times (1 - \frac{1}{5})$

.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ 13

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

Câu 1. Số lớn nhất trong các số thập phân: 53,02; 35,2; 53,2; 32,05 là:

A. 53,2 B. 35,2 C. 53,02 D. 32,05

Câu 2. Chữ số 5 trong số thập phân 182,57 có giá trị là:

A. $\frac{5}{100}$ B. $\frac{5}{10}$ C. $\frac{5}{1000}$ D. 5

Câu 3. 4 giờ = …. phút

A. 16 B. 240 C. 24 D. 204

Câu 4. Một hình tam giác có cạnh đáy bằng chiều dài hình chữ nhật, chiều cao tam giác bằng chiều rộng hình chữ nhật đó. Hỏi diện tích hình tam giác bằng bao nhiêu phần trăm diện tích hình chữ nhật.

A. 30% B. 40% C. 50% D. 60%

Câu 5. Nối với kết quả đúng:

5 giờ 30 phút = … giờ

5,5 5,4 5,6 5,7

II. TỰ LUẬN

Câu 6.Đặt tính rồi tính:

a) 7,521 + 2,137

.....
.....
.....
.....

b) 23,5 x 4,2

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 7. Một nông trại nuôi trâu bò có số bò là 195 con chiếm 65% tổng số trâu bò. Hỏi số trâu của nông trường có bao nhiêu con?

……
……
……
……
……
……
……
……

……..……
……
……

Câu 8. Tính bằng cách thuận tiện nhất

$4,75 \times 3,9 + 4,75 \times 2,7 + 4,75 \times 3,4 =$

$10,05 \times 15,7 - 10,05 \times 4,7 - 10,05 =$

……
……
……
……
……
……
……
……
……..……
……
……

Câu 9. Tính diện tích của một hình vuông có chu vi bằng chu vi của hình chữ nhật có chiều dài 12 cm, chiều rộng 6 cm.

Bài giải

……
……
……
……
……

……
……
……

ĐỀ 14

Phần I: TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng :

Trong các phân số sau phân số nào là phân số thập phân:

A. $\frac{35}{20}$ B. $\frac{35}{101}$ C. $\frac{35}{1000}$ D. $\frac{35}{110}$.

Câu 2. Có 15 can dầu như nhau đựng tất cả 120 lít dầu. Hỏi 26 can dầu như thế đựng bao nhiêu lít dầu?

A. 108 lít B. 208 lít C. 308 lit D. 408 lít

Câu 3. Viết thành tổng theo các hàng của số thập phân 345,08

A. 345,08 = 3 x 100 + 4 x 10 + 5 + 8 x 0,1

B . 345,08 = 3 x 100 + 4 x 10 + 5 + 8 x 0,01

C. 345,08 = 3 x 100 + 4 x 10 + 5 + 8 x 0,001

D. 345,08 = 3 x 100 + 4 x 100 + 5 + 8 x 0,1

Câu 4. Tìm số dư trong phép chia 0,6159 : 0,52 (số thương chỉ lấy đến 2 chữ số phần thập phâ).

A. 23 B. 0,23 C. 0,023 D. 0,0023

Câu 5: Nối số đo bằng với số đo 5,03 m^2

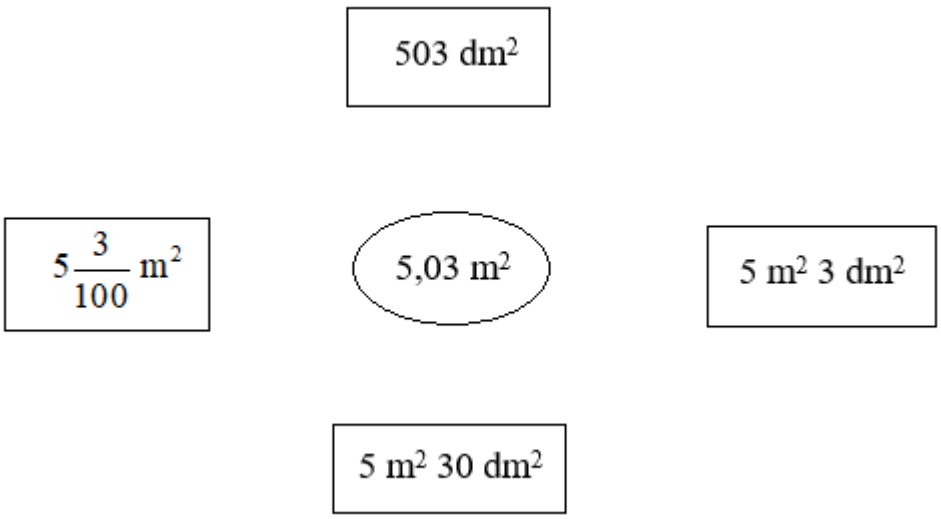

Phần II: TỰ LUẬN

Câu 6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $8dam^2$ =….. m^2 $3m^2$ = …. cm^2

7ha = …. m^2 $13km^2$ = …. ha

b) $300m^2$ = ….. dam^2 $2100dam^2$ = ….. hm^2

$50000m^2$ = …. ha 34000ha = …. km^2

Câu 7: Tính giá trị của biểu thức :

a) $\frac{3}{4} \times 8,4 + 2,8 \times 1\frac{1}{2}$ = ...

b) $\frac{3}{4} \times 2\frac{3}{9} + 45,8 \times 0,07 =$ .....

Câu 8:

Tính diện tích phần tô đâm của hình bên.

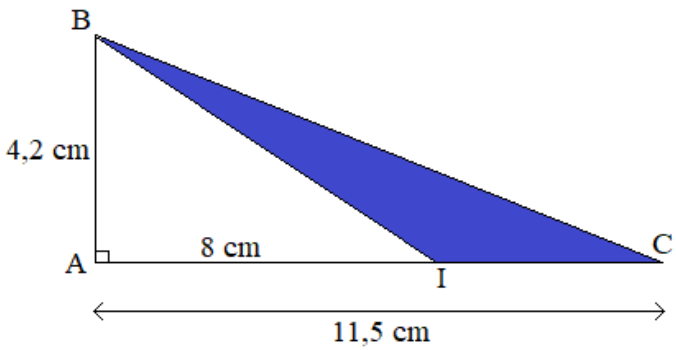

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9: Trường em có tất cả 660 học sinh. Khối lớp Bốn nhiều khối lớp Năm là 24 học sinh và ít hơn khối lớp Ba là 36 học sinh. Hỏi số học sinh mỗi khối là bao nhiêu ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 15

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM.

Em hãy khoanh vào chữ cái trước ý đúng:

Câu 1. Số 2,3 đọc là:

A. Hai đơn vị, ba phần trăm;

B. Hai đơn vị, ba phần trăm;

C. Hai mươi ba;

D. Hai phẩy ba.

Câu 2. Chữ số 7 trong số thập phân 23,547 có giá trị là?

A. $\frac{7}{10}$ B. $\frac{7}{100}$ C. $\frac{7}{1000}$ D. $\frac{7}{10000}$

Câu 3. Tỉ số phần trăm của 21 và 40 là :

A. 21,4% B. 5,25% C. 52,5% D. 525%

Câu 4. Tính diện tích của hình tam giác ABC, biết đáy độ dài đáy BC là 8cm và chiều cao AH là 5cm?

A. 80 cm^2 B. 60 cm^2 C. 40 cm^2 D. 20cm^2

Câu 5. Kết quả phép tính 5,2 x 2 + 7,9 – 1,2 = ?

A. 1,71 B. 117 C171 D. 17,1

II. TỰ LUẬN

Câu 6. Đặt tính rồi tính:

a. 658,3 + 96,28 b. 93,813 – 46,47 c. 37,14 × 82 d. 308 : 5,5

…… …… …… ……

…… …… …… ……

…… …… …… ……

…… …… …… ……

Câu 7. Lớp 5B có 32 học sinh, trong đó số học sinh 10 tuổi chiếm 75%, còn lại là học sinh 11 tuổi. Tính số học sinh 11 tuổi của lớp học đó.

……

……

……

……

……

……

……

……

……

Câu 8. Khi cộng một số thập phân với một số tự nhiên, một bạn đã quên mất dấu phẩy ở số thập phân và đặt tính như cộng hai số tự nhiên với nhau nên đã được tổng là 807. Em hãy tìm số tự nhiên và số thập đó? biết tổng đúng của chúng là 241,71.

……

……

……
……
……
……
……
……
……

Câu 9. Thùng thứ nhất có 28,6 lít dầu, thùng thứ hai có 25,4 lít dầu. Thùng thứ ba có số dầu bằng trung bình cộng số dầu ở 2 thùng kia. Hỏi cả 3 thùng có bao nhiêu lít dầu?

……
……
……
……
……
……
……
……
……

Câu 10. Tính nhanh.

a) $\left(1-\frac{1}{2}\right)\times\left(1-\frac{1}{3}\right)\times\left(1-\frac{1}{4}\right)\times\left(1-\frac{1}{5}\right)$

b) $\left(1-\frac{3}{4}\right)\times\left(1-\frac{3}{7}\right)\times\left(1-\frac{3}{10}\right)\times\left(1-\frac{1}{13}\right)\times ...\times\left(1-\frac{3}{97}\right)\times\left(1-\frac{3}{100}\right)$

……
……
……
……
……
……
……
……

ĐỀ 16

Phần I: TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng :

Câu 1: a) $4\frac{3}{5}$ có giá trị bằng phân số :

A. $\frac{9}{5}$ B. $\frac{12}{5}$ C. $\frac{23}{5}$

b) $27\frac{6}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là :

A. 27,6 B. 27,06 C. 2,76 D. 276

Câu 2: Tìm số dư trong phép chia 27,697 : 6,8(Số thương chỉ lấy đến hai chữ số thập phân)

A. 21 B. 0,21 C. 2,1 D.0,021

Câu 3: Nửa chu vi của một khu đất hình chữ nhật là 550 m, chiều rộng bằng $\frac{5}{6}$ chiều dài. Diện tích khu đất đó là :

A. 7500 m^2 B. 75000 m^2 C. 7500 ha D.6050m^2

Câu 4:

10 % của một số bằng 96 thì số đó là :

A. 9,6 B. 960 C. 0,960 . 96

Câu 5. Một người bán hàng bỏ ra 80000 đồng tiền vốn và được lãi 2 %. Số tiền lãi của người bán hàng là :

A. 20000 đồng B. 18000 đồng C. 1600 đồng D. 80000 đồng

Phần II: TỰ LUẬN

Câu 6: Tìm x, biết :

a) $x \times 4,2 = 216,72$

x =.....

x =.....

b) $x : 8,5 = 47,05 - 29,75$

x =.....

x =.....

x =.....

Câu 7: Tính :

a) $(51,24 - 8,2) : 26,9 : 10 =$.....

b) $263,24 : (31,16 + 34,65) - 3,99 =$ .....

Câu 8:

a) Viết 75 % ; 15 % ; 30 % thành các phân số tối giản :

.....

.....

b) Viết $\frac{3}{4}$; $\frac{2}{5}$; $\frac{3}{5}$ thành các tỉ số phần trăm :

.....

.....

Câu 9: Một mảnh đất hình tam giác có trung bình cộng của cạnh đáy và chiều cao là 53,1 m, chiều cao kém cạnh đáy 14 m. Trên thửa đất người ta trồng lúa, cứ 1 m^2 thu hoạch được
0,5 kg thóc. Tính số thóc thu hoạch được trên thửa đất bằng bao nhiêu kg ?
Bài giải
.....
.....
.....
.....

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

ĐÁPÁN -Đề 1

Câu 1. B. Một nghìn chín trăm bốn mươi hai phẩy năm mươi tư.

Câu 2. $8\frac{5}{2} = \frac{21}{2}$ Đ $\qquad 5\frac{3}{4} = \frac{14}{3}$ S

Câu 3.

4km 37m= 4037m $\qquad$ 8m 12cm= 812 cm

Câu 4. A. 900 000 đồng

Câu 5. 6 144m^2

PHẦN II. Trình bày bài giải các bài toán sau

Câu 6.

58,2	0,36	68,4	8
+ 24,3	+ 4,108	- 25,7	- 0,56
82,5	4,468	42,7	7,44

Câu 7.

Bài giải

Nửa chu vi mảnh vườn đó là

131,36 : 2 = 65,68(m)

Chiều dài mảnh vườn là :

(65,68 + 5,32): 2 = 35,5 (m)

Chiều rộng của mảnh vườn hình chữ nhật là:

35,5 – 5,32 = 30,18 (m)

Diện tích của mảnh vườn hình chữ nhật đó là:

35,5 x 30,18 = 1071, 39 (m^2)

Đáp số: 1071,39 m^2

Câu 8 .

Bài giải

Khi viết nhầm dấu phẩy của một số thập phân sang bên trái 1 chữ số thì số đó giảm đi 10 lần. Vậy số mới nhỏ hơn số ban đầu một số bằng 9 lần số mới. Do vậy khi thực hiện thì tổng mới sẽ giảm một số bằng 9 lần số thập phân mới(số mới sau khi bị viết nhầm)

9 lần số thập phân mới là

149,96 - 36,074 = 113,886

Số hạng mới sau khi bị viết nhầm là

113,886 : 9 = 12,654

Số thập phân ban đầu là:

12,654 x 10 = 126,54

Số thập phân còn lại là

149,96 - 126,54 = 23,42

Đáp số: Hai số thập phân là: 126,54 và 23,43

Câu 9.

a) 56,9 + 18,4 + 43,1 + 0,6

= (56,9 + 43,1) + (18,4 + 0,6)

b) 1,72 + 5,36 + 7,64 + 8,28

= (1,72 + 8,28) + (5,36 + 7,64)

= 100 + 19 = 10 + 13
= 119 = 23

ĐÁPÁN - ĐỀ 2

Phần I: Trắc nghiệm

Câu 1. C
Câu 2. B
Câu 3. B
Câu 4.C
Câu 5. C
Câu 6. C
Câu 7. A

Phần II

Câu 8: Thực hiện đúng mỗi phép tính được 0,5 điểm

325,75	142,43	23,6	50,5	2,5
+ 493,13	+ 34,38	x 4,3	0 5	20,2
818,88	108,05	708	50	
		944	0	
		101,48		

Câu 9

Chiều rộng đám ruộng là : 7,5 : (3 - 2) x 2 = 15 (m)
Chiều dài đám ruộng là: 15 + 7,5 = 22,5 (m)
Diện tích đám ruộng đó là: 22,5 x 15 = 337,5 (m^2)
Đáp số: 337,5 m^2

Câu 10.

Ngày thứ nhất bán được số ngô là :
500 x30 : 100 = 150 (Kg)
Số ngô còn lại sau khi bán ngày thứ nhất là
500 – 150 = 350 (kg)
Số ngô bán được trong ngày thứ hai là
350 x 70 : 100 = 245 (kg)
Cả hai ngày cửa hàng đó bán được số ngô là:
150 + 245 = 395 (kg)
Đáp số : 395 kg

ĐÁP ÁN - ĐỀ 3

PHẦN I.

Câu 1. a) B b). B

Câu 2. 350 kg

Câu 3.

a) $5,34km^2 = 534ha$ b) 2303g = 2.kg 303.g

Câu 4. Ý A

Câu 5. Ý D

PHẦN II.

Câu 6.

68,34 + 40,18 108,52	85 + 27,35 57,65	37,05 x 2,6 22230 7410 96,330	77,5 | 2,5 2 5 | 31 0 |

Câu 7.

Gạo nếp đã bán chiếm số phần trăm là :

100% - 65% = 35% (số gạo đã bán)

Số gạo nếp đã bán là :

120 : 100 x 35 = 42 (kg)

Đáp số : 42 kg gạo nếp

Câu 8.

a) 998 x 199,8 + 199,8 + 199,8
= 998 x 199,8 + 1 x 199,8 + 1 x 199,8
= (998 + 1 + 1) x 199,8
= 1000 x 199,8
= 199 800

b) 0,5 x 0,25 x 0,2 x 4
= (0,5 x 0,2) x (0,25 x 4)
= 0,1 x 1
=0,1

Câu 9.

Bài giải

Khi dịch chuyển dấu phẩy của 1 số thập phân sang bên phải 1 chữ số thì số đó tăng lên
10 lần. Như vậy tổng đó tăng lên 9 lần số thứ hai.

9 lần số thứ hai là : 49,1 - 27,95 = 21,15

Số thứ hai là : 21,15 : 9 = 2,35

Số thứ nhất là : 27,95 - 2,35 = 25,6

Đáp số : 25,6 ; 2,35

Câu 10.

Giải

Ta có : $\frac{2}{3} = \frac{12}{18}$; $\frac{3}{4} = \frac{12}{16}$; $\frac{4}{5} = \frac{12}{15}$

Như vậy : Số học sinh của xe thứ nhất chở gồm 18 phần thì số học sinh xe thứ hai chở gồm 16 phần và xe thứ ba chở gồm 15 phần như thế .

Số phần bằng nhau là :

18 + 16 + 15 = 49 (phần)

Số học sinh xe thứ nhất chở là :

147 : 49 x 18 = 54 (học sinh)

Số học sinh xe thứ hai chở là :

147 : 49 x 16 = 48 (học sinh)

Số học sinh xe thứ ba chở là :

147 – (54 + 48) = 45 (học sinh)

Đáp số : 54 học sinh

48 học sinh

45 học sinh

ĐÁP ÁN - ĐỀ 4

PHẦN I. (5 điểm)

Câu 1. Khoanh vào ý B.

Câu 2.

a) 4m 23cm = 423 cm Đ

b) 75 000kg = 7500 tấn S

Câu 3.

37,568 : 10	137,4 x 0,01
0,953 : 10	37,568 x 0,1
137,4 : 100	458,34 x 0,01
458,34 : 100	0,953 x 0,1

Câu 4. 14cm^2

Câu 5. Khoanh vào ý C.

Câu 6. B

PHẦN II.

Câu 7.

a) 576 : 12 – 3,6 x 2,5
= 48 - 9
= 38

b) 0,3 + 120,18 x 0,1
= 0,3 + 12,018
= 12,318

Câu 8.

Nửa chu vi của thửa ruộng là:
240 : 2 = 120 (m)
Chiều rộng của thửa ruộng là:
120 : (3+1) x 1 = 30 (m)
Chiều dài của thửa ruộng là:
30 x 3 = 90 (m)
Diện tích của thửa ruộng đó là:
90 x 30 = 2700 (m^2) = 0,27 ha
Đáp số: 0,27 ha; 2700 m^2

Câu 9.

y x (2,8 : 0,2) = 5,86 x 7
y x 14 = 41,02
y = 41,02 : 14
y = 2,93

b) $\frac{48}{y} = \frac{6}{21}$

$\frac{48}{y} = \frac{6\times 8}{21\times 8}$

$\frac{48}{y} = \frac{48}{168}$

Vậy y = 168

Câu 10.

Giải

Độ dài cạnh DC của hình chữ nhật ABCD là :
2400 : (25 + 15) = 60 (cm)
Diện tích hình tam giác DMC là :
(60 x 25) : 2 = 750 (cm^2)
Đáp số : 750 cm^2

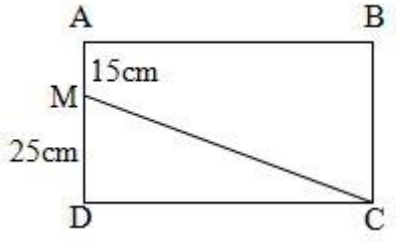

ĐÁP ÁN - ĐỀ 5

PHẦN I.

Câu 1. ý A

Câu 2. Ý B

Câu 3.

A. 8,7 + 2,3 < 5,2 + 9,7 B. 5,89 - 2,34 < 76 + 0,48

C. 4,9 x 0,1 > 4,9 : 100 D. 100 - 62,28 > 2,15 x 3,07

Câu 4. ý C

Câu 5. 6cm^2

PHẦN II.

Câu 6.Tính bằng cách thuận tiện nhất.

a) 9,65 x 0,4 x 2,5 = 9,65 x (0,4 x 0,25)

= 9,65 x 0,1

= 0,965

b) $A = \frac{1}{2\ x\ 3} + \frac{1}{3x4} + \frac{1}{4x5} + \frac{1}{5x6} = \frac{3-2}{2\ x\ 3} + \frac{4-3}{3x4} + \frac{5-4}{4x5} + \frac{6-5}{5x6}$

$= \frac{3}{2\ x\ 3} - \frac{2}{2x3} + \frac{4}{3x4} - \frac{3}{3x4} + \frac{5}{4x5} - \frac{4}{4x5} + \frac{6}{5x6} - \frac{5}{5x6}$

$= \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \frac{1}{4} - \frac{1}{5} + \frac{1}{5} - \frac{1}{6}$

$= \frac{1}{2} - \frac{1}{6} = \frac{3}{6} - \frac{1}{6} = \frac{2}{6} = \frac{1}{3}$

Câu 7.

Gạo tẻ chiếm số phần trăm là:

100% - 35% = 65% (số gạo)

Người đó bán được số gạo tẻ là:

120 : 100 x 65 = 78 (kg)

Đáp số: 78kg gạo tẻ.

Câu 8. Bài giải

Vì số sách ở ngăn trên không thay đổi nên ta có phân số chỉ 11 quyển sách là :

$\frac{5}{6} - \frac{4}{7} = \frac{11}{42}$ (số sách ở ngăn trên)

Số sách ở ngăn trên là :

$11 : \frac{11}{42} = 42$ (quyển)

Số sách ở ngăn dưới là :

42 : 6 x 5 = 35 (quyển)

Số sách trên giá sách là :

42 + 35 = 77 (quyển)

Đáp số : 77 quyển

Câu 9.

Giải

Từ A hạ AH vuông góc CD, AH chính là chiều cao chung của 2 tam giác ABC và ABD.

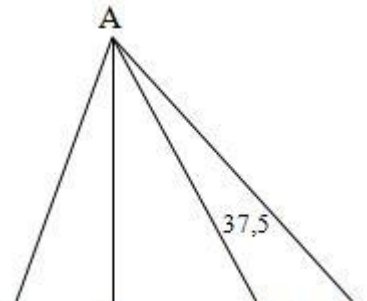

Độ dài chiều cao AH là: (37,5 x2) : 5 = 15 (cm)

Độ dài cạnh đáy BC là: (150 x2) : 15 =20 (cm)

Câu 10. Tìm y

a) $\frac{24}{y} : \frac{8}{3} = \frac{3}{5}$

$\frac{24}{y} = \frac{3}{5} \times \frac{8}{3}$

$\frac{24}{y} = \frac{8}{5}$

$\frac{24}{y} = \frac{8 \times 3}{5 \times 3} = \frac{24}{15}$

Vậy y = 15

b) y x 3,18 = 56,019 - 16,11

y x 3,18 = 39,909

y = 39,909 : 3,18

y = 12,55

ĐÁP ÁN - ĐỀ 6

PHẦN I.

Câu 1. ý C

Câu 2.

a) $9cm^2$ 7 mm^2 = 9,07 cm^2 Đ

b) 10kg 1g =10,01kg S

Câu 3. ý C

Câu 4. 42000 đồng

Câu 5. ý C

PHẦN II.

Câu 6.

a)(28,7 + 34,5) x 2,4 = 63,2 x 2,4
= 151,68

b) 73,42 - 8,568 : 3,6 + 48,32
= 73,42 - 2,38 + 48,32
= 71,04 + 48,32
= 119,36

Câu 7.

Diện tích căn phòng hình chữ nhật đó là:

6 x 4= 24(m^2)

Số tiền mua gỗ để lát cả căn phòng đó

280 000 x 24 = 6 720 000 (đồng)

Đáp số : 6 720 000 đồng

Câu 8.

(x- 3,64) x 2,5 = 15,85
(x- 3,64) = 15,85 : 2,5
x- 3,64 = 6,34
x = 6,34 + 3,64
x = 9,98

b) 52 × (y : 78) = 3380
(y : 78) = 3380 : 52
y : 78 = 65
y = 65 x 78
y = 5070

Câu 9.

Bài giải

Chiều dài thật của mảnh đất là:

5 × 1000 = 5000 (cm) hay 50m

Chiều rộng thật của mảnh đất là:

3 × 1000 = 3000 (cm) hay 30m

Diện tích của mảnh đất đó là:

50 × 30= 1500 (m^2)

Đáp số: 1500m^2

Câu 10.

Bài giải

Diện tích hình tam giác là :

$604,64 : \frac{4}{3} = 453,48(cm^2)$

Cạnh đấy của hình tam giác là

453,48 x 2 : 24 = 37,79(cm)

Đáp số : 37,79cm

ĐÁP ÁN - ĐỀ 7 CUỐI KÌ 1

PHẦN I.

Câu 1. C

Câu 2. C

Câu 3.

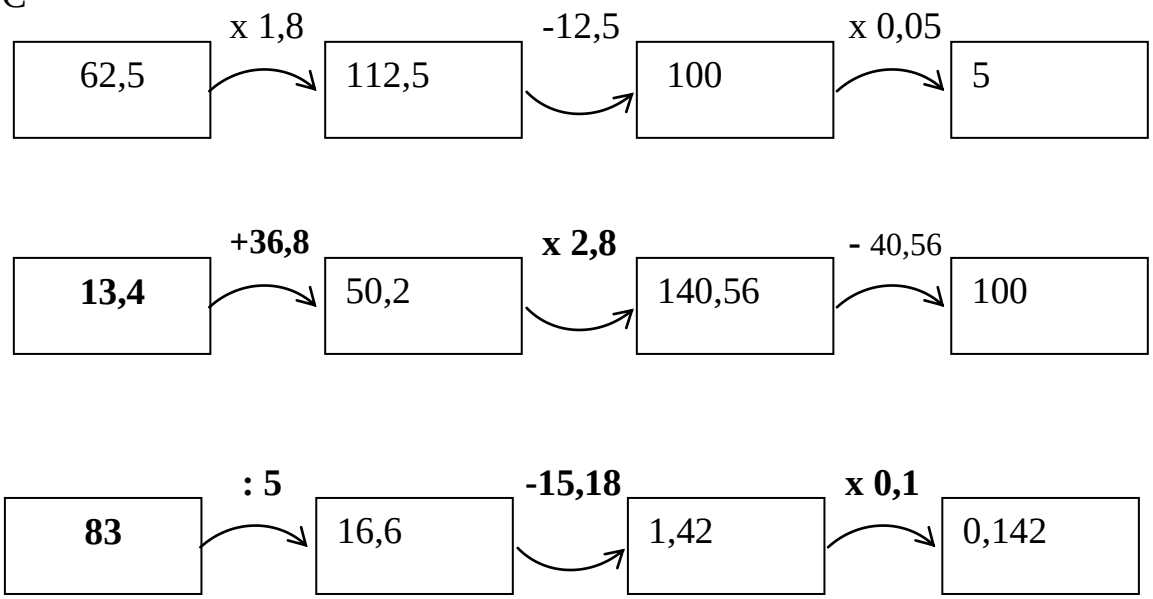

Câu 4. B

Câu 5. $\frac{2}{15}$ m

PHẦN II.

Câu 6.

a) 207,5 – 12,3 x 2,4 = 207,5 - 29,52
= 177,98

b) 11,4 + 8,7 x 3,5 – 9,6
= 11,4 + 30,45- 9,6
= 41,85 - 9,6
= 32,25

Câu 7.

Diện tích của căn phòng đó là:

10 x 8 = 80 (m^2)

Đổi: 80 m^2 = 800 000 cm^2

Diện tích một viên gạch men là:

50 x 50 = 2 500 (cm^2)

Cần số viên gạch để lát kín nền căn phòng đó là:

800 000 : 2 500 = 320 (viên)

Đáp số: 320 viên gạch men.

Câu 8.

Bài giải

Khi viết nhầm dấu phẩy của một số thập phân sang bên trái 1 chữ số thì số đó giảm đi 10 lần. Vậy số mới nhỏ hơn số ban đầu một số bằng 9 lần số mới. Do vậy khi thực hiện thì tổng mới sẽ giảm một số bằng 9 lần số thập phân mới(số mới sau khi bị viết nhầm)

9 lần số thập phân mới là

149,96 - 36,074 = 113,886

Số hạng mới sau khi bị viết nhầm là

113,886 : 9 = 12,654

Số thập phân ban đầu là:

12,654 x 10 = 126,54

Số thập phân còn lại là

149,96 - 126,54 = 23,42

Đáp số: Hai số thập phân là: 126,54 và 23,43

Câu 9. Sau khi giặt tấm vải bị co mất 2% nên tấm vải sau khi giặt bằng số phần trăm chiều dài miếng vải ban đầu là.

100% - 2% = 98%(chiều dài ban đầu)

Chiều dài miếng vải ban đầu là

29,4 : 98 x 100 = 30 (m)

Đáp số: 30 m

Câu 10.

(0,56 : *x)* - 1,4 = 8,6

0,56 : *x* = 8,6 + 1,4

0,56 : *x* = 10

x = 0,56 : 10

x = 0,056

ĐÁP ÁN - ĐỀ 8

PHẦN I.

Câu 1. C.

Câu 2. C

Câu 3. D

Câu 4. B

Câu 5.

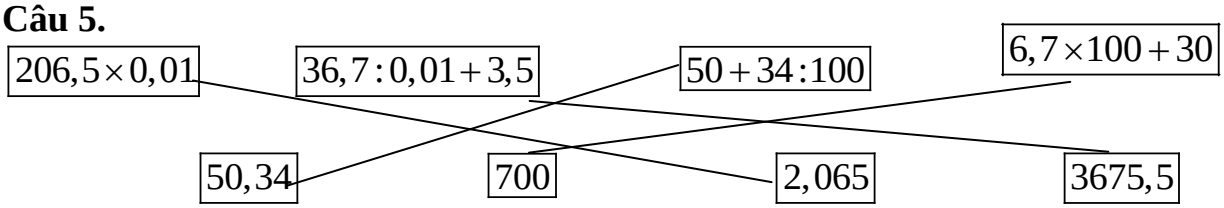

PHẦN II.

Câu 7.

x x 100 = 1,643 + 7,357

x x 100 = 9

x = 9 : 100

x = 0,09

b) 0,16 : *x* = 2 – 0,4

0,16 : *x* = 1,6

x = 0,16 : 1,6

x = 0,1

Câu 8.

Bài giải

Chiều rộng của thửa ruộng là :

42 - 16 = 28 (m)

Tổng của chiều dài và chiều rộng thửa ruộng là :

42 + 28 = 70 (m)

Ta có giảm chiều dai và tăng chiều rộng của thửa ruộng cùng một số để thửa ruộng thành hình vuông nên tổng của chiều dài và chiều rộng không thay đổi

Cạnh của thửa ruộng hình vuông là :

70 : 2 = 35 (m)

Chiều dài giảm đi số mét là :

42 - 35 = 7 (m)

Đáp số : 7m

Câu 9.

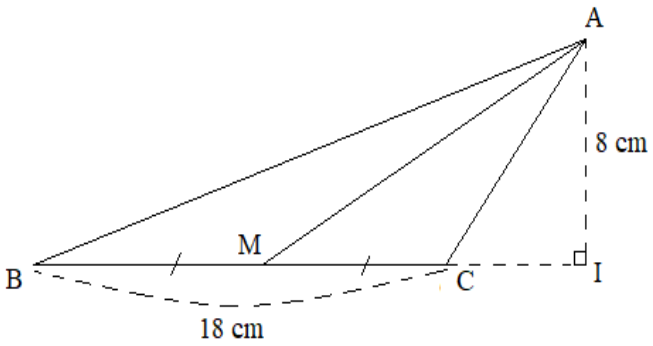

Bài giải

a) Diện tích tam giác ABC là :

18 x 8 : 2 = 72 (cm^2)

Vì M là trung điểm của cạnh BC nên độ dài cạnh BM là :

18 : 2 = 9 (cm)

AI là chiều cào của tam giác ABC cũng là chiều cao của tam giác ABM

Nên diện tích tam giác ABM là :

9 x 8 : 2 = 36 (cm^2)

b) Tỉ số phần trăm của diện tích tam giác ABM so với diện tích tam giác ABC là :

36 : 72 = 0,5 = 50%

Đáp số : a) 36cm^2 ; b) 50%

Câu 10.

a) $\frac{45\times33\times8}{9\times11\times12}=\frac{9\times5\times11\times3\times4\times2}{9\times11\times4\times3}$ = 5 x 2 = 10

b) $\frac{8\times15\times9}{5\times3\times2}$ = $\frac{4\times2\times3\times5\times9}{5\times3\times2}$ = 4 x 9 = 36

ĐÁP ÁN - ĐỀ 9

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. B

Câu 2. D.1%

Bài 3. C. 2,8kg

Câu 4.

có 18 số

30,57; 30,75; 35,07; 35,70; 37,05; 37,50

50,37; 5,73; 53,07; 53,70; 57,03; 57,30
70,35; 70,53; 73,05; 73,50; 75,03; 75,30

Câu 5.

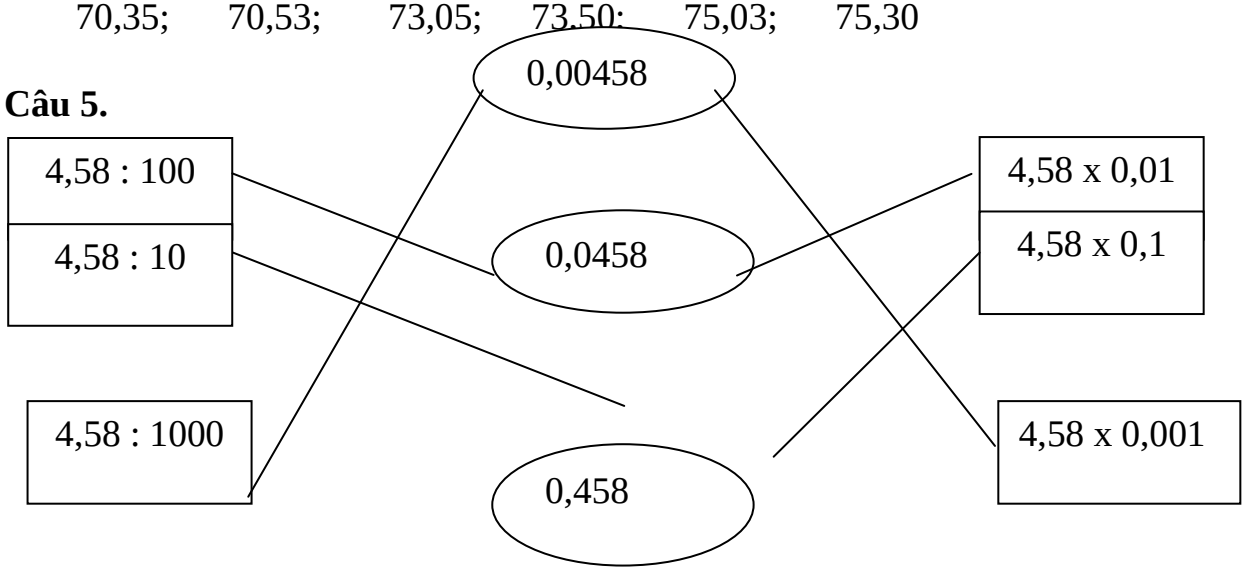

PHẦN 2

Câu 6. a/ b) 95,64 + 27,35 = 68,29

39,72 + 46,18 = 85,9

31,05 x 2,6 = 80,73

77,5 : 2,5 = 30,2

Câu 7.

a) Ta có A = 198719871987 x 1988198819881988
= 1987 x 100010001 x 1988 x 1000100010001
= 1987 x 1988 x 100010001 x 1000100010001
B = 198819881988 x 1987198719871987
= 1988 x 100010001 x 1987 x 1000100010001
= 1988 x 1987 x 100010001 x 1000100010001
= 1987 x 1988 x 100010001 x 1000100010001
Vậy A = B

b) A = 19,91 x 19,99 = 19,91 x (19,95 + 0,04)
= 19,91 x 19,95 + 19,91 x 0,04

B = 19,95 x 19,95 = 19,95 x (19,91 + 0,04)
= 19,95 x 19,91 + 19,95 x 0,04
= 19,91 x 19,95 + 19,95 x 0,04

Ta thấy 19,95 x 0,04 > 19,91 x 0,04
nên 19,91 x 19,95 + 19,95 x 0,04 > 19,91 x 19,95 + 19,91 x 0,04
Hay A < B

Câu 8. Bài giải

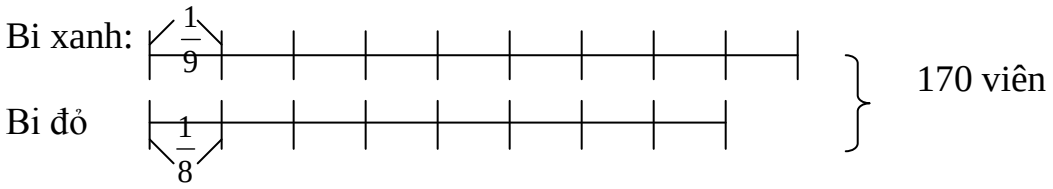

Tổng số phần bằng nhau là: 9 + 8 = 17 (phần)

Giá trị 1 phần: 170 : 17 = 10 (viên)

Số bi xanh là: 10 x 9 = 90 (viên)

Số bi đỏ là: 10 x 8 = 80 (viên)

ĐS: 90 viên bi xanh; 80 viên bi đỏ.

Câu 9.

Giải

Gọi chiều dài ban đầu của HCN là 100% thì chiều dài mới là:

100% + 10% = 110% (chiều dài ban đầu)

Gọi chiều rộng ban đầu của HCN là 100% thì chiều rộng mới là:

100% - 10% = 90% (chiều rộng ban đầu)

Vậy diện tích mới so với diện tích cũ có tỷ số là:

$\frac{110}{100} \times \frac{90}{100} = \frac{99}{100}$

Vậy diện tích của HCN sẽ giảm đi số % là:

(100 - 99) : 100 = 1%

Câu 10.

Bài giải

Vì chiều dài đám đất gấp 3 lần chiều rộng nên diện tích đám đất là số chia hết cho 3. Ta chia đám đất thành 3 hình vuông.

Từ 60 – 80 các số chia hết cho 3 là:60, 63, 66, 69, 72, 75, 78.

Suy ra diện tích của mỗi hình vuông có thể là: 21, 22, 23, 24, 25, 26.

Vì cạnh hình vuông cũng là chiều rộng của đám đất hình chữ nhật là một số tự nhiên nên diện tích hình vuông bằng $25\,m^2$.

Suy ra cạnh hình vuông hay chiều rộng đám đất là 5m để có $5 \times 5 = 25\,m^2$.

Chiều dài đám đất : 5 x 3 = 15 (m)

Chu vi hình chữ nhật: (15 + 5) x 2 = 40 (m)

ĐS: 40 m.

ĐÁP ÁN - ĐỀ 10

I. PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. B. 0,34 ha

Câu 2. D. 2,3

Câu 3. B. 25,1; 9,08; 3,41; 2,58; 1,003

Câu 4. Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) 124,8 + 41,05 + 7,2 = 173,05 | Đ

b) 6,8 + 128,15 + 5,23 = 140,18 | Đ

c) 52,17 + 10,23 + 8,05 = 70,55 | S

Đ

d) 8,3 + 1,7 + 2,9 + 8,1 = 21

Câu 5. B.36,125 dm^2

II. PHẦN 2: TỰ LUẬN

Câu 6.

a) 4,75 x 3,9 + 4,75 x 2,7 + 4,75 x 3,4 = 4,75 x (3,9 + 2,7 + 3,4)
= 4,75 x 10
= 47,5

b) 10,05 x 15,7 - 10,05 x 4,7 - 10,05 = 10,05 x (15,7 - 4,7 - 1)
= 10,05 x 10 = 100,5

Câu 7.

Bài giải

Trong 1 giờ người công nhân sản xuất được là: (0, 25đ)
72 : 3 = 24 (Sản phẩm) (0,25đ)
Trong 6,5 giờ người công nhân sản xuất được là: (0,25đ)
24 x 6,5 = 156 (Sản phẩm) (0,25đ)
Đáp số: 156 Sản phẩm

Câu 8.

Bài giải

Tỉ số phần trăm của diện tích đất làm nhà và diện tích đất còn lại là: (0,25đ)
80 : 320 x 100 = 25 % (0,5 đ)
Đáp số: 25 % (0,25đ)

Câu 9.

Bài giải

Tổng hai số đã cho là: 17,65. Khi thêm và bớt số A vào hai số thì tổng hai số vẫn là 17,65.
Vì tỉ số của hai số là 4 nên số lớn bằng 4 lần số nhỏ. Vậy ta có 17,65 chính là 5 lần số nhỏ.
Số nhỏ (sau khi thêm A) là: 17,65 : 5 = 3,53. Số A cần tìm là: 3,53 - 2,87 = 0,66.

Câu 10.

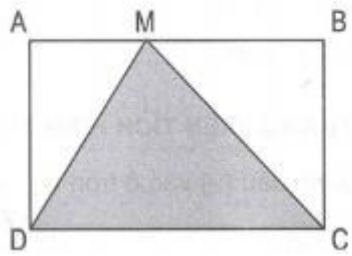

Bài giải

Hình tam giác MDC có chiều cao MH bằng chiều rộng của hình chữ nhật ABCD, đáy DC bằng chiều dài của hình chữ nhật ABCD.

Do đó diện tích hình tam giác MDC là:
25 x 16 : 2 = 200 cm^2

ĐÁP ÁN - ĐỀ 11

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: C

Câu 2: D

Câu 3. a - A b - C

Câu 4: A

Câu 5: 25 học sinh

II. TỰ LUẬN:

Câu 6

a) 658,3 + 96.28 = 754,58

b) 93,813 - 46,47 = 47,343

c) 37, 14 x 82 = 74 28 + 29 71 2 = 30 45,48

d) 3080 | 5,5 = 330 | 56, 00 |

Câu 7.

a) y + 1,25 = 13,5 : 4,5
y + 1,25 = 3
y = 3 -1,25
y = 1,75

b) y x 4,25 = 1,7 x 3
y x 4,25 = 5,1
y = 5,1 : 4,25
y = 1,2

Câu 8:

Bài giải

Chiều dài của thửa ruộng hình chữ nhật đó là:

35 x = 49 (m)

Diện tích của thửa ruộng hình chữ nhật đó là:

49 x 35 = 1715 (m^2)

Số tấn thóc thu hoạch được trên thửa ruộng đó là:

1715 x 20 = 34300 (kg)

Đổi 34300kg = 34,3 (tấn)

Đáp số: 34,4 tấn thóc

Câu 9:

Bài giải

Tổng số tiền mẹ cho hai anh em là

23 000 + 42 000 = 65 000(đồng)

Vì anh cho em bằng 40% số tiền em có nên em có 140 % số tiền của em.

Số tiền mẹ cho em là

42 000 : 140 x 100 = 30 000(đồng)

Số tiền mẹ cho anh là

65 000 - 30 000 = 35 000(đồng)

Đáp số : em 30 000 đồng

Anh 35 000 đồng.

Câu 10.

$\frac{1}{4} : 0{,}25 - \frac{1}{8} : 0{,}125 + \frac{1}{2} : 0{,}5 - \frac{1}{16} : 0{,}0625 = \frac{1}{4} : \frac{1}{4} - \frac{1}{8} : \frac{1}{8} + \frac{1}{2} : \frac{1}{2} - \frac{1}{16} : \frac{1}{16}$

$= 1 - 1 + 1 - 1$

$= 0$

ĐÁP ÁN - ĐỀ 12

Phần I: TRẮC NGHIỆM

Câu 1:

A. Bốn mươi hai phẩy bảy S

B. Bốn mươi hai phẩy linh bảy S

C. Bốn mươi hai đơn vị bảy phần nghìn S

D. Bốn mươi hai phẩy không trăm linh bảy Đ

Câu 2 .B. 38,25

Câu 3. D. a = 5

Câu 4:

a) 3km 6 m = 3006 m

b) 4 tạ 9 yến = 490kg

c) 15m 6dm = 1560cm

d) 2yến 4hg = 204 hg

Câu 5: 20%

Phần II: TỰ LUẬN

Câu 6.

Câu 7.

a) y - 1,57 = 6,28 - 2,86

y - 1,57 = 3,42

y = 4,99

b) 1,2 : y = 1,7 (dư 0,01)

1,7 x y + 0,01 = 1,2

1,7 x y = 1,19

y = 0,7

Câu 8. Bài giải

Tuổi mẹ hiện nay là

5 x 7 = 35 (tuổi)

Mẹ tăng 1 tuổi thì con cũng tăng 1 tuổi nên hiệu số tuổi sẽ không thay đổi theo thời gian nên hiệu số tuổi của hai mẹ con là :

35 - 5 = 30 (tuổi)

Nếu coi tuổi con sau này là 1 phần thì tuổi mẹ là 4 phần như thế

Tuổi con sau này là :

30 : (4 - 1) x 1 = 6 (tuổi)

Tuổi mẹ gấp 4 lần tuổi con sau số năm nữa là :

6 - 5 = 1 (năm)

Đáp số : 1 năm

Câu 9.

A

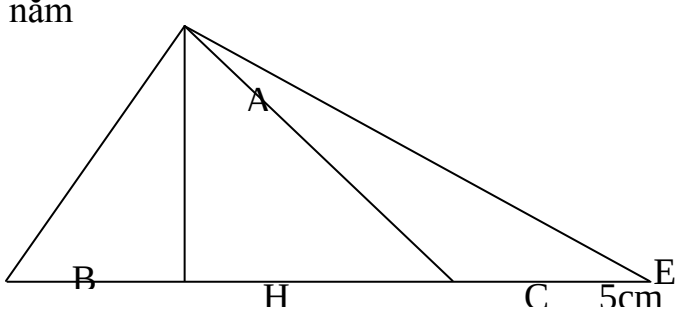

- Chiều cao hạ từ đỉnh A xuống đáy BC của tam giác là :

$30 \times 2 : 5 = 12$ (cm) (1 điểm)

- Vì AH là chiều cao chung của hai tam giác ABC và ADB .

Nên đáy BC của tam giác là :

$150 \times 2 : 12 = 25$ (cm) (1 điểm)

Đáp số : 30 (cm) (0,5 điểm)

Câu 10. $(1 - \frac{1}{2}) \times (1 - \frac{1}{3}) \times (1 - \frac{1}{4}) \times (1 - \frac{1}{5}) = \frac{1}{2} \times \frac{2}{3} \times \frac{3}{4} \times \frac{4}{5} = \frac{1}{5}$

ĐÁP ÁN - ĐỀ 13

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1 : A

Câu 2 : B

Câu 3 : B

Câu 4 : C

Câu 5. 5 giờ 30 phút = 5,5 giờ

II. TỰ LUẬN

Câu 6.

$$\begin{array}{r} 7,521 \\ +\ 2,137 \\ \hline 9,658 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 23,5 \\ \times\ 4,2 \\ \hline 470 \\ 940 \\ \hline 98,70 \end{array}$$

Câu 7.

Bài giải

Tổng số trâu bò của nông trường đó là :

195 : 65 x 100 = 300 (con)

Số trâu của nông trường đó là :

300 - 195 = 105 (con)

Đáp số : 105 con

Câu 8.

a) 4,75 x 3,9 + 4,75 x 2,7 + 4,75 x 3,4 = 4,75 x (3,9 + 2,7 + 3,4)

= 4,75 x 10

= 47,5

b) 10,05 x 15,7 - 10,05 x 4,7 - 10,05 = 10,05 x (15,7 - 4,7 - 1)

= 10,05 x 10 = 100,5

Câu 9. **Bài giải**

Chu vi hình chữ nhật là

(12 + 6) x 2 = 36 (cm)

Cạnh của hình vuông là

36 : 4 = 9 (cm)
Diện tích của hình vuông là
9 x 9 = 81 cm^2

Đáp số : 81 cm^2

ĐÁP ÁN - ĐỀ 14

Phần I: TRẮC NGHIỆM

Câu 1: C. $\frac{35}{1000}$

Câu 2. B. 208 lít

Câu 3. B . 345,08 = 3 x 100 + 4 x 10 + 5 + 8 x 0,01

Câu 4. D. 0,0023

Câu 5:

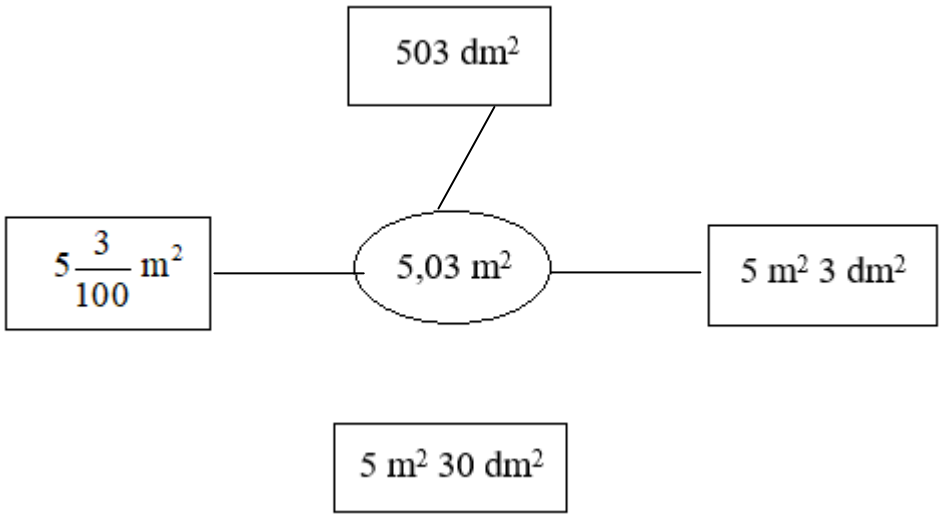

Phần II: TỰ LUẬN

Câu 6.

a) 8dam^2 = 800 m^2 3m^2 = 30000 cm^2

7ha = 70 000 m^2 13km^2 = 1300 ha

b) 300m^2 = 3 dam^2 2100dam^2 = 21 hm^2

50000m^2 = 5ha 34000ha = 340 km^2

Câu 7:

a) $\frac{3}{4} \times 8,4 + 2,8 \times 1\frac{1}{2} = \frac{3}{4}$ x $\frac{42}{5} + \frac{14}{5}$ x $\frac{3}{2}$

$= \frac{39}{5} + \frac{21}{5}$

$= \frac{60}{5} = 12$

b) $\frac{3}{4} \times 2\frac{3}{9} + 45,8 \times 0,07 = \frac{7}{4} + 3,206$

= 1,75 + 3,206

= 4,956

Câu 8:

Bài giải

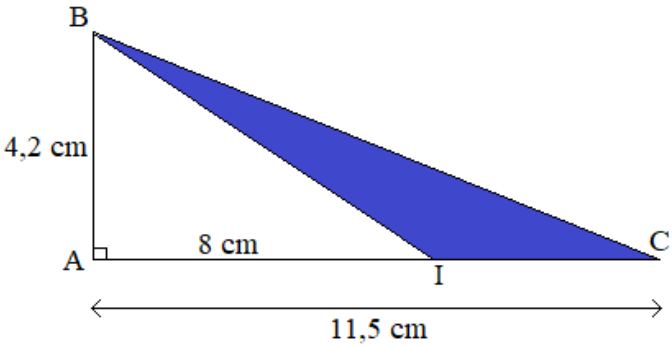

Diện tích tam giác ABC là

11,5 x 4,2 : 2 = 24,15(cm^2)

Diện tích tam giác ABI là

4,2 x 8 : 2 = 16,8 (cm^2)

Diện tích phần tô đậm là

24,15 - 16,8 = 5,55 (cm^2)

Đáp số : 5,55 (cm^2)

Câu 9: Bài giải

Ta có sơ đồ

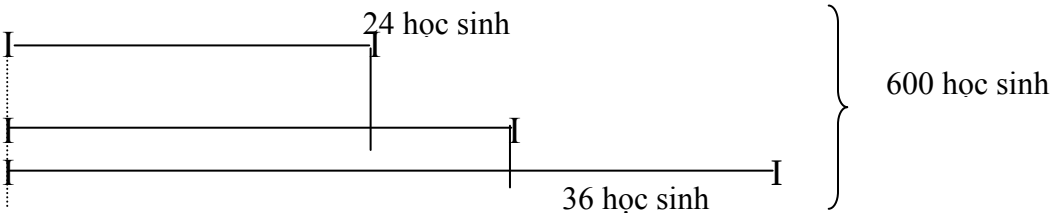

Theo sơ đồ ta có:

Số học sinh khối 5 là :

(600 - 24 - 36) : 3 = 180 (học sinh)

Số học sinh khối 4 là :

180 + 24 = 204 (học sinh)

Số học sinh khối 3 là "

204 + 36 = 240 (học sinh)

Đáp số : Khối 3 :240 học sinh

Khối 4 : 204 học sinh

Khối 5 : 180 học sinh.

ĐÁP ÁN - ĐỀ 15.

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. D. Hai phẩy ba.

Câu 2. C. $\frac{7}{1000}$

Câu 3. C. 52,5%

Câu 4. D. 20 cm^2

Câu 5. D. 17,1

II. TỰ LUẬN

Câu 6.

Đặt tính rồi tính:

a. 658,3 + 96,28

```
  658,3
+ 96,28
 754,58
```

b. 93,813 – 46,47

```
  93,813
- 46,47
 47,343
```

c. 37,14 × 82

```
  37,14
×    82
  7428
29712
304548
```

d. 308 : 5,5

```
3080 | 5,5
330  |
   0 | 56
```

Câu 7.

Bài giải

Số học sinh 10 tuổi của lớp 5B là:

32 : 100 × 75 = 24 (học sinh)

Số học sinh 11 tuổi của lớp 5B là:

32- 24 =8 (học sinh)

Đáp số: 8 học sinh.

Câu 8.

Bài giải

Vì tổng đúng là 241,71 nên số thập phân có 2 chữ số ở phần thập phân nên khi bạn đó quên không viết dấu phẩy ở số thập phân thì số thập phân đã tăng nên 100 lần.

Tổng đúng tăng lên 99 lần số thập phân.

99 lần số thập phân là:

807 - 241,71 =565,29

Số thập phân đó là :

565,29 : 99 = 5,71

Số tự nhiên là : 241,71 - 5,71 = 236

Đáp số : 236 và 5,71

Câu 9.

Bài giải

Số lít dầu ở thùng thứ 3 là :

(28,6 + 25,4) : 2 = 27 (l)

Cả 3 thùng có số lít dầu là :

28,6 + 25,4 + 27 = 81 (l)

Đáp số : 81 lít

Câu 10.

a) $\left(1-\frac{1}{2}\right)\times\left(1-\frac{1}{3}\right)\times\left(1-\frac{1}{4}\right)\times\left(1-\frac{1}{5}\right) = \frac{1}{2}\times\frac{2}{3}\times\frac{3}{4}\times\frac{4}{5}$

$= \frac{1}{5}$

b) $\left(1-\frac{3}{4}\right)\times\left(1-\frac{3}{7}\right)\times\left(1-\frac{3}{10}\right)\times\left(1-\frac{1}{13}\right)\times ...\times\left(1-\frac{3}{97}\right)\times\left(1-\frac{3}{100}\right)$

$= \frac{1}{4}\times\frac{4}{7}\times\frac{7}{10}\times\frac{10}{13}\times\frac{13}{16}\times\frac{16}{19}....\times\frac{94}{97}\times\frac{97}{100}$

$= \frac{1}{100}$

ĐÁP ÁN - ĐỀ 16

Phần I: TRẮC NGHIỆM

Câu 1: C. $\frac{23}{5}$

b) B. 27,06

Câu 2: D.0,021

Câu 3. B. 75000 m^2

Câu 4: B. 960

Câu 5. C. 1600 đồng .

Phần II: TỰ LUẬN

Câu 6: Tìm x, biết :

x x 4,2 = 216,72	x : 8,5 = 47,05 - 29,75
x = 216,72 : 4,2	x : 8,5 = 17.3
x = 51,6	x = 17,3 x 8,5
	x = 147,05

Câu 7:

a) (51,24 - 8,2) : 26,9 : 10 = 43,04 : 26,9 : 10

= 1,6 : 10

= 0,16

b) 263,24 : (31,16 + 34,65) - 3,99 = 263,24 : 65,81 - 3,99

= 4 - 3,99

= 0,01

Câu 8:

a) 75% = $\frac{75}{100} = \frac{3}{4}$ 15% = $\frac{15}{100} = \frac{3}{20}$ 30% = $\frac{30}{100} = \frac{3}{10}$

b) $\frac{3}{4}$ = 0,75 $\frac{2}{5}$ = 0,04 $\frac{3}{5}$ = 0,06

Câu 9: Một mảnh đất hình tam giác có trung bình cộng của cạnh đáy và chiều cao là 53,1 m, chiều cao kém cạnh đáy 14 m. Trên thửa đất người ta trồng lúa, cứ 1 m^2 thu hoạch được

0,5 kg thóc. Tính số thóc thu hoạch được trên thửa đất bằng bao nhiêu kg ?

Bài giải

Tổng của cạnh đáy và chiều cao là :

53,1 x 2 = 106,2(m)

Cạnh đáy của tam giác có độ dài là :

(106,2 + 14) : 2 = 60,1(m)

Chiều cao của tam giác có độ dài là:

106,2 - 60,1 = 46,1(m)

Diện tích thửa ruộng là :

60,1 x 46,1 = 2 770,61(m^2